

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

LỊCH SỬ[?] và ĐỊA LÍ

4



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

NGUYỄN ANH DŨNG (Chủ biên)

NGUYỄN TUYẾT NGA

NGUYỄN MINH PHƯƠNG

PHẠM THỊ SEN

LỊCH SỬ và ĐỊA LÍ 4

(Tái bản lần thứ mười sáu)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Hãy bảo quản, giữ gìn sách giáo khoa để dành tặng cho các em học sinh lớp sau !

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam - Bộ Giáo dục và Đào tạo.

01-2021/CXBIPH/96-1559/GD

Mã số : 1H405T1

PHẦN MỞ ĐẦU

BÀI 1

MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ

Nước Việt Nam bao gồm phần đất liền, các hải đảo, vùng biển và vùng trời bao trùm lên các bộ phận đó. Phần đất liền nước ta có hình chữ S, phía bắc giáp Trung Quốc, phía tây giáp Lào và Cam-pu-chia, phía đông và phía nam là vùng biển rộng lớn. Vùng biển Việt Nam là một bộ phận của Biển Đông. Trong vùng biển nước ta có nhiều đảo và quần đảo.

Trên đất nước Việt Nam có 54 dân tộc anh em chung sống. Có dân tộc sống ở miền núi hoặc trung du ; có dân tộc sống ở đồng bằng hoặc ở các đảo, quần đảo trên biển.

- Em hãy xác định vị trí của nước ta trên bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam.
- Em đang sống ở nơi nào trên đất nước ta ?

Thiên nhiên ở mỗi nơi trên đất nước ta đều có nét riêng. Con người sống ở đó cũng có những đặc điểm riêng trong đời sống, sản xuất ; trong cách ăn mặc, phong tục tập quán,... Song, dù ở nơi nào, thuộc dân tộc nào, người dân đã sống trên dải đất này đều chung một Tổ quốc Việt Nam, chung một lịch sử, một truyền thống Việt Nam.

Để có Tổ quốc Việt Nam tươi đẹp như hôm nay, ông cha ta đã phải trải qua hàng ngàn năm lao động, đấu tranh để dựng nước và giữ nước.

Môn Lịch sử và Địa lí giúp các em biết những điều trên và từ đó các em thêm yêu thiên nhiên, yêu con người và yêu Tổ quốc ta.

Để học tốt môn Lịch sử và Địa lí, các em cần tập quan sát sự vật,

hiện tượng ; thu thập tìm kiếm tài liệu lịch sử, địa lí ; mạnh dạn nêu thắc mắc, đặt câu hỏi và cùng tìm câu trả lời. Tiếp đó, các em nên trình bày kết quả học tập bằng cách diễn đạt của chính mình.

Môn Lịch sử và Địa lí ở lớp 4 giúp các em hiểu biết thiên nhiên và con người Việt Nam, biết công lao của cha ông ta trong một thời kì dựng nước và giữ nước từ thời Hùng Vương - An Dương Vương đến buổi đầu thời Nguyễn.

CÂU HỎI

1. Môn Lịch sử và Địa lí lớp 4 giúp các em hiểu biết gì ?
2. Em hãy tả sơ lược cảnh thiên nhiên và đời sống của người dân nơi em ở.

BÀI 2

LÀM QUEN VỚI BẢN ĐỒ

1. Bản đồ

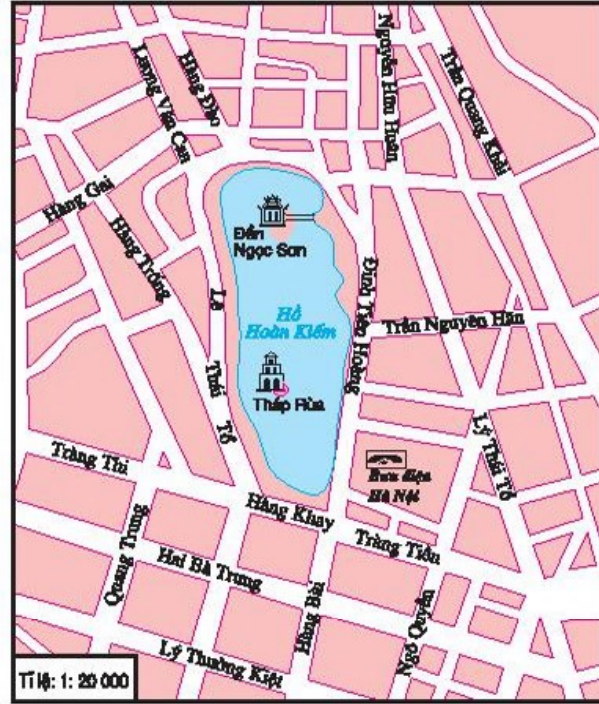
Bản đồ là hình vẽ thu nhỏ một khu vực hay toàn bộ bề mặt Trái Đất theo một tỉ lệ nhất định.

Ngày nay, muốn vẽ được bản đồ của một khu vực (ví dụ như khu vực hồ Hoàn Kiếm ở Hà Nội), người ta thường sử dụng ảnh chụp từ máy bay hay vệ tinh ; nghiên cứu vị trí của các đối tượng cần thể hiện như hồ Hoàn Kiếm, đền Ngọc Sơn, bưu điện Hà Nội, các đường phố chính,...; tính toán chính xác các khoảng cách trên thực tế, sau đó thu nhỏ theo tỉ lệ ; lựa chọn các kí hiệu rồi thể hiện các đối tượng đó lên bản đồ⁽¹⁾.

(1) Trong trường hợp không yêu cầu tính chính xác cao và nội dung cũng cần giản lược thì người ta dùng lược đồ.



Hình 1. Khu vực hồ Hoàn Kiếm ở Hà Nội (ảnh chụp từ vệ tinh)



Hình 2. Bản đồ khu vực hồ Hoàn Kiếm ở Hà Nội

– Quan sát hình 1, 2, rồi chỉ vị trí hồ Hoàn Kiếm và đền Ngọc Sơn trên từng hình.

2. Một số yếu tố của bản đồ

a) Tên bản đồ : Tên bản đồ cho ta biết tên của khu vực và những thông tin chủ yếu của khu vực đó được thể hiện trên bản đồ.

– Đọc tên bản đồ hình 3.

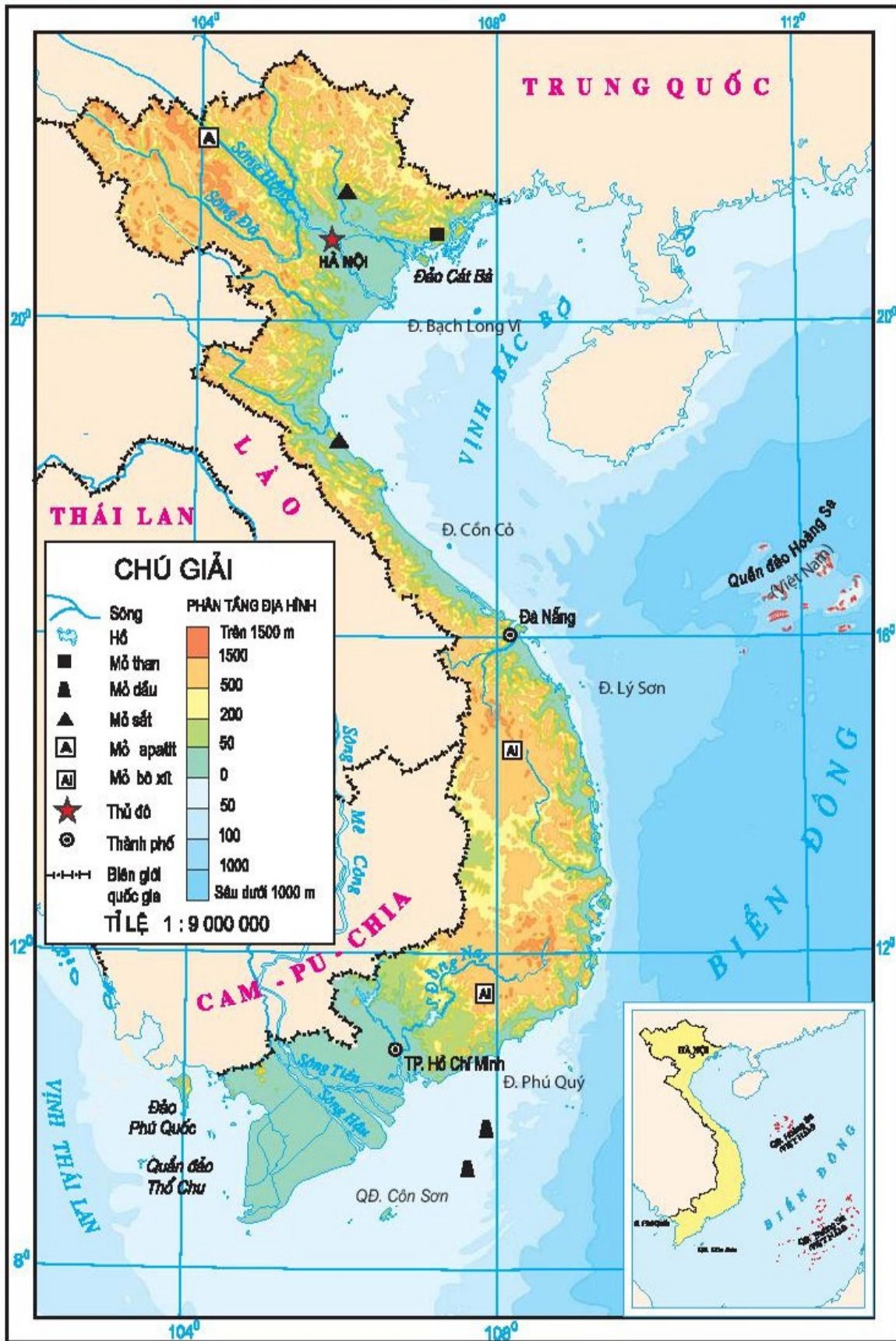
b) Phương hướng : Người ta thường quy định : phía trên bản đồ là hướng Bắc, phía dưới là hướng Nam, bên phải là hướng Đông, bên trái là hướng Tây.

– Chỉ các hướng Bắc, Nam, Đông, Tây trên bản đồ hình 3.

c) Tỷ lệ bản đồ : Tỷ lệ bản đồ cho ta biết khu vực được thể hiện trên bản đồ nhỏ hơn kích thước thực của nó bao nhiêu lần. Tỷ lệ bản đồ phần lớn được biểu diễn dưới dạng tỉ số, ví dụ : 1: 100 000 có nghĩa là 1 cm trên bản đồ bằng 100 000cm (hay 1km) trên thực tế.



– Bản đồ hình 2 có tỷ lệ 1: 20 000, vậy 1cm trên bản đồ đó ứng với bao nhiêu mét trên thực tế?

BẢN ĐỒ ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN VIỆT NAM



Hình 3. Bản đồ Địa lý tự nhiên Việt Nam

d) Kí hiệu bản đồ : Kí hiệu bản đồ được dùng để thể hiện các đối tượng lịch sử hoặc địa lí trên bản đồ. Tất cả các kí hiệu đó đều được giải thích trong bảng chú giải, ví dụ :

	Biên giới quốc gia
	Sông
	Thành phố

– Bảng chú giải ở hình 3 có những kí hiệu nào ?

Bản đồ là hình vẽ thu nhỏ một khu vực hay toàn bộ bề mặt Trái Đất theo một tỉ lệ nhất định.

Một số yếu tố của bản đồ là : tên bản đồ, phương hướng, tỉ lệ bản đồ, kí hiệu bản đồ,...

CÂU HỎI

1. Bản đồ là gì ?
2. Nêu một số yếu tố của bản đồ.
3. Kể một vài đối tượng địa lí được thể hiện trên bản đồ hình 3.

BÀI 3

LÀM QUEN VỚI BẢN ĐỒ (tiếp theo)

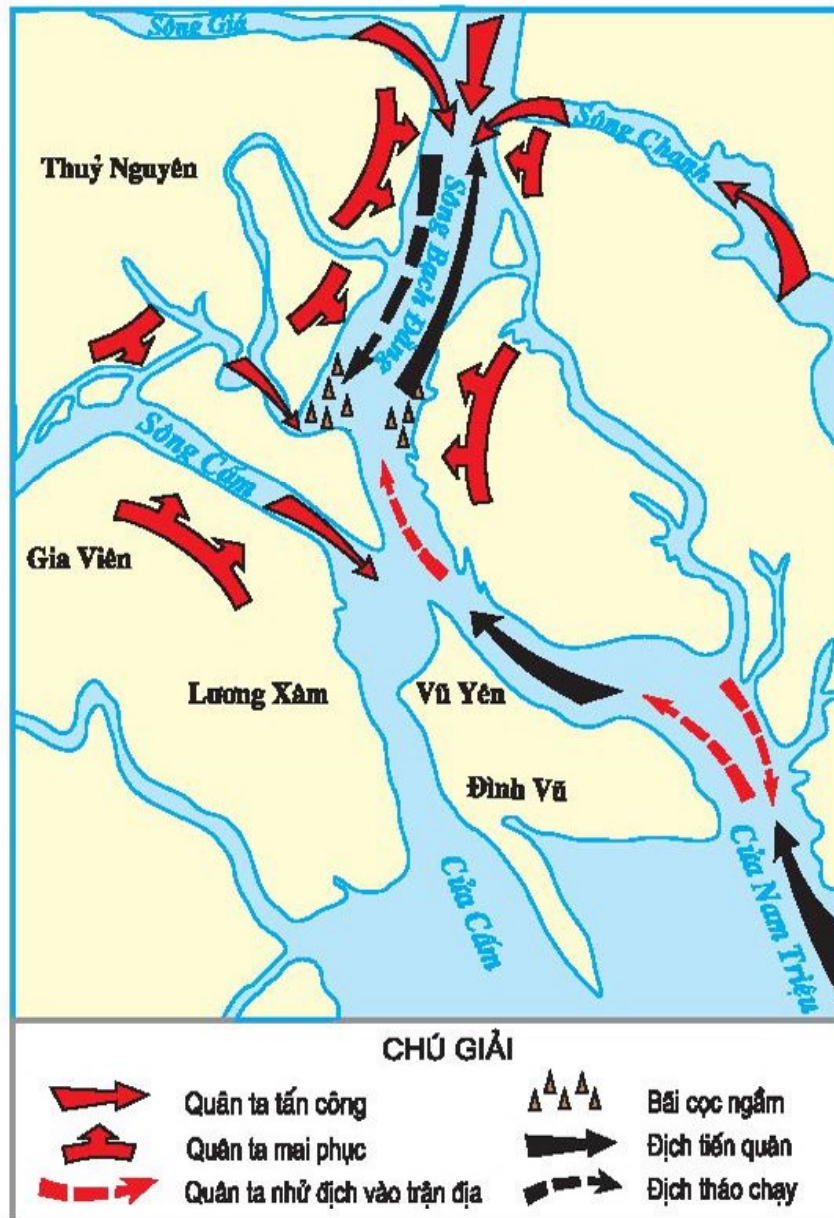
3. Cách sử dụng bản đồ

Bản đồ có rất nhiều loại. Mỗi loại bản đồ có những thông tin riêng. Muốn sử dụng bản đồ cần theo các bước sau :

- Đọc tên bản đồ để biết bản đồ đó thể hiện nội dung gì.
- Xem bảng chú giải để biết kí hiệu đối tượng lịch sử hoặc địa lí.
- Tìm đối tượng lịch sử hoặc địa lí trên bản đồ dựa vào kí hiệu.

4. Bài tập



a) Quan sát hình 4, em hãy :



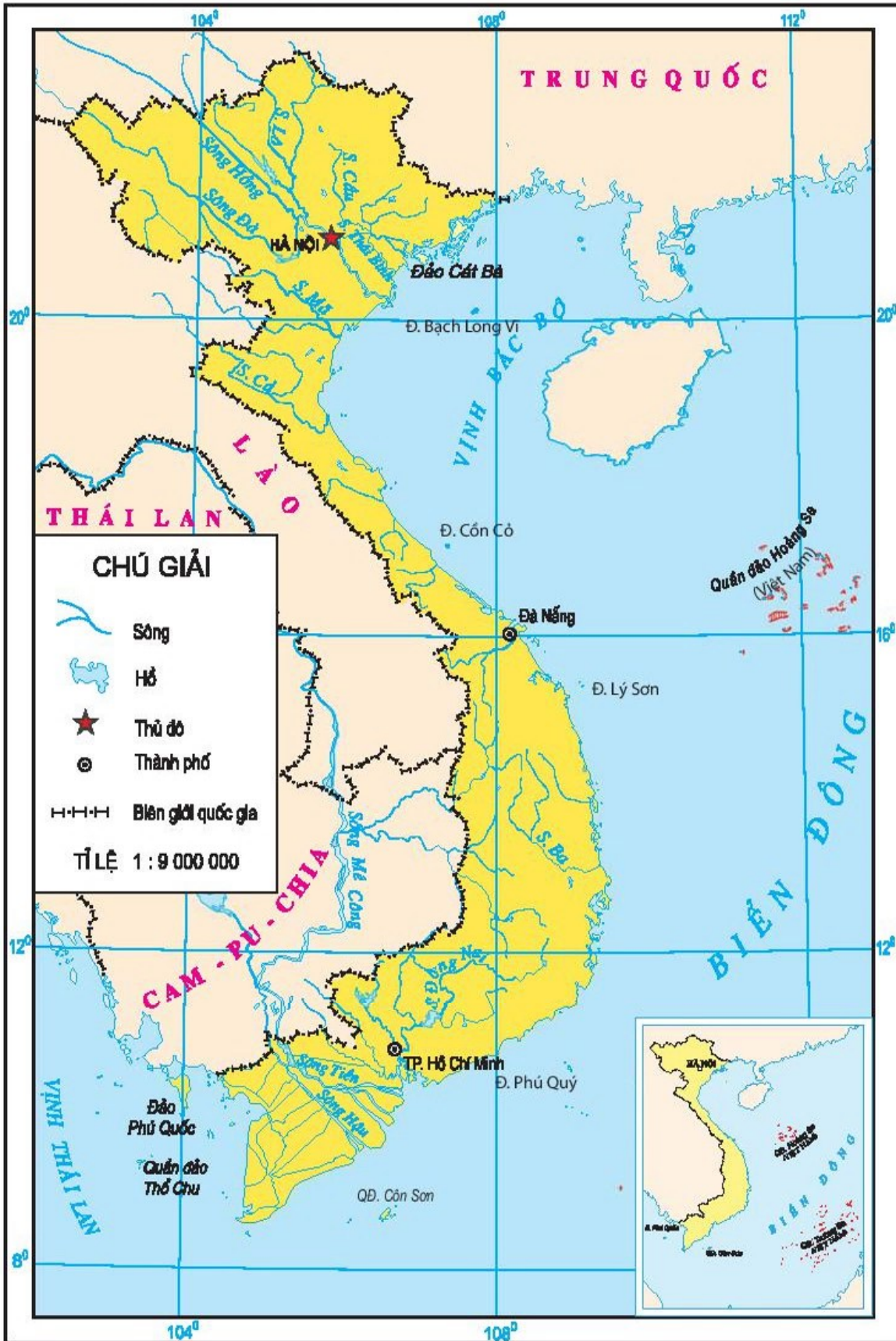
Hình 4. Lược đồ trận chiến trên sông Bạch Đằng năm 938

– Chỉ hướng Bắc, Nam, Đông, Tây trên lược đồ.

– Hoàn thành bảng sau vào vở :

Đối tượng lịch sử	Kí hiệu thể hiện
..... Quân ta tấn công	 

BẢN ĐỒ CÁC SÔNG CHÍNH VIỆT NAM



Hình 5. Bản đồ các sông chính Việt Nam

b) Quan sát hình 5, em hãy :

- Đọc tỉ lệ của bản đồ.
- Hoàn thành bảng sau vào vở :

Đối tượng địa lí	Kí hiệu thể hiện
.....	—•—•—•—•—
Sông
Thủ đô

- Chỉ đường biên giới quốc gia của Việt Nam trên bản đồ.
- Kể tên các nước láng giềng và biển, đảo, quần đảo của Việt Nam.
- Kể tên một số con sông được thể hiện trên bản đồ.

Muốn sử dụng bản đồ, ta phải đọc tên bản đồ, xem bảng chú giải và tìm đối tượng lịch sử hoặc địa lí trên bản đồ.

CÂU HỎI

1. Nêu các bước sử dụng bản đồ.
2. Em ở tỉnh (thành phố) nào ? Hãy tìm vị trí tỉnh (thành phố) của em trên bản đồ hành chính Việt Nam và cho biết nó giáp với những tỉnh (thành phố) nào ?

PHẦN LỊCH SỬ

BUỔI ĐẦU DỰNG NƯỚC VÀ GIỮ NƯỚC (Khoảng năm 700 TCN đến năm 179 TCN)

Trên đất nước ta, từ xa xưa đã có người sinh sống. Khoảng năm 700 trước Công nguyên (TCN), trên địa phận Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ hiện nay, nước Văn Lang đã ra đời. Nối tiếp Văn Lang là nước Âu Lạc. Đó là buổi đầu dựng nước và giữ nước của dân tộc ta. Lịch sử gọi đây là thời đại Hùng Vương - An Dương Vương.

BÀI 1

NƯỚC VĂN LANG



Hình 1. Lược đồ Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ ngày nay



Hình 2. Lăng vua Hùng
(Phú Thọ)

Khoảng năm 700 TCN, ở khu vực sông Hồng, sông Mã và sông Cả, nơi người Lạc Việt sinh sống, nước Văn Lang đã ra đời. Đứng đầu nhà nước có vua, gọi là Hùng Vương. Giúp vua Hùng cai quản đất nước có các *lạc hầu*, *lạc tướng*. Vua, lạc hầu, lạc tướng thuộc tầng lớp giàu có trong xã hội. Dân thường thì được gọi là *lạc dân*, tầng lớp thấp kém, nghèo hèn nhất là nô tì.⁽¹⁾

– Em hãy xác định trên lược đồ hình 1 những khu vực mà người Lạc Việt đã từng sinh sống.



Hình 3. Lưỡi cày đồng



Hình 4. Rìu lưỡi xéo bằng đồng

– Xã hội Văn Lang có những tầng lớp nào ? Em thử vẽ sơ đồ thể hiện các tầng lớp đó.

Dựa vào các hiện vật người xưa để lại, các nhà sử học cho biết : Dưới thời các vua Hùng, nghề chính của lạc dân là làm ruộng. Họ trồng lúa, khoai, đỗ, cây ăn quả, rau và dưa hấu. Họ cũng biết nấu xôi, gói bánh chưng, làm bánh giầy, làm mắm,...

(1) *Nô tì* : người hầu hạ trong các gia đình người giàu.



Hình 5. Muôi (vá, môi) bằng đồng



*Hình 6. Hình nhà sàn
(trang trí trên trống đồng)*



*Hình 7. Cảnh giã gạo
(trang trí trên trống đồng)*



Hình 8. Vòng trang sức bằng đồng

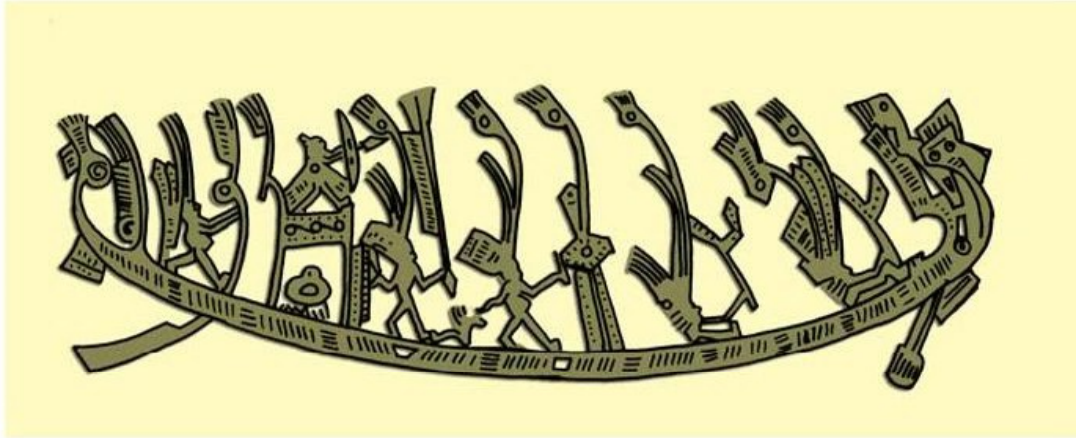


Hình 9. Đồ gốm thời Hùng Vương

Ngoài ra, người Lạc Việt còn biết trồng đay, gai, trồng dâu, nuôi tằm, ươm tơ, dệt vải. Họ cũng biết đúc đồng làm giáo, mác, mũi tên, lưỡi rìu, lưỡi cày, vòng tay, hoa tai, trống, chiêng, lục lạc,... ; nặn nồi niêu ; đan rổ, rá, gùi, nong ; đan thuyền nan, đóng thuyền gỗ,...

Người Lạc Việt ở nhà sàn để tránh thú dữ và họp nhau thành các làng, bản. Họ thờ thần Đất, thần Mặt Trời.

Người Lạc Việt có tục nhuộm răng đen, ăn trâu, búi tóc, cạo trọc đầu,... Phụ nữ thích đeo hoa tai và nhiều vòng tay bằng đá, đồng.



Hình 10. Cảnh người nhảy múa trên thuyền (hình trên trống đồng)

Những ngày hội làng, mọi người thường hoá trang, vui chơi, nhảy múa theo nhịp trống đồng. Các trai làng đua thuyền trên sông hoặc đấu vật trên những bãi đất rộng.

Nước Văn Lang tồn tại qua mười tám đời vua Hùng.

Khoảng năm 700 TCN, nhà nước đầu tiên của nước ta đã ra đời. Tên nước là Văn Lang. Vua được gọi là Hùng Vương. Người Lạc Việt biết làm ruộng, ương tơ, dệt lụa, đúc đồng làm vũ khí và công cụ sản xuất. Cuộc sống ở làng bản giản dị, vui tươi, hoà hợp với thiên nhiên và có nhiều tục lệ riêng.

CÂU HỎI

1. Nước Văn Lang ra đời vào thời gian nào và ở khu vực nào trên đất nước ta ?
2. Dựa vào bài học, em hãy mô tả một số nét về cuộc sống của người Lạc Việt (bằng lời, bằng đoạn văn ngắn hoặc bằng hình vẽ).
3. Em biết những tục lệ nào của người Lạc Việt còn tồn tại đến ngày nay ?

BÀI 2

NƯỚC ÂU LẠC

Ở vùng núi phía bắc nước Văn Lang, bên cạnh người Lạc Việt, còn có người Âu Việt. Họ cũng biết chế tạo đồ đồng thau, trồng lúa, chăn nuôi, đánh cá và có những tục lệ giống người Lạc Việt. Dân Lạc Việt và Âu Việt sống hoà hợp với nhau.

Năm 218 TCN, quân Tần (ở Trung Quốc ngày nay) tràn xuống xâm lược các nước phương Nam. Thục Phán đã lãnh đạo người Âu Việt và người Lạc Việt đánh lui giặc ngoại xâm rồi sau đó dựng nước Âu Lạc, tự xưng là An Dương Vương. Kinh đô được dời xuống vùng Cổ Loa (Đông Anh, Hà Nội ngày nay).

– Xác định vùng Cổ Loa trên lược đồ Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ (hình 1, bài 1).

Thời Âu Lạc, người ta đã sử dụng rộng rãi các lưỡi cày đồng, biết rèn sắt, chế tạo được loại nỏ bắn một lần được nhiều mũi tên. An Dương Vương cho xây thành Cổ Loa (nay còn di tích ở huyện Đông Anh, Hà Nội).

Triệu Đà – vua của nước Nam Việt (miền Nam Trung Quốc ngày nay), nhiều lần kéo quân sang xâm lược nước Âu Lạc. Người Âu Lạc đoàn kết một lòng chống giặc, lại có tướng chỉ huy giỏi, vũ khí tốt, thành lũy kiên cố nên lần nào quân giặc cũng bị đánh bại.



Hình 1. Đền thờ An Dương Vương ở Cổ Loa (Đông Anh, Hà Nội)



Hình 2. Lược đồ khu di tích Cổ Loa ngày nay

Tương truyền rằng, biết không thể thắng nổi người Âu Lạc bằng sức mạnh quân sự, Triệu Đà đã hoãn binh, cho con là Trọng Thủy sang làm con rể An Dương Vương để điều tra cách bố trí lực lượng và chia rẽ nội bộ những người đứng đầu nhà nước Âu Lạc. Năm 179 TCN, Triệu Đà lại đem quân sang đánh Âu Lạc. An Dương Vương thua trận, phải nhảy xuống biển tự vẫn. Từ đó, nước Âu Lạc rơi vào ách đô hộ của các triều đại phong kiến phương Bắc.



Hình 3. Mũi tên đồng

Cuối thế kỉ III TCN, nước Âu Lạc tiếp nối nước Văn Lang. Nông nghiệp tiếp tục được phát triển. Kỹ thuật chế tạo ra nỏ bắn được nhiều mũi tên và việc xây dựng thành Cổ Loa là những thành tựu đặc sắc về quốc phòng của người dân Âu Lạc.

Năm 179 TCN, quân Triệu Đà đã chiếm được Âu Lạc.

CÂU HỎI

1. Nước Âu Lạc ra đời trong hoàn cảnh nào ?
2. Thành tựu đặc sắc về quốc phòng của người dân Âu Lạc là gì ?

HƠN MỘT NGHÌN NĂM
ĐẤU TRANH GIÀNH LẠI ĐỘC LẬP
(Từ năm 179 TCN đến năm 938)

BÀI 3

NƯỚC TA DƯỚI ÁCH ĐÔ HỘ CỦA CÁC TRIỀU ĐẠI PHONG KIẾN PHƯƠNG BẮC

Sau khi Triệu Đà thôn tính được Âu Lạc (năm 179 TCN), các triều đại phong kiến phương Bắc nối tiếp nhau đô hộ nước ta. Nước Âu Lạc bị chia thành quận, huyện do chính quyền người Hán cai quản.

Bọn quan lại đô hộ bắt dân ta phải lên rừng săn voi, tê giác, bắt chim quý, dẫn gỗ trầm, xuống biển mò ngọc trai, bắt đồi mồi, khai thác san hô

để cống nạp cho chúng. Chúng đưa người Hán sang ở lẫn với dân ta, bắt dân ta phải theo phong tục của người Hán, học chữ Hán, sống theo luật pháp của người Hán.

– Dưới ách thống trị của các triều đại phong kiến phương Bắc, cuộc sống của dân ta cực nhục như thế nào ?

Không chịu khuất phục, nhân dân ta vẫn gìn giữ được các phong tục truyền thống vốn có như ăn trâu, nhuộm răng, mở các lễ hội mùa xuân với những cuộc đua thuyền, đánh vật và hát những làn điệu dân ca. Đồng thời, dân ta cũng biết tiếp thu nghề làm giấy, làm đồ thủy tinh, làm đồ trang sức bằng vàng, bạc v.v... của người dân phương Bắc.

Không cam chịu sự áp bức, bóc lột của bọn thống trị, nhân dân ta liên tục nổi dậy, đánh đuổi quân đô hộ. Mở đầu là cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng (năm 40), tiếp theo đó là các cuộc khởi nghĩa của Bà Triệu (năm 248), Lý Bí (năm 542), Triệu Quang Phục (năm 550), Mai Thúc Loan (năm 722), Phùng Hưng (khoảng năm 776), Khúc Thừa Dụ (năm 905), Dương Đình Nghệ (năm 931). Chiến thắng Bạch Đằng oanh liệt của Ngô Quyền (năm 938) đã kết thúc hơn một nghìn năm đô hộ của các triều đại phong kiến phương Bắc, giành lại độc lập hoàn toàn cho đất nước ta.

Nước ta bị các triều đại phong kiến phương Bắc đô hộ hơn một nghìn năm. Trong thời gian đó, mặc dù bị áp bức, bóc lột nặng nề, nhân dân ta vẫn không chịu khuất phục, không ngừng nổi dậy đấu tranh. Bằng chiến thắng Bạch Đằng vang dội, nhân dân ta đã giành lại được độc lập hoàn toàn.

CÂU HỎI

1. Khi đô hộ nước ta, các triều đại phong kiến phương Bắc đã làm những gì ?
2. Nhân dân ta đã phản ứng ra sao ?
3. Em hãy kể và điền vào bảng thống kê các cuộc khởi nghĩa lớn của nhân dân ta chống lại ách đô hộ của các triều đại phong kiến phương Bắc.

BÀI 4

KHỞ NGHĨA HAI BÀ TRƯNG

(Năm 40)

Đầu thế kỉ I, nước ta bị nhà Hán đô hộ. Thái thú ⁽¹⁾ quận Giao Chỉ là Tô Định nổi tiếng tham lam, tàn bạo. Bấy giờ ở huyện Mê Linh (vùng đất nay thuộc thành phố Hà Nội) có hai chị em là Trưng Trắc, Trưng Nhị. Sinh ra và lớn lên trong cảnh nước mất nhà tan, hai chị em sớm có lòng căm thù quân xâm lược. Trưng Trắc cùng chồng là Thi Sách liên kết với các thủ lĩnh khác chuẩn bị cùng nổi dậy. Chính lúc đó, Thi Sách bị Tô Định bắt và giết hại. Hai Bà Trưng càng quyết tâm khởi nghĩa để đền nợ nước, trả thù nhà.

– Hai Bà Trưng kêu gọi nhân dân khởi nghĩa trong hoàn cảnh nào ?



Hình 1. Hai Bà Trưng cưỡi voi ra trận (tranh dân gian Đông Hồ)

(1) Thái thú : chức quan cai trị một quận thời nhà Hán đô hộ nước ta.

Mùa xuân năm 40, tại cửa sông Hát (Hát Môn, Hà Tây, nay là Hà Nội), Hai Bà Trưng phát cờ khởi nghĩa. Nghĩa quân nhanh chóng làm chủ Mê Linh. Từ Mê Linh, nghĩa quân tiến xuống đánh chiếm Cổ Loa (Đông Anh, Hà Nội) ; rồi từ Cổ Loa, tấn công Luy Lâu (Thuận Thành, Bắc Ninh), trung tâm của chính quyền đô hộ. Bị đòn bất ngờ, quân Hán không dám chống cự, bỏ hết của cải, vũ khí, lo chạy thoát thân. Tô Định sợ hãi đã cắt tóc, cạo râu, mặc giả thường dân, lẩn vào đám tàn quân trốn về Trung Quốc.

Trong vòng không đầy một tháng, cuộc khởi nghĩa hoàn toàn thắng lợi.

Sau hơn hai thế kỉ bị phong kiến nước ngoài đô hộ (từ năm 179 TCN đến năm 40), lần đầu tiên nhân dân ta đã giành và giữ được độc lập trong hơn ba năm.



Hình 2. Lược đồ khu vực chính nổ ra khởi nghĩa Hai Bà Trưng

– Em hãy trình bày tóm tắt cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng theo lược đồ trên.

Oán hận trước ách đô hộ của nhà Hán, Hai Bà Trưng đã phát cờ khởi nghĩa, được nhân dân khắp nơi hưởng ứng.

Không đầy một tháng, cuộc khởi nghĩa đã thành công.

Sau hơn hai thế kỉ bị phong kiến phương Bắc đô hộ, đây là lần đầu tiên nhân dân ta đã giành được độc lập.

CÂU HỎI

1. Em hãy kể lại cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng. (Khởi nghĩa nổ ra trong hoàn cảnh nào? Bắt đầu từ đâu và diễn ra như thế nào? Nêu kết quả của cuộc khởi nghĩa)
2. Em hãy nêu một tên phố, tên đường, đền thờ hoặc một địa danh nào đó nhắc ta nhớ đến khởi nghĩa Hai Bà Trưng.

BÀI 5

CHIẾN THẮNG BẠCH ĐẰNG DO NGÔ QUYÊN LÃNH ĐẠO (Năm 938)

Ngô Quyền quê ở xã Đường Lâm (thị xã Sơn Tây, Hà Tây). Ông là người có tài, nên được Dương Đình Nghệ⁽¹⁾ gả con gái cho. Được tin viên tướng Kiều Công Tiễn giết Dương Đình Nghệ, Ngô Quyền đem quân đi đánh để báo thù. Công Tiễn cho người sang cầu cứu nhà Nam Hán. Nhân cơ đó, nhà Nam Hán đem quân sang đánh nước ta.

Biết tin, Ngô Quyền bắt giết Kiều Công Tiễn và chuẩn bị đón đánh quân Nam Hán.

Sang đánh nước ta lần này, quân Nam Hán đưa một đạo quân rất đông do Thái tử Hoàng Tháo chỉ huy.

Mũi tiến công chính do Hoàng Tháo chỉ huy đã vượt biển, ngược sông Bạch Đằng (Quảng Ninh) tiến vào nước ta. Ngô Quyền đã dùng kế cắm cọc gỗ đầu nhọn xuống nơi hiểm yếu ở sông Bạch Đằng. Quân Nam Hán đến cửa sông vào lúc thủy triều lên, nước che lấp các cọc nhọn. Ngô Quyền

(1) *Dương Đình Nghệ* là người tập hợp quân dân ta đứng lên đánh đuổi bọn đô hộ Nam Hán, giành thắng lợi (năm 931).



Hình 1. Trận Bạch Đằng năm 938 (tranh trưng bày tại Bảo tàng Lịch sử quốc gia)

cho quân bơi thuyền nhẹ ra khiêu chiến, vừa đánh vừa rút lui, nhử cho giặc vào bãi cọc. Chờ lúc thủy triều xuống, khi hàng nghìn cọc nhọn nhô lên, quân ta mai phục hai bên bờ sông đổ ra đánh quyết liệt. Giặc hốt hoảng quay thuyền bỏ chạy thì va vào cọc nhọn ; thuyền giặc chiếc bị thủng, chiếc bị vướng cọc nên không tiến, không lùi được. Quân ta tiếp tục truy kích. Quân Nam Hán chết đến quá nửa, Hoàng Tháo tử trận. Quân Nam Hán hoàn toàn thất bại.

– *Ngô Quyền đã dùng kế gì để đánh giặc ? Kết quả ra sao ?*

Mùa xuân năm 939, Ngô Quyền xưng vương (Ngô Vương). Cổ Loa lại được chọn làm kinh đô.

Chiến thắng Bạch Đằng và việc Ngô Quyền xưng vương đã chấm dứt hoàn toàn thời kì hơn một nghìn năm dân ta sống dưới ách đô hộ của phong kiến phương Bắc và mở ra thời kì độc lập lâu dài cho dân tộc.

Khi Ngô Quyền mất, nhân dân đã xây lăng để tưởng nhớ ông.



Hình 2. Lăng Ngô Quyền ở xã Đường Lâm (thị xã Sơn Tây, Hà Nội)

Quân Nam Hán kéo sang đánh nước ta. Ngô Quyền chỉ huy quân dân ta, lợi dụng thủy triều lên xuống trên sông Bạch Đằng, nhử giặc vào bãi cọc rồi đánh tan quân xâm lược (năm 938).

Ngô Quyền lên ngôi vua đã kết thúc hoàn toàn thời kì đô hộ của phong kiến phương Bắc và mở đầu cho thời kì độc lập lâu dài của nước ta.

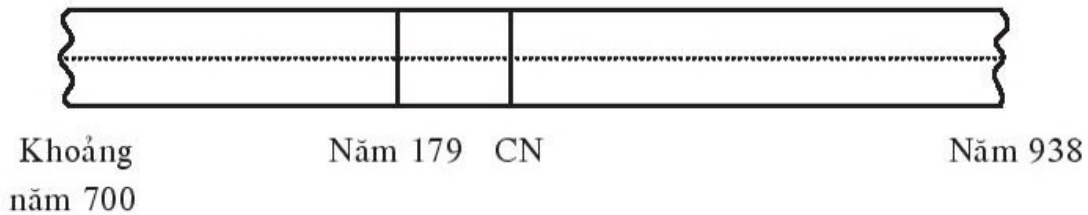
CÂU HỎI

1. Em hãy kể lại trận quân ta đánh thắng quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng.
2. Chiến thắng Bạch Đằng có ý nghĩa như thế nào đối với nước ta thời bấy giờ ?

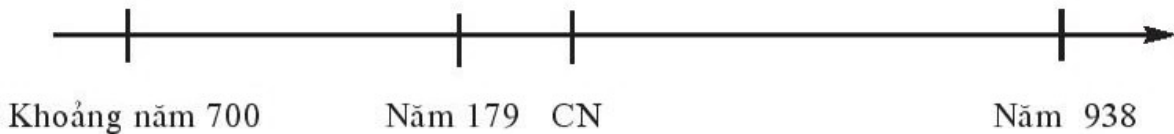
BÀI 6

ÔN TẬP

1. Em hãy kẻ băng thời gian dưới đây vào vở và ghi vào chỗ chấm (...) tên hai giai đoạn lịch sử mà các em đã được học từ bài 1 đến bài 5.



2. Em hãy kẻ trục thời gian dưới đây vào vở và ghi các sự kiện tiêu biểu đã học tương ứng với các mốc thời gian cho trước :



3. Em hãy kể lại bằng lời hoặc bằng bài viết ngắn hay bằng hình vẽ về một trong ba nội dung sau :

a) Đời sống người Lạc Việt dưới thời Văn Lang (sản xuất, ăn, mặc, ở, ca hát, lễ hội).

b) Khởi nghĩa Hai Bà Trưng nổ ra trong hoàn cảnh nào ? Nêu diễn biến và kết quả của cuộc khởi nghĩa.

c) Trình bày diễn biến và nêu ý nghĩa của chiến thắng Bạch Đằng.

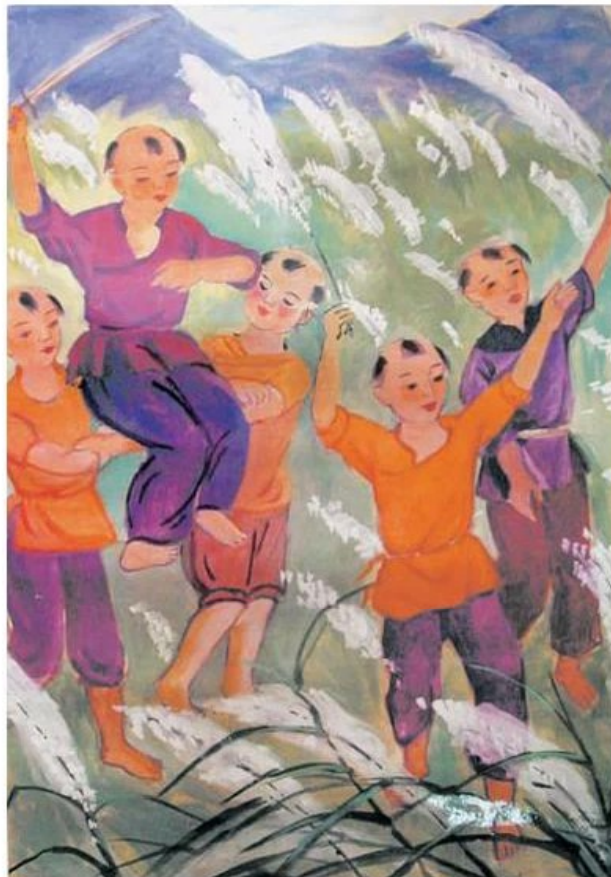
BUỔI ĐẦU ĐỘC LẬP

(Từ năm 938 đến năm 1009)

Buổi đầu độc lập của nước ta gắn với các triều đại Ngô - Đinh - Tiền Lê. Thời kì này nhân dân ta đã phải đấu tranh để bảo vệ nền độc lập và thống nhất của đất nước.

BÀI 7

ĐINH BỘ LĨNH DỆP LOẠN 12 SỨ QUÂN



Ngô Quyền trị vì đất nước được 6 năm thì mất. Triều đình lục đục, tranh giành nhau ngai vàng. Các thế lực cát cứ địa phương nổi dậy, chia cắt đất nước thành 12 vùng, lập chính quyền riêng, không phục tùng triều đình và đánh chiếm lẫn nhau, sử cũ gọi là “loạn 12 sứ quân”. Hai mươi năm liên tiếp loạn lạc, đất nước bị chia cắt, làng mạc, ruộng đồng bị tàn phá. Trong khi đó, quân thù ngoài bờ cõi đang lăm le xâm lược.

Hình 1. Đinh Bộ Lĩnh chơi trò đánh trận cờ lau (tranh vẽ)

Bấy giờ ở vùng Hoa Lư (Gia Viễn, Ninh Bình ngày nay) có Đinh Bộ Lĩnh, một người cương nghị, mưu cao và có chí lớn.

Chuyện xưa kể lại rằng, khi còn nhỏ, Đinh Bộ Lĩnh thường chơi với trẻ chăn trâu. Ông hay bắt bọn trẻ khoanh tay làm kiệu để ngồi cho chúng rước và lấy bông lau làm cờ bầy trận đánh nhau. Trẻ con xứ ấy đều nể sợ, tôn làm anh.



Hình 2. Cảnh Hoa Lư ngày nay

Lớn lên gặp buổi loạn lạc, Đinh Bộ Lĩnh xây dựng lực lượng ở vùng Hoa Lư, liên kết với một số sứ quân rồi đem quân đi đánh các sứ quân khác. Được nhân dân ủng hộ nên ông đánh đâu thắng đó. Năm 968, Đinh Bộ Lĩnh thống nhất được giang sơn, lên ngôi Hoàng đế (Đinh Tiên Hoàng), đóng đô ở Hoa Lư (huyện Hoa Lư, Ninh Bình), đặt tên nước là Đại Cồ Việt (nước Việt lớn), niên hiệu⁽¹⁾ là Thái Bình.

– *Đinh Bộ Lĩnh đã làm được việc gì?*

Đất nước thái bình đúng như mong muốn của nhân dân. Dân lưu tán trở về quê cũ. Đồng ruộng trở lại xanh tươi, người người xuôi ngược buôn bán.

(1) *Niên hiệu* : tên hiệu của vua đặt ra khi lên ngôi để tính năm trong thời gian trị vì.

Ngô Quyền mất. Đất nước rơi vào cảnh loạn lạc do các thế lực phong kiến gây nên trong hơn hai mươi năm.

Đinh Bộ Lĩnh đã tập hợp nhân dân dẹp loạn, thống nhất lại đất nước (năm 968).

CÂU HỎI

1. Em hãy kể lại tình hình nước ta sau khi Ngô Quyền mất.
2. Em biết gì thêm về thời thơ ấu của Đinh Bộ Lĩnh ?
3. Đinh Bộ Lĩnh đã có công gì trong buổi đầu độc lập của đất nước ?

BÀI 8

CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN TỐNG XÂM LƯỢC LẦN THỨ NHẤT (Năm 981)

Năm 979, Đinh Tiên Hoàng và con trưởng là Đinh Liễn bị ám hại. Con thứ là Đinh Toàn, mới 6 tuổi, lên ngôi. Lợi dụng cơ hội đó, nhà Tống đem quân xâm lược nước ta. Thế nước lâm nguy ! Vua còn quá nhỏ không gánh vác nổi việc nước. Triều đình đã họp bàn để chọn người chỉ huy kháng chiến. Mọi người đặt niềm tin vào *Thập đạo tướng quân*⁽¹⁾ Lê Hoàn. Trong tiếng tung hô “*Vạn tuế*”⁽²⁾ của quân sĩ, mẹ của vua Đinh Toàn là Thái hậu họ Dương bèn sai người lấy áo long cổn (áo thêu rồng dành cho nhà vua) trao

(1) *Thập đạo tướng quân* : tổng chỉ huy quân đội.

(2) *Vạn tuế* : muôn tuổi, muôn năm.



Hình 1. Lễ lên ngôi vua của Lê Hoàn (tranh vẽ)

cho Lê Hoàn và mời ông lên ngôi vua. Lê Hoàn lên ngôi (Lê Đại Hành), lập ra nhà Lê (sử cũ gọi là nhà Tiền Lê⁽¹⁾).

– Vì sao Thái hậu họ Dương mời Lê Hoàn lên làm vua ?

Nhà Lê thay nhà Đinh lãnh đạo cuộc kháng chiến chống quân xâm lược.

Đầu năm 981, quân Tống theo hai đường thủy, bộ ô ạt tiến vào xâm lược nước ta. Quân thủy tiến vào theo cửa sông Bạch Đằng. Quân bộ tiến vào theo đường Lạng Sơn.

Vua Lê trực tiếp chỉ huy binh thuyền ra chống giặc ở Bạch Đằng. Ông cho quân cắm cọc ở sông Bạch Đằng để ngăn chặn chiến thuyền địch. Nhiều trận chiến đấu ác liệt đã diễn ra trên sông Bạch Đằng, cuối cùng quân thủy bị đánh lui.

Trên bộ, quân ta cũng chặn đánh quân Tống quyết liệt ở Chi Lăng (Lạng Sơn), buộc chúng phải rút quân. Thừa thắng, quân ta truy kích tiêu diệt địch. Quân giặc chết đến quá nửa. Tướng giặc bị giết. Cuộc kháng chiến thắng lợi.

(1) *Nhà Tiền Lê* : để phân biệt với nhà Hậu Lê do Lê Lợi lập ra sau khi đánh thắng quân Minh (năm 1428).



Hình 2. Lược đồ khu vực cuộc kháng chiến chống quân Tống (năm 981)

– Dựa vào lược đồ hình 2, em hãy trình bày diễn biến cuộc kháng chiến chống quân Tống của quân dân ta.

Cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược thắng lợi đã giữ vững được nền độc lập của nước nhà và đem lại cho nhân dân ta niềm tự hào, lòng tin ở sức mạnh của dân tộc.

Lợi dụng tình hình không ổn định của triều đình nhà Đinh, năm 981 quân Tống sang xâm lược nước ta.

Chiến thắng Bạch Đằng, Chi Lăng đã chặn được âm mưu xâm lược của nhà Tống. Độc lập được giữ vững. Nhân dân vững tin vào tiền đồ của dân tộc.

CÂU HỎI

1. Em hãy trình bày tình hình nước ta trước khi quân Tống sang xâm lược.
2. Dựa vào nội dung và hình 2 của bài, hãy trình bày diễn biến chính của cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược.
3. Em hãy trình bày kết quả cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược.

NƯỚC ĐẠI VIỆT THỜI LÝ (Từ năm 1009 đến năm 1226)

BÀI 9

NHÀ LÝ DỜI ĐÔ RA THĂNG LONG

Năm 1005, Lê Đại Hành mất. Lê Long Đĩnh lên làm vua. Nhà vua tính tình bạo ngược nên lòng người rất oán giận. Bấy giờ trong triều có viên quan tên là Lý Công Uẩn. Ông vốn thông minh, văn võ đều tài, đức độ cảm hoá được lòng người. Do vậy, khi vua Lê Long Đĩnh mất, các quan trong triều đã tôn Lý Công Uẩn lên làm vua. Đó là vua Lý Thái Tổ. Nhà Tiền Lê chấm dứt, nhà Lý bắt đầu từ đây (năm 1009).

Mùa xuân năm 1010, một lần từ kinh đô Hoa Lư trở lại thăm quê nhà ở Cổ Pháp (Bắc Ninh), Lý Thái Tổ có ghé qua thành cũ Đại La (nay là Hà Nội). Vua thấy đây là vùng đất ở trung tâm đất nước, đất rộng lại bằng phẳng, dân cư không khổ vì ngập lụt, muôn vật phong phú tốt tươi. Càng nghĩ, vua càng tin rằng muốn cho con cháu đời sau xây dựng được cuộc sống ấm no thì phải dời đô từ miền núi chật hẹp Hoa Lư về vùng đất đồng bằng rộng lớn màu mỡ này.

Mùa thu năm ấy, kinh đô được dời ra thành Đại La. Lý Thái Tổ phán truyền đổi tên Đại La thành

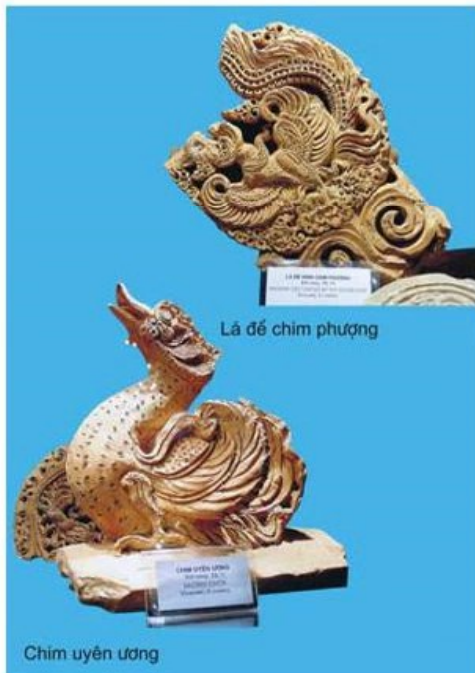


Hình 1. Tượng Lý Thái Tổ (Hà Nội)

Thăng Long⁽¹⁾. Đến đời vua Lý Thánh Tông, nước ta được đổi tên là Đại Việt.

– Vua Lý Thái Tổ suy nghĩ như thế nào mà quyết định dời đô về thành Đại La ?

Tại kinh thành Thăng Long, nhà Lý cho xây dựng nhiều lầu đài, cung điện, đền chùa. Nhân dân tụ họp làm ăn ngày càng đông, tạo nên nhiều phố, nhiều phường nhộn nhịp, vui tươi.



Hình 2. Một số hiện vật của kinh đô Thăng Long (thời Lý)

Từ đó, Thăng Long (Hà Nội ngày nay) với hình ảnh “Rồng bay lên” ngày càng đẹp đẽ và trở thành niềm tự hào của người dân đất Việt.

Được tôn lên làm vua, Lý Công Uẩn (Lý Thái Tổ) dời kinh đô ra Đại La và đổi tên là Thăng Long. Sau đó Lý Thánh Tông đổi tên nước là Đại Việt.

Thăng Long có nhiều lầu đài, cung điện, đền chùa. Dân cư tụ họp về Thăng Long ngày một đông.

(1) Thăng Long : rồng bay lên.

CÂU HỎI

1. Vì sao Lý Thái Tổ chọn vùng đất Đại La làm kinh đô ?
2. Em biết Thăng Long còn có những tên gọi nào khác nữa ?

BÀI 10

CHÙA THỜI LÝ

Đạo Phật được du nhập vào nước ta từ rất sớm. Đạo Phật dạy người ta phải thương yêu đồng loại, phải biết nhường nhịn nhau, giúp đỡ người gặp khó khăn, không được đối xử tàn ác với loài vật,... Những điều này phù hợp với lối sống và cách nghĩ của người Việt, nên sớm được người Việt tiếp nhận và tin theo. Đến thời Lý, đạo Phật trở nên rất thịnh đạt.

– Vì sao dân ta tiếp thu đạo Phật ?

Dưới thời Lý, đạo Phật được truyền bá rộng rãi trong cả nước. Các vua nhà Lý như Lý Thái Tổ, Lý Thái Tông, Lý Thánh Tông, Lý Nhân Tông đều theo đạo Phật. Nhiều nhà sư được giữ cương vị quan trọng trong triều đình.

Thời Lý, chùa mọc lên khắp kinh thành, làng xã. Triều đình bỏ tiền ra xây dựng hàng trăm ngôi chùa. Ở các làng, nhân dân cũng đóng góp



Hình 1. Tượng Phật A-di-đà
(chùa Phật Tích, Bắc Ninh)



Hình 2. Chùa Một Cột (Hà Nội)



Hình 3. Chùa Keo (Thái Bình)

tiền của xây dựng chùa, hầu như làng xã nào cũng có chùa.

– *Những sự việc nào cho ta thấy dưới thời Lý, đạo Phật rất thịnh đạt ?*

Chùa là nơi tu hành của các nhà sư và cũng là nơi tổ chức lễ bái của đạo Phật. Chùa còn là trung tâm văn hoá của các làng xã.

– *Thời Lý, chùa được sử dụng vào việc gì ?*

Chùa thời Lý được xây dựng với quy mô lớn. Nhiều ngôi chùa có kiến trúc độc đáo.

Nền chùa Giạm (Bắc Ninh) với di tích còn lại gồm 3 cấp, trải rộng trên một khu đất dài gần 120m, rộng gần 70m. Chùa Một Cột (Hà Nội) được xây dựng trên một cột đá lớn, dựng giữa hồ, tượng trưng cho bông sen nở trên mặt nước. Trình độ điêu khắc tinh vi, thanh thoát, được thể hiện trên các tượng Phật trong chùa.

Đến thời Lý, đạo Phật rất phát triển. Chùa là nơi tu hành của các nhà sư, là nơi sinh hoạt văn hoá của cộng đồng và là công trình kiến trúc đẹp.

CÂU HỎI

1. Vì sao dưới thời Lý nhiều chùa được xây dựng ?
2. Em hãy mô tả ngôi chùa mà em biết (có thể qua tranh, ảnh hoặc nghe kể lại).

BÀI 11

CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN TỐNG XÂM LƯỢC LẦN THỨ HAI (1075 - 1077)

Sau thất bại lần thứ nhất (981), nhà Tống chưa từ bỏ âm mưu xâm lược nước ta. Từ năm 1068, nhà Tống ráo riết chuẩn bị xâm lược nước ta để giải quyết khó khăn trong nước và gây thanh thế với các nước láng giềng.

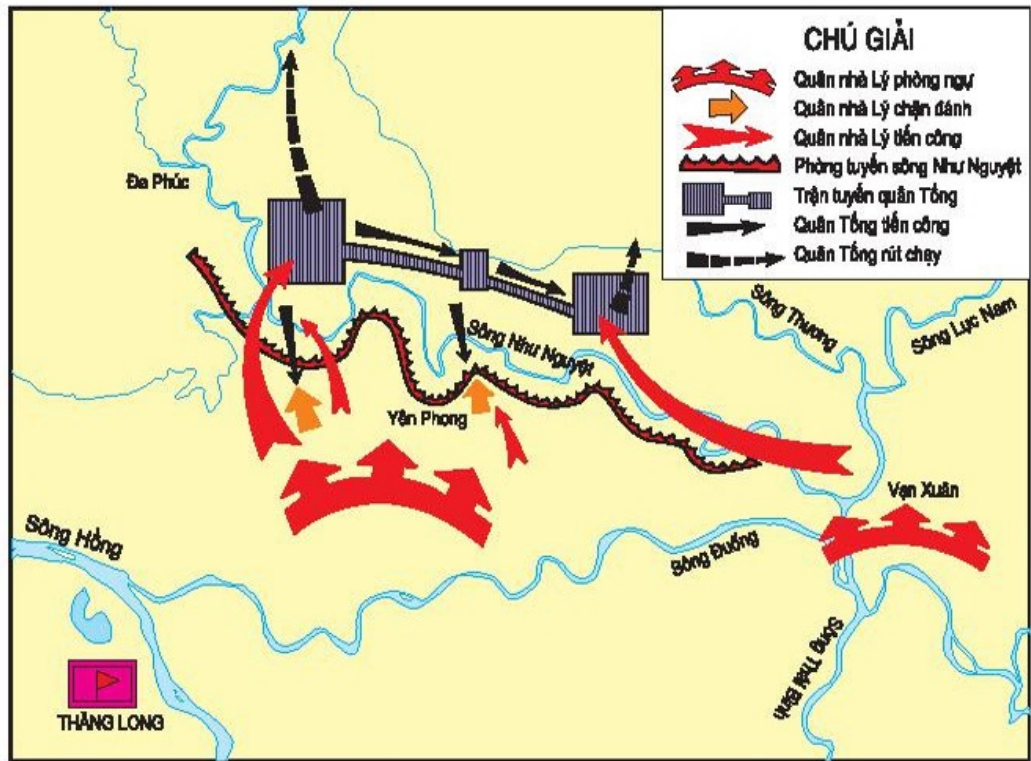
Lý Thường Kiệt được triều đình giao cho chỉ huy cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược. Ông chủ trương “ngồi yên đợi giặc không bằng đem quân đánh trước để chặn thế mạnh của giặc”. Cuối năm 1075, Lý Thường Kiệt chia quân thành hai đạo quân thủy, bộ bất ngờ đánh vào nơi tập trung quân lương của nhà Tống ở Ung Châu, Khâm Châu, Liêm Châu (Trung Quốc), rồi rút về.

– Lý Thường Kiệt cho quân đánh sang đất nhà Tống để làm gì ?

Trở về nước, Lý Thường Kiệt chủ động cho xây dựng phòng tuyến trên bờ phía nam sông Như Nguyệt (một khúc của sông Cầu). Được tin đó, vua tôi nhà Tống vội vã tiến hành xâm lược nước ta. Cuối năm 1076, nhà Tống

cho 10 vạn bộ binh, 1 vạn ngựa, 20 vạn dân phu, dưới sự chỉ huy của tướng Quách Quỷ, theo đường bộ ô ạt kéo vào nước ta. Tại các phòng tuyến biên giới, quân ta đánh những trận nhỏ nhằm cản bước tiến của giặc. Quân Tống tiến tới bờ phía bắc sông Như Nguyệt. Chúng tỏ ra lúng túng vì trước mặt là sông và bên kia là một chiến lũy rất kiên cố.

Quách Quỷ nóng lòng chờ quân thủy tiến vào để phối hợp vượt sông. Nhưng quân thủy của chúng đã bị quân ta chặn đứng ngoài bờ biển. Quách Quỷ liều mạng cho quân đóng bè tổ chức tiến công. Hai bên giao chiến ác liệt. Phòng tuyến sông Như Nguyệt có lúc tưởng như sắp vỡ.



Lược đồ trận chiến tại phòng tuyến sông Như Nguyệt

Tương truyền, trong đêm tối, từ đền thờ bên sông bỗng vang lên tiếng ngâm bài thơ :

*Sông núi nước Nam, vua Nam ở,
Rành rành định phận ở sách trời.
Có sao lũ giặc sang xâm phạm,
Chúng bay sẽ bị đánh tơi bời.*

(Dẫn theo *Lịch sử Việt Nam*, Tập I,
NXB Khoa học xã hội, H., 1971)

Tiếng ngâm âm vang cùng với tiếng trống, tiếng hò reo âm âm như sấm động. Hàng vạn bó đuốc bùng sáng.

Lý Thường Kiệt thúc quân lạng lẽ vượt sông rồi bất ngờ đánh thẳng vào doanh trại giặc. Quân giặc khiếp đảm trước cuộc phản công của quân ta. Chúng không còn hồn vía nào chống cự, vội vã vứt bỏ gươm giáo, tìm đường tháo chạy.

– *Em hãy kể lại trận chiến tại phòng tuyến sông Như Nguyệt.*

Sau hơn ba tháng đặt chân lên đất ta, số quân Tống bị chết đến quá nửa, số còn lại tinh thần suy sụp. Lý Thường Kiệt đã chủ động giảng hoà để mở lối thoát cho giặc. Quách Quỳ vội vàng chấp nhận và hạ lệnh cho tàn quân rút về nước.

Nền độc lập của nước Đại Việt được giữ vững.

Dưới thời nhà Lý, bằng trí thông minh và lòng dũng cảm, nhân dân ta dưới sự chỉ huy của Lý Thường Kiệt, đã bảo vệ được nền độc lập của đất nước trước sự xâm lược của nhà Tống.

CÂU HỎI

1. Dựa vào lược đồ, em hãy kể lại cuộc chiến đấu bảo vệ phòng tuyến trên bờ phía nam sông Như Nguyệt của quân ta.
2. Nêu kết quả của cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược lần thứ hai.

NƯỚC ĐẠI VIỆT THỜI TRẦN (Từ năm 1226 đến năm 1400)

BÀI 12

NHÀ TRẦN THÀNH LẬP

Đến cuối thế kỉ XII, nhà Lý ngày càng suy yếu. Chính quyền không chăm lo đến đời sống của dân ; nội bộ triều đình mâu thuẫn, nhân dân sống cơ cực ; nhiều nơi dân nghèo nổi dậy đấu tranh. Quân xâm lược phương Bắc thường xuyên rình rập. Vua Lý phải dựa vào họ Trần mới giữ được ngai vàng. Từ đó, mọi việc trong triều đình đều do Trần Thủ Độ quyết định.

Lý Huệ Tông không có con trai, truyền ngôi cho con gái là Lý Chiêu Hoàng, mới 7 tuổi. Trần Thủ Độ tìm cách để Chiêu Hoàng lấy Trần Cảnh, rồi nhường ngôi cho chồng (đầu năm 1226). Nhà Trần được thành lập.



Đền thờ các vị vua thời Trần (Đông Triều, Quảng Ninh)

Dưới thời Trần, cả nước được chia thành 12 lộ, dưới lộ là phủ, châu, huyện, sau cùng là xã. Mỗi cấp đều có quan cai quản.

Các vua Trần đặt lệ nhường ngôi sớm cho con và tự xưng là *Thái thượng hoàng*, cùng trông nom việc nước.

Vua Trần cho đặt chuông lớn ở thêm cung điện để dân đến đánh khi có điều gì cầu xin hoặc bị oan ức. Trong các buổi yến tiệc, có lúc vua và các quan cùng nắm tay nhau, hát ca vui vẻ.

– *Em có nhận xét gì về quan hệ giữa vua với quan, vua với dân dưới thời nhà Trần ?*

Nhà Trần chú ý xây dựng lực lượng quân đội. Trai tráng khoẻ mạnh được tuyển vào quân đội, thời bình thì ở làng sản xuất, lúc có chiến tranh thì tham gia chiến đấu.

Ngoài các chức quan tương tự như ở thời Lý, nhà Trần lập thêm *Hà đê sứ* để trông coi việc đắp đê và bảo vệ đê điều ; *Khuyến nông sứ* chăm lo, khuyến khích nông dân sản xuất ; *Đồn điền sứ* tuyển mộ người đi khẩn hoang.

– *Những việc làm trên của các vua nhà Trần nhằm để làm gì ?*

Đầu năm 1226, Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi cho chồng là Trần Cảnh, nhà Trần được thành lập.

Nhà Trần rất quan tâm đến việc phát triển nông nghiệp và phòng thủ đất nước.

CÂU HỎI

1. Nhà Trần ra đời trong hoàn cảnh nào ?
2. Nhà Trần đã có những việc làm gì để củng cố, xây dựng đất nước ?

BÀI 13

NHÀ TRẦN VÀ VIỆC ĐẮP ĐÊ

Thời Trần, nghề chính của nhân dân ta vẫn là trồng lúa nước. Sông ngòi chằng chịt là nguồn cung cấp nước cho việc cấy, trồng, song lụt lội cũng thường xuyên xảy ra. Vì vậy, việc đắp đê phòng chống lũ lụt đã trở thành truyền thống của ông cha ta.

– Em có được chứng kiến hoặc biết câu chuyện nào về cảnh lụt lội không? Hãy kể tóm tắt về cảnh lụt lội đó.

Nhà Trần rất quan tâm đến việc đắp đê phòng lụt, đã lập *Hà đê sứ* để trông coi việc đắp đê và bảo vệ đê. Năm 1248, nhân dân cả nước được lệnh mở rộng việc đắp đê suốt từ đầu nguồn các con sông lớn cho đến cửa biển. Hằng năm, khi có lũ lụt, tất cả mọi người không phân biệt trai gái, giàu nghèo đều phải tham gia bảo vệ đê. Các vua nhà Trần cũng có khi tự mình trông nom việc đắp đê. Do vậy, có cuốn sử đã ghi rằng, nhà Trần là "triều đại đắp đê".

Đến thời nhà Trần, hệ thống đê đã hình thành dọc theo sông Hồng và các con sông lớn khác ở đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ. Hệ thống đê điều này đã góp phần giúp cho nông nghiệp phát triển.



Cảnh đắp đê dưới thời Trần (tranh vẽ)

Nhà Trần rất coi trọng việc đắp đê phòng chống lũ lụt. Nhờ vậy nền kinh tế nông nghiệp phát triển, đời sống nhân dân ấm no.

CÂU HỎI

1. Nhà Trần đã có biện pháp gì và thu được kết quả như thế nào trong việc đắp đê ?
2. Ở địa phương em, nhân dân đã làm gì để phòng chống lũ lụt ?

BÀI 14

CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN XÂM LƯỢC MÔNG - NGUYÊN

Thời nhà Trần, ba lần quân Mông - Nguyên sang xâm lược nước ta.

Lúc đó, quân xâm lược Mông - Nguyên đang tung hoành khắp châu Âu và châu Á. Khi quân Mông - Nguyên tràn vào nước ta, lo nghĩ trước sức mạnh của quân xâm lược, vua Trần đã hỏi Trần Thủ Độ nên đánh hay nên hoà. Trần Thủ Độ khẳng khái trả lời : “Đầu thần chưa rơi xuống đất, xin bệ hạ đừng lo”.

Trong cuộc kháng chiến lần thứ hai, vua Trần mời các bô lão cả nước về kinh đô Thăng Long, ở điện Diên Hồng, để hỏi kế đánh giặc. Trả lời câu hỏi của vua : “Nên đánh hay nên hoà ?”, điện Diên Hồng vang lên tiếng hô đồng thanh của các bô lão : “Đánh!”. Ý chí quyết chiến với giặc đã được toàn dân hưởng ứng. Trần Hưng Đạo, người chỉ huy tối cao của cuộc kháng chiến, đã viết *Hịch tướng sĩ*, trong đó có câu : "Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng...". Lời Hịch đã khích lệ mọi người. Các chiến sĩ tự mình thịch vào cánh tay hai chữ “Sát Thát” (giết giặc Mông Cổ).

– Nêu những sự kiện chứng tỏ tinh thần quyết tâm kháng chiến chống quân Mông - Nguyên của quân dân nhà Trần.



Hình 1. Cảnh các hô lão trong Hội nghị Diên Hồng (tranh vẽ)

Cả ba lần, trước cuộc tấn công của hàng vạn quân giặc, vua tôi nhà Trần đều chủ động rút khỏi kinh thành Thăng Long. Quân Mông - Nguyên vào được Thăng Long, nhưng không tìm thấy một bóng người, một chút lương ăn. Chúng điên cuồng phá phách, nhưng chỉ thêm mệt mỏi và đói khát.

Chính lúc đó, quân ta tấn công quyết liệt vào Thăng Long. Lần thứ nhất, chúng cắm cổ rút chạy, không còn hung hăng cướp phá như khi vào xâm lược. Lần thứ hai, tướng giặc là Thoát Hoan phải chui vào ống đồng để thoát thân. Lần thứ ba, quân ta chặn đường rút lui của giặc, dùng kế cắm cọc gỗ tiêu diệt chúng trên sông Bạch Đằng.

– Nhà Trần đã đối phó với giặc như thế nào khi chúng mạnh và khi chúng yếu ? Kết quả ra sao ?



Hình 2. Cọc gỗ được cắm ở sông Bạch Đằng (trưng bày tại Bảo tàng Lịch sử quốc gia)

Sau ba lần đại bại, quân Mông - Nguyên không dám sang xâm lược nước ta nữa.

Quân Mông - Nguyên sang xâm lược nước ta ba lần. Cả ba lần, vua tôi, quân dân nhà Trần đều đồng lòng, mưu trí đánh thắng quân xâm lược.

CÂU HỎI

1. Ý chí quyết tâm tiêu diệt quân xâm lược Mông - Nguyên của quân dân nhà Trần được thể hiện như thế nào ?
2. Khi giặc Mông - Nguyên vào Thăng Long, vua tôi nhà Trần đã dùng kế gì để đánh giặc ?
3. Em hãy sưu tầm các mẫu chuyện kể về tấm gương yêu nước của Trần Quốc Tuấn trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên.

BÀI 15

NƯỚC TA CUỐI THỜI TRẦN

Từ giữa thế kỉ XIV, tình hình đất nước ngày càng xấu đi. Vua quan ăn chơi sa đọa.

Trần Dụ Tông bắt dân đào hồ lớn trong Hoàng thành, chất đá giữa hồ làm núi, chở nước mặn từ biển đổ vào để nuôi hải sản. Những kẻ có quyền thế ngang nhiên vơ vét của dân để làm giàu. Đê điều không ai quan tâm. Nhiều năm xảy ra lụt lội, mất mùa, cuộc sống của nhân dân càng thêm cơ cực.

Không chịu nổi cuộc sống khổ cực và ách áp bức, bóc lột tàn tệ của kẻ thống trị, nông dân, nô tì đã nổi dậy đấu tranh. Trong triều, một số

quan lại cũng bất bình. Chu Văn An dâng sớ xin chém 7 tên quan đã lấn át quyền vua, coi thường phép nước. Vua không nghe, ông xin từ quan.

– *Tình hình nước ta cuối thời Trần như thế nào ?*

Trong tình hình phức tạp và khó khăn đó, đã xuất hiện nhân vật Hồ Quý Ly, một vị quan đại thần có tài. Thoát chết sau một vụ mưu sát, năm 1400, Hồ Quý Ly truất ngôi vua Trần và tự xưng làm vua, lập nên nhà Hồ, dời thành về Tây Đô (Vĩnh Lộc, Thanh Hoá), đổi tên nước là Đại Ngu⁽¹⁾. Ngay từ khi còn là một đại thần, đặc biệt sau khi lên ngôi vua, Hồ Quý Ly đã thực hiện nhiều cải cách.

Hồ Quý Ly thay thế các quan cấp cao của dòng họ Trần bằng những người thực sự tài giỏi, đặt lệ các quan phải thường xuyên xuống thăm dân ; quy định lại số ruộng cho quan lại, quý tộc, nếu thừa phải trả lại nhà nước ; quy định lại số nô tì phục vụ trong các gia đình quý tộc, số thừa ra phải nộp cho nhà nước. Những năm có nạn đói, các nhà giàu buộc phải bán thóc cho dân và tổ chức nơi chữa bệnh cho dân.

Năm 1406, quân Minh sang xâm lược nước ta. Hồ Quý Ly không đoàn kết được toàn dân để tiến hành kháng chiến mà chỉ dựa vào quân đội nên đã thất bại. Nước ta bị nhà Minh đô hộ.



Thành Tây Đô của nhà Hồ (Thanh Hoá)

(1) *Đại Ngu* : an vui lớn.

Từ giữa thế kỉ XIV, nhà Trần bước vào thời kì suy yếu. Vua quan không quan tâm tới dân. Dân oán hận, nổi dậy khởi nghĩa.

Năm 1400, Hồ Quý Ly nhân cơ hội đó đã truất ngôi vua Trần, lập nên nhà Hồ. Không chống nổi quân xâm lược, nhà Hồ sụp đổ. Đất nước ta bị nhà Minh đô hộ.

CÂU HỎI

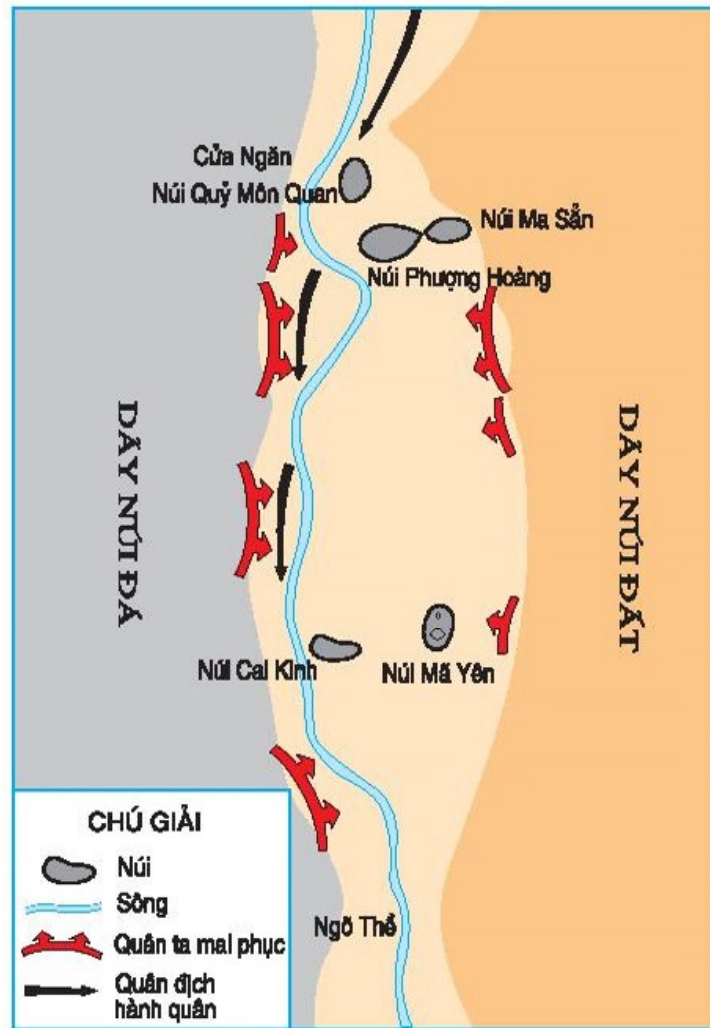
1. Em hãy trình bày tình hình nước ta vào cuối thời Trần.
2. Do đâu nhà Hồ không chống nổi quân Minh xâm lược ?

NƯỚC ĐẠI VIỆT BUỔI ĐẦU THỜI HẬU LÊ (Thế kỉ XV)

BÀI 16

CHIẾN THẮNG CHI LĂNG

Lê Lợi là một hào trưởng có uy tín lớn ở vùng Lam Sơn (Thanh Hoá). Không chịu cảnh đất nước bị giặc Minh đô hộ, Lê Lợi đã chiêu tập binh sĩ, xây dựng lực lượng và chọn Lam Sơn làm căn cứ cho cuộc khởi nghĩa. Khi lực lượng nghĩa quân đã lớn mạnh, Lê Lợi quyết định tiến quân ra Bắc. Trận đánh ở Chi Lăng (thuộc Lạng Sơn ngày nay) là một trong những trận đánh quyết định sự thắng lợi của quân khởi nghĩa Lam Sơn.



Hình 1. Lược đồ trận Chi Lăng

Ải Chi Lăng là vùng núi đá hiểm trở, đường nhỏ hẹp, khe sâu, rừng cây um tùm.

Sử cũ chép rằng : Thời nhà Minh cai trị nước ta, nghĩa quân Lam Sơn do Lê Lợi đứng đầu, từ Thanh Hoá kéo ra bao vây Đông Quan (nay là Hà Nội). Nhà Minh lo sợ cử hai đạo quân kéo sang phá vây.

Liễu Thăng cầm đầu một đạo quân đánh vào Lạng Sơn. Mờ sáng, chúng đến cửa ải Chi Lăng. Kị binh ta ra nghênh chiến rồi quay đầu giả vờ thua để nhử Liễu Thăng cùng đám kị binh vào ải. Kị binh của Liễu Thăng ham đuổi nên bỏ xa hàng vạn quân bộ ở phía sau đang lữ lượt chạy. Khi ngựa của chúng đang bì bõm vượt qua đồng lầy, thì bỗng nhiên một loạt pháo hiệu nổ vang như sấm dậy. Lập tức từ hai bên sườn núi, những chùm tên và những mũi lao vun vút phóng xuống.



Hình 2. Đền thờ vua Lê Thái Tổ (Hà Nội)

Lọt vào giữa trận địa “mưa tên”, Liễu Thăng và đám kị binh tối tăm mặt mũi. Liễu Thăng bị giết. Quân bộ theo sau cũng bị phục binh của ta từ hai bên sườn núi và lòng khe, nhất tề xông ra tấn công. Quân địch hoảng loạn, lại nghe tin Liễu Thăng tử trận, càng khiếp sợ. Hàng vạn quân Minh bị giết, số còn lại rút chạy.

– *Quân Lê Lợi đã dùng mưu kế gì để diệt giặc ?*

Thế là mưu đồ cứu viện cho Đông Quan của nhà Minh bị tan vỡ. Quân Minh phải xin hàng và rút về nước. Lê Lợi lên ngôi Hoàng đế (Lê Thái Tổ). Nhà Hậu Lê bắt đầu từ đây.

Dựa vào địa hình hiểm trở của ải Chi Lăng, nghĩa quân Lam Sơn đã đánh tan quân Minh ở Chi Lăng.

Thua trận ở Chi Lăng và một số trận khác, quân Minh xâm lược phải đầu hàng, rút về nước. Lê Lợi lên ngôi Hoàng đế (1428), mở đầu thời Hậu Lê.

CÂU HỎI

1. Tại sao quân ta chọn ải Chi Lăng làm trận địa đánh địch ?
2. Em hãy kể lại trận phục kích của quân ta tại ải Chi Lăng.
3. Chiến thắng Chi Lăng có ý nghĩa như thế nào đối với cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược của nghĩa quân Lam Sơn ?

BÀI 17

NHÀ HẬU LÊ VÀ VIỆC TỔ CHỨC QUẢN LÝ ĐẤT NƯỚC

Năm 1428, Lê Lợi chính thức lên ngôi Hoàng đế, đóng đô ở Thăng Long. Tên nước Đại Việt được khôi phục như xưa. Trải qua các đời vua Lê Thái Tổ, Lê Thái Tông, Lê Nhân Tông, việc tổ chức quản lý đất nước ngày càng được củng cố và đạt tới đỉnh cao vào đời vua Lê Thánh Tông (1460 -1497).



Hình 1. Cảnh triều đình vua Lê (tranh cổ)

Vua có uy quyền tuyệt đối. Mọi quyền hành đều tập trung vào tay vua. Vua trực tiếp là Tổng chỉ huy quân đội. Lê Thánh Tông bãi bỏ một số chức quan cao cấp nhất như Tướng quốc, Đại tổng quản, Đại hành khiển. Giúp việc cho vua có các bộ và các viện.

– *Tại sao nói vua có uy quyền tuyệt đối ?*

Vua Lê Thánh Tông cho vẽ bản đồ đất nước, gọi là bản đồ Hồng Đức. Đây là bản đồ đầu tiên của nước ta.

Tuy vua Lê Thái Tổ đã chú ý đến việc định ra pháp luật, song phải đến đời vua Lê Thánh Tông, một bộ luật mới ra đời, có tên gọi là Bộ luật Hồng Đức. Đây là bộ luật hoàn chỉnh đầu tiên của nước ta và có những điều tiến bộ. Nội dung cơ bản của bộ luật là bảo vệ quyền lợi của vua, quan lại, địa chủ ; bảo vệ chủ quyền quốc gia ; khuyến khích phát triển kinh tế ; giữ gìn truyền thống tốt đẹp của dân tộc ; bảo vệ một số quyền lợi của phụ nữ.

– Nhà Hậu Lê, đặc biệt là đời vua Lê Thánh Tông, đã làm gì để quản lí đất nước ?



Hình 2. Tượng Lê Thánh Tông
(Hà Nội)

Thời Hậu Lê, việc tổ chức quản lí đất nước rất chặt chẽ. Lê Thánh Tông đã cho vẽ bản đồ và soạn Bộ luật Hồng Đức để bảo vệ chủ quyền của dân tộc và trật tự xã hội.

CÂU HỎI

1. Những sự việc nào trong bài thể hiện quyền tối cao của nhà vua ?
2. Bộ luật Hồng Đức có những nội dung cơ bản nào ?

BÀI 18

TRƯỜNG HỌC THỜI HẬU LÊ



Hình 1. Nhà Thái học trong Văn Miếu (Hà Nội)

Ở thời Lý, nhà nước lập Văn Miếu, mở Quốc Tử Giám làm trường đào tạo nhân tài. Qua thời Trần, việc tổ chức dạy học và thi cử bắt đầu có quy củ. Đến thời Hậu Lê, giáo dục được phát triển và chế độ đào tạo mới thực sự được quy định chặt chẽ.

Nhà Hậu Lê cho dựng nhà Thái học, dựng lại Quốc Tử Giám. Tại đây có lớp học, có chỗ ở cho học sinh và cả kho sách. Trường không chỉ thu nhận con cháu vua và các quan mà đón nhận cả con em gia đình thường dân nếu học giỏi. Ở các địa phương, nhà nước cũng mở trường công bên cạnh các lớp học tư của các thầy đồ.



Hình 2. Bia tiến sĩ ở Văn Miếu (Hà Nội)

Nội dung học tập để thi cử là Nho giáo⁽¹⁾. Học sinh phải học thuộc lòng những điều Nho giáo dạy để trở thành người biết suy nghĩ và hành động theo đúng quy định của Nho giáo.

Cứ ba năm có một kì thi Hương⁽²⁾ ở các địa phương và thi Hội⁽³⁾ ở kinh thành. Những người đỗ kì thi Hội được dự kì thi Đình để chọn tiến sĩ. Ngoài ra, theo định kì có kiểm tra trình độ của quan lại. Nhà Hậu Lê đặt ra lễ xướng danh (lễ đọc tên người đỗ), lễ vinh quy (lễ đón rước người đỗ cao về làng) và khắc tên tuổi người đỗ cao (tiến sĩ) vào bia đá dựng ở Văn Miếu để tôn vinh những người có tài.

**Giáo dục thời Hậu Lê đã có nền nếp và quy củ.
Trường học thời Hậu Lê nhằm đào tạo những
người trung thành với chế độ phong kiến và nhân tài
cho đất nước.**

CÂU HỎI

1. Em hãy mô tả tổ chức giáo dục dưới thời Hậu Lê (về tổ chức trường học ; người được đi học ; nội dung học ; nền nếp thi cử).
2. Nhà Hậu Lê đã làm gì để khuyến khích việc học tập ?

(1) *Nho giáo* (còn gọi là Khổng giáo) do Khổng Tử sáng lập, là hệ thống các quy định về chính trị, về đạo đức, về cách ứng xử trong đời sống,... nhằm duy trì, bảo vệ trật tự của xã hội phong kiến.

(2) *Thi Hương* : kì thi được tổ chức trong phạm vi một tỉnh hoặc một số tỉnh.

(3) *Thi Hội* : kì thi do triều đình tổ chức ở kinh đô cho những người đỗ cao nhất ở kì thi Hương.

BÀI 19

VĂN HỌC VÀ KHOA HỌC THỜI HẬU LÊ

Ở thời Hậu Lê, văn học chữ Hán⁽¹⁾ chiếm ưu thế. Tuy vậy, văn học chữ Nôm⁽²⁾ vẫn không ngừng phát triển. Lê Thánh Tông, Nguyễn Trãi là những người có nhiều tác phẩm sáng tác bằng chữ Nôm. *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi và *Hồng Đức quốc âm thi tập* của Lê Thánh Tông là hai trong những tập thơ Nôm xưa nhất và có giá trị còn lưu truyền đến ngày nay.

Nhiều tác phẩm văn học phản ánh khí phách anh hùng và niềm tự hào chân chính của dân tộc, như *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi hoặc các bài thơ của Nguyễn Mộng Tuân, Lê Thánh Tông,...

Ngoài ra còn có những tác phẩm ca ngợi nhà Hậu Lê, đề cao và ca ngợi công đức của nhà vua. Tiêu biểu trong số này là các tác phẩm của hội Tao đàn do vua Lê Thánh Tông sáng lập.

Tuy nhiên, còn phải kể đến nhiều tác phẩm của một số tác giả nói lên tâm sự của những người muốn đem tài năng, trí tuệ ra giúp ích cho nước, cho dân nhưng lại bị một số quan lại ghen ghét, vùi dập. *Ức Trai thi tập* của Nguyễn Trãi là một trong những tác phẩm đó. Ngoài ra còn có thơ của Lý Tử Tấn, Nguyễn Húc,...



Nguyễn Trãi

(1) *Chữ Hán* là chữ viết của người Trung Quốc.

(2) *Chữ Nôm* là chữ do người Việt sáng tạo dựa trên hình dạng chữ Hán.

– Trong giai đoạn này có những nhà thơ, nhà văn tiêu biểu nào ?

Khoa học dưới thời Hậu Lê cũng đạt được những thành tựu đáng kể. Bộ *Đại Việt sử kí toàn thư* của Ngô Sĩ Liên là bộ sách ghi lại lịch sử nước ta từ thời Hùng Vương đến đầu thời Hậu Lê. Đây là một trong những bộ sử xưa nhất còn lưu lại đến ngày nay. Nguyễn Trãi cũng là một trong những nhà sử học. Bộ *Lam Sơn thực lục*, tương truyền là của ông, đã ghi lại một cách rõ ràng, đầy đủ toàn bộ diễn biến của khởi nghĩa Lam Sơn.

Về địa lí, tác phẩm *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi đã xác định rõ lãnh thổ quốc gia, nêu lên những tài nguyên, sản phẩm phong phú của đất nước và một số phong tục tập quán của nhân dân ta.

– Em hãy lấy một số dẫn chứng để nêu rõ Nguyễn Trãi là nhà văn, nhà khoa học lớn dưới thời Hậu Lê.

Trên các lĩnh vực khoa học khác như y học, toán học, thời Hậu Lê cũng đạt được những thành tựu mới. Lương Thế Vinh đã tập hợp những kiến thức toán học đương thời để soạn cuốn *Đại thành toán pháp*.

Dưới thời Hậu Lê (thế kỉ XV), văn học và khoa học của nước ta đã đạt được những thành tựu đáng kể. Nguyễn Trãi và Lê Thánh Tông là những tác giả tiêu biểu trong thời kì đó.

CÂU HỎI

1. Hãy kể tên các tác giả tiêu biểu của văn học thời Hậu Lê.
2. Em hãy nêu tên các tác giả của các công trình khoa học tiêu biểu ở thời Hậu Lê.
3. Vì sao có thể coi Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông là những nhà văn hoá tiêu biểu cho giai đoạn này ?

BÀI 20

ÔN TẬP

1. Buổi đầu độc lập, nhà Lý đóng đô ở đâu ? Tên gọi nước ta ở thời kì đó là gì ?

2. Từ buổi đầu độc lập đến thời Hậu Lê (thế kỉ XV), trong quá trình dựng nước và giữ nước có những sự kiện lịch sử nào tiêu biểu ? Em hãy lập bảng thống kê các sự kiện đó (Xảy ra lúc nào ? Ở đâu ?).

3. Em hãy kể lại một trong những sự kiện, hiện tượng lịch sử tiêu biểu trong quá trình dựng nước và giữ nước từ buổi đầu độc lập đến thời Hậu Lê (có thể kể bằng tranh).

NƯỚC ĐẠI VIỆT THẾ KỈ XVI - XVIII

BÀI 21

TRỊNH - NGUYỄN PHÂN TRANH

Từ đầu thế kỉ XVI, nhà Hậu Lê bắt đầu suy yếu. Vua chỉ bày trò ăn chơi xa xỉ suốt ngày đêm và xây dựng cung điện, do vậy nhân dân mỉa mai gọi vua Lê Uy Mục là “vua quý”, vua Lê Tương Dực là “vua lợn”. Quan lại trong triều thì chia thành phe phái, đánh giết lẫn nhau để tranh giành quyền lợi. Đất nước rơi vào cảnh loạn lạc.

Năm 1527, nhân tình hình đó, Mạc Đăng Dung là một quan võ, đã cầm đầu một số quan lại cướp ngôi nhà Lê, lập nên triều Mạc. Năm 1533, Nguyễn Kim (một quan võ triều Lê) tìm một người thuộc dòng dõi nhà Lê đưa lên ngôi, lập một triều đình riêng ở vùng Thanh Hoá. Sử cũ gọi đây là Nam triều để phân biệt với Bắc triều của nhà Mạc ở phía bắc. Đất nước bị chia cắt. Nam triều và Bắc triều đánh nhau, gây ra một cuộc nội chiến kéo dài hơn 50 năm. Mãi đến năm 1592, Nam triều chiếm được Thăng Long, chiến tranh Nam - Bắc triều mới được chấm dứt.



Lược đồ địa phận Bắc triều - Nam triều và Đàng Trong, Đàng Ngoài

Tướng giang sơn lại được thống nhất, nào ngờ, khi Nguyễn Kim chết, con rể là Trịnh Kiểm lên thay đã nắm toàn bộ triều chính. Con của Nguyễn Kim là Nguyễn Hoàng được cử vào trấn thủ vùng Thuận Hoá, Quảng Nam đã xây dựng lực lượng và chiến tranh giữa hai thế lực bùng nổ.

Trong khoảng 50 năm, họ Trịnh và họ Nguyễn đánh nhau bảy lần. Vùng đất miền Trung trở thành chiến trường ác liệt. Cuối cùng hai bên phải lấy sông Gianh (Quảng Bình) làm ranh giới chia cắt đất nước. Đàng Ngoài từ sông Gianh trở ra, Đàng Trong từ sông Gianh trở vào. Ở Đàng Ngoài, Trịnh Tùng (con Trịnh Kiểm) xưng vương, xây phủ bên cạnh triều đình vua Lê, nhân dân gọi là “vua Lê - chúa Trịnh”.

– *Hãy chỉ trên lược đồ giới tuyến phân chia Đàng Trong và Đàng Ngoài.*

Hậu quả của các cuộc tranh giành quyền lực của các phe phái phong kiến đổ dồn lên đầu người dân cả hai miền. Đất nước bị chia cắt. Dân ông phải ra trận chém giết lẫn nhau. Vợ phải xa chồng, con không thấy bố... Hơn 200 năm chia cắt, loạn lạc đã ảnh hưởng rất nhiều tới sự phát triển của đất nước.

Từ đầu thế kỉ XVI, chính quyền nhà Lê suy yếu. Các tập đoàn phong kiến xâu xé nhau tranh giành ngai vàng. Hậu quả là đất nước bị chia cắt, nhân dân cực khổ.

CÂU HỎI

1. Do đâu mà vào đầu thế kỉ XVI, nước ta lâm vào thời kì bị chia cắt ?
2. Cuộc xung đột giữa các tập đoàn phong kiến đã gây ra những hậu quả gì ?

BÀI 22

CUỘC KHẨN HOANG Ở ĐÀNG TRONG

Trước thế kỉ XVI, từ sông Gianh vào phía nam, đất hoang còn nhiều, xóm làng và cư dân thưa thớt. Từ lâu, những người nông dân nghèo khổ ở phía bắc đã di cư vào đây khai phá, làm ăn.

Cuối thế kỉ XVI, các chúa Nguyễn rất quan tâm tới việc khai khẩn đất hoang, mở rộng diện tích sản xuất. Nông dân, quân lính được phép đem cả gia đình vào phía nam khẩn hoang lập làng, lập ấp.

Những người khẩn hoang được cấp lương thực trong nửa năm cùng một số nông cụ, rồi chia thành từng đoàn, đi khai phá đất hoang. Các đoàn người khai hoang cứ dần dần tiến vào phía nam. Từ vùng đất Phú Yên, Khánh Hoà đến Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, đoàn người tiếp tục tiến sâu vào vùng đồng bằng sông Cửu Long ngày nay. Đi đến đâu họ lập làng, ấp mới đến đó. Công cuộc khẩn hoang đã biến một vùng đất hoang vắng ở phía nam trở thành những xóm làng đông đúc và ngày càng trù phú.

– Dựa theo bản đồ Việt Nam, em hãy mô tả cuộc hành trình của đoàn người khẩn hoang vào phía nam.

Lúc đó, từ Phú Yên trở vào có rất nhiều dân tộc sinh sống (người Chăm, người Khơ-me và các dân tộc ở Tây Nguyên). Người Việt đã cùng với các dân tộc anh em sống hoà hợp với nhau, cùng đoàn kết trong cuộc đấu tranh chống thiên tai và ách áp bức bóc lột. Nền văn hoá lâu đời của các dân tộc hoà vào nhau, bổ sung cho nhau tạo nên nền văn hoá chung của dân tộc Việt Nam, một nền văn hoá thống nhất và có nhiều bản sắc.

Từ cuối thế kỉ XVI, công cuộc khẩn hoang ở Đàng Trong được xúc tiến mạnh mẽ.

Ruộng đất được khai phá, xóm làng được hình thành và phát triển. Tình đoàn kết giữa các dân tộc ngày càng bền chặt.

CÂU HỎI

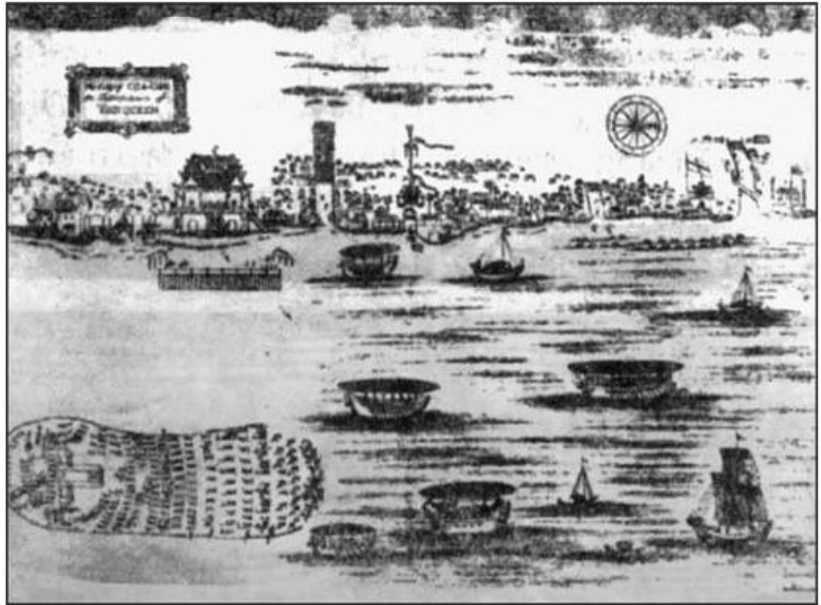
1. Cuộc khẩn hoang ở Đàng Trong đã diễn ra như thế nào ?
2. Cuộc khẩn hoang đã có tác dụng như thế nào đối với việc phát triển nông nghiệp ?

BÀI 23

THÀNH THỊ Ở THẾ KỈ XVI - XVII

Ở thế kỉ XVI – XVII, cuộc sống ở các thành thị như Thăng Long, Phố Hiến (Hưng Yên), Hội An (Quảng Nam) trở nên sôi động. Một nhà buôn người Anh mô tả Thăng Long vào năm 1685 : “Thành Thăng Long có thể so với nhiều thành thị ở Á châu, nhưng lại đông dân hơn. Những ngày phiên chợ, dân ở các làng lân cận kịt kịt gánh hàng hoá đến đông không thể tưởng tượng được.

Các con đường rộng bấy giờ đều trở thành chật chội”. Nhà nghiên cứu văn hoá Phạm Đình Hổ mô tả lại : “Đất kinh thành (Thăng Long) người nhiều, nhà ở san sát, thường hay có hoả hoạn”, “phường Hàng Ngang và phường Hàng Đào là nơi bán áo, bán các thứ tơ, lụa, vóc, nhiễu,... Hàng Buồm cũng là một phố buôn bán rất huyên náo”.



Hình 1. Một góc Thăng Long ở thế kỉ XVI (tranh cổ)

– Dựa vào những đoạn mô tả và bức tranh cổ về cảnh Thăng Long ở thế kỉ XVI, em hãy trình bày lại bằng lời, bằng bài viết về cảnh Thăng Long thời ấy.

Theo mô tả của người nước ngoài, bấy giờ Phố Hiến có trên 2000 nóc nhà của các cư dân từ nhiều nước đến ở. Trong đó, người Trung Quốc và người Nhật Bản rất đông, ngoài ra còn có người Hà Lan, Anh, Pháp. Nơi đây buôn bán rất tấp nập.



*Hình 2. Một góc Hội An ở thế kỉ XVII
(tranh cổ)*

Hội An là thành phố cảng lớn nhất ở Đàng Trong. Các nhà buôn Nhật Bản cùng với một số cư dân địa phương đã dựng nên thành phố này. Năm 1618, một giáo sĩ người Pháp đã nhận xét Hội An “là hải cảng đẹp nhất, nơi mà thương nhân ngoại quốc thường lui tới buôn bán”.

– Dựa vào lời mô tả của người nước ngoài và bức tranh cổ về Hội An, em hãy trình bày lại cảnh Hội An bằng lời hoặc bằng bài viết.

Ngày 5 - 12 -1999, phố cổ Hội An được UNESCO công nhận là Di sản Văn hoá thế giới.

Vào thế kỉ XVI - XVII, một số thành thị ở nước ta trở nên phồn thịnh.

Thăng Long, Phố Hiến, Hội An là những thành thị nổi tiếng thời đó.

CÂU HỎI

1. Dựa vào các đoạn trích được nêu trong bài, em hãy mô tả lại một số thành thị của nước ta ở thế kỉ XVI - XVII.
2. Theo em, cảnh buôn bán sôi động ở các thành thị nói lên tình hình kinh tế nước ta thời đó như thế nào ?

BÀI 24

NGHĨA QUÂN TÂY SƠN TIẾN RA THĂNG LONG (Năm 1786)

Mùa xuân năm 1771, ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ, Nguyễn Huệ lên vùng Tây Sơn thượng đạo (nay thuộc An Khê, Gia Lai) lập căn cứ, dựng cờ khởi nghĩa chống chính quyền họ Nguyễn ở Đàng Trong.

Sau khi lật đổ chính quyền họ Nguyễn, làm chủ toàn bộ vùng đất Đàng Trong, Nguyễn Huệ quyết định tiến ra Thăng Long, lật đổ chính quyền họ Trịnh, thống nhất giang sơn. Đó là năm 1786.

Nghe tin đó, chúa Trịnh Khải đứng ngồi không yên. Quan tướng họ Trịnh sợ hãi, cuống cuống lo cất giấu của cải, đưa vợ con đi trốn. Trịnh Khải tức tốc triệu tập quần thần bàn kế giữ kinh thành.

Một viên tướng quả quyết :

– Tây Sơn kéo quân vào sâu xứ lạ, đó là điều kiêng kị trong binh pháp. Nên nhử cho chúng tới gần nữa, rồi đánh một trận mà tiêu diệt cho hết.

Một viên tướng khác lại thể với chúa Trịnh :

– Bẩm chúa thượng ! Xin chúa thượng yên lòng, chín cha con tôi quyết đem cái chết để đền ơn chúa.

Nghe nói vậy, Trịnh Khải yên lòng, lệnh cho quân sĩ dàn binh đợi đánh.

Trong khi đó, quân thủy và quân bộ của Nguyễn Huệ tiến như vũ bão về phía Thăng Long, chẳng mấy chốc đã đến Nam Dư⁽¹⁾. Quân Trịnh tướng quân Tây Sơn còn ở xa nên bỏ thuyền, lên bờ chơi tản mát. Khi quân Tây Sơn ập đến, quân Trịnh không kịp xuống thuyền, phần bị giết, phần bỏ chạy. Quân Tây Sơn băng băng tiến về kinh thành Thăng Long, đánh mạnh vào trận địa của quân Trịnh.

(1) *Nam Dư* : nay thuộc Thanh Trì (Hà Nội).

Trịnh Khải phát cờ lệnh thúc quân đánh trả nhưng tướng sĩ nhìn nhau không dám tiến. Lợi dụng cơ hội ấy, quân Tây Sơn bắn đạn lửa vào quân Trịnh. Phút chốc, quân Trịnh đại bại. Trịnh Khải vội cởi áo chúa bỏ chạy, bị dân bắt trói nộp cho quân Tây Sơn.

Nguyễn Huệ làm chủ được Thăng Long, lật đổ họ Trịnh, giao quyền cai trị ở Đàng Ngoài cho vua Lê (năm 1786), mở đầu việc thống nhất lại đất nước sau hơn 200 năm bị chia cắt.

Nguyễn Huệ kéo quân ra Bắc, tiến vào Thăng Long, tiêu diệt chính quyền họ Trịnh. Quân của Nguyễn Huệ đi đến đâu đánh thắng tới đó.

Năm 1786, nghĩa quân Tây Sơn làm chủ Thăng Long, mở đầu cho việc thống nhất lại đất nước.

CÂU HỎI

1. Năm 1786, Nguyễn Huệ kéo quân ra Bắc để làm gì ?
2. Em hãy kể lại chiến thắng của nghĩa quân Tây Sơn tiêu diệt chính quyền họ Trịnh.
3. Em hãy trình bày kết quả của việc nghĩa quân Tây Sơn tiến ra Thăng Long.

BÀI 25

QUANG TRUNG ĐẠI PHÁ QUÂN THANH (Năm 1789)

Cuối năm 1788, mượn cơ giúp nhà Lê, quân Thanh sang chiếm nước ta. Nguyễn Huệ liền lên ngôi Hoàng đế, hiệu là Quang Trung, kéo quân ra Bắc đánh quân Thanh.



Hình 1. Lược đồ Quang Trung đại phá quân Thanh

Ngày 20 tháng chạp năm Mậu Thân (tháng 1 năm 1789), Quang Trung chỉ huy quân ra đến Tam Điệp (Ninh Bình). Quân sĩ được lệnh ăn Tết trước, rồi chia thành 5 đạo quân tiến ra Thăng Long.

Chủ tướng nhà Thanh là Tôn Sĩ Nghị biết được tin đó nhưng có ý khinh thường.

Đêm mồng 3 Tết năm Kỷ Dậu (1789), quân ta kéo tới sát đồn Hà Hồi (cách Thăng Long 20km về phía nam) mà giặc vẫn không hề biết. Vào lúc nửa đêm, quân ta vây kín đồn Hà Hồi, Quang Trung bắc loa gọi. Tướng sĩ dạ râm trời. Quân Thanh trong đồn hoảng sợ xin hàng.

Mờ sáng mồng 5 Tết, quân ta tấn công đồn Ngọc Hồi. Quân Thanh bắn đại bác ra dữ dội, khói lửa mù mịt. Quân ta ghép các mảnh ván thành tấm lá chắn, lấy rơm dấp nước quăn ngoài, rồi cứ 20 người một tấm tiến lên. Vua Quang Trung cưỡi voi chỉ huy. Tới sát cửa đồn, quân ta bỏ lá chắn xông vào như vũ bão. Cuộc chiến diễn ra rất ác liệt. Quân giặc chết nhiều vô kể. Đồn Ngọc Hồi bị mất, tàn quân Thanh bỏ chạy về phía Thăng Long, bị quân ta phục kích tiêu diệt.

Cũng vào mờ sáng mồng 5 Tết, quân ta đánh mạnh vào đồn Đống Đa (Hà Nội). Tướng giặc là Sâm Nghi Đống phải thắt cổ tự tử. Xác giặc chất thành gò Đống. Tôn Sĩ Nghị nhận được tin báo, hoảng sợ cùng đám tàn quân vượt qua sông Hồng chạy về phương Bắc.

Quân ta toàn thắng.



*Hình 2. Gò Đống Đa
(Hà Nội)*



*Hình 3. Tượng Quang Trung
(Hà Nội)*

Hàng năm cứ đến mùng 5 Tết, ở Gò Đống Đa (Hà Nội), nhân dân ta lại tổ chức giỗ trận để tưởng nhớ ngày Quang Trung đại thắng quân Thanh.

**Quân Thanh xâm lược nước ta. Chúng chiếm Thăng Long.
Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng đế, kéo quân ra Bắc đánh đuổi
quân Thanh. Ở Hà Hồi, Ngọc Hồi, Đống Đa, ta thắng lớn.
Quân Thanh ở Thăng Long hoảng loạn, bỏ chạy về nước.**

CÂU HỎI

1. Dựa vào lược đồ hình 1, em hãy kể lại trận Ngọc Hồi, Đống Đa.
2. Em biết thêm gì về công lao của Nguyễn Huệ - Quang Trung trong việc đại phá quân Thanh ?

BÀI 26

NHỮNG CHÍNH SÁCH VỀ KINH TẾ VÀ VĂN HOÁ CỦA VUA QUANG TRUNG

Sau khi đánh đuổi quân Thanh xâm lược, trong những năm 1789 - 1792, vua Quang Trung đã ban hành nhiều chính sách về kinh tế và văn hoá.

Quang Trung ban bố "Chiếu⁽¹⁾ khuyến nông", lệnh cho dân đã từng bỏ làng quê phải trở về quê cũ cày cấy, khai phá ruộng hoang. Với chính sách này, chỉ vài năm sau, mùa màng trở lại tươi tốt, làng xóm lại thanh bình.

(1) *Chiếu* : lời (hoặc thay lời) vua ban bố mệnh lệnh cho toàn thể quan lại và nhân dân làm theo.

– “Chiếu khuyến nông” quy định điều gì ? Tác dụng của nó ra sao ?

Để việc mua bán được thuận tiện, Quang Trung cho đúc đồng tiền mới. Đối với nước ngoài, Quang Trung yêu cầu nhà Thanh mở cửa biên giới, cho dân hai nước tự do trao đổi hàng hoá. Đồng thời cho mở cửa biển để thuyền buôn nước ngoài vào buôn bán.

– Việc vua Quang Trung cho mở cửa biên giới với nhà Thanh và mở cửa biển của nước ta có lợi gì ?

Về văn hoá, giáo dục, vua Quang Trung cho dịch các sách chữ Hán ra chữ Nôm và coi chữ Nôm là chữ chính thức của quốc gia. Chữ Nôm được dùng trong thi cử và nhiều sắc lệnh của nhà nước. Mong muốn của vua Quang Trung là nhằm bảo tồn và phát triển chữ viết của dân tộc.

– Tại sao vua Quang Trung lại đề cao chữ Nôm ?

Quang Trung còn ban bố “Chiếu lập học”. Ông nói : “Xây dựng đất nước lấy việc học làm đầu”.

– Em hiểu câu “Xây dựng đất nước lấy việc học làm đầu” như thế nào ?

Công việc đang tiến hành thuận lợi thì Quang Trung mất (1792). Người đương thời cũng như người đời sau đều tiếc thương một ông vua tài năng và đức độ nhưng mất sớm.

Vua Quang Trung đã có nhiều chính sách nhằm phát triển kinh tế và văn hoá của đất nước. Tiêu biểu là “Chiếu khuyến nông”, “Chiếu lập học” và đề cao chữ Nôm.

CÂU HỎI

1. Em hãy kể lại những chính sách về kinh tế và văn hoá, giáo dục của vua Quang Trung.
2. Hãy nhớ lại các bài học trước để giải thích vì sao Quang Trung ban hành các chính sách về kinh tế và văn hoá.

BUỔI ĐẦU THỜI NGUYỄN

(Từ năm 1802 đến năm 1858)

BÀI 27

NHÀ NGUYỄN THÀNH LẬP

Sau khi vua Quang Trung qua đời, triều đại Tây Sơn suy yếu dần. Lợi dụng thời cơ đó, Nguyễn Ánh⁽¹⁾ đã huy động lực lượng tấn công nhà Tây Sơn. Năm 1802, triều Tây Sơn bị lật đổ. Nguyễn Ánh lên ngôi vua, lấy niên hiệu là Gia Long, lập ra triều Nguyễn, định đô ở Phú Xuân (Huế). Kể từ năm 1802 đến năm 1858, nhà Nguyễn trải qua các đời vua Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức.

Các vua nhà Nguyễn không đặt ngôi hoàng hậu, bỏ chức tể tướng, tự mình trực tiếp điều hành mọi việc hệ trọng trong nước từ trung ương đến địa phương, từ việc đặt luật pháp đến việc tổ chức các kì thi Hội, từ việc thay đổi các quan trong triều, điều động quân đi đánh xa đến việc trực tiếp điều hành các quan đứng đầu tỉnh v.v... đều do vua quyết định.

– Em hãy dẫn ra một số sự kiện để chứng minh rằng, các vua triều Nguyễn không muốn chia sẻ quyền hành cho ai.

Quân đội nhà Nguyễn gồm nhiều thứ quân (bộ binh, thủy binh, tượng binh,...). Ở kinh đô cũng như ở các nơi đều xây dựng thành trì vững chắc. Để kịp thời chuyển tin tức, nhà Nguyễn đã cho xây dựng các trạm ngựa nối liền từ cực Bắc đến cực Nam của đất nước.



Hình 1. Lính cận vệ thời Nguyễn
(tranh cổ)

(1) Nguyễn Ánh là người thuộc dòng họ chúa Nguyễn ở Đàng Trong.



Hình 2. Hình phạt đánh bằng roi (tranh cổ)

– *Quân đội của nhà Nguyễn được tổ chức như thế nào ?*

Nhà Nguyễn còn ban hành một bộ luật mới, mà lịch sử gọi là Bộ luật Gia Long.

Trong bộ luật này có điều quy định : Những kẻ mưu phản và cùng mưu, không phân biệt thủ phạm hay tòng phạm đều bị xử lăng trì. Ông, cha, con, cháu, anh, em của những kẻ đó từ 16 tuổi trở lên đều bị chém đầu. Con trai từ 15 tuổi trở xuống, mẹ, con gái,...của những kẻ đó phải làm nô tì cho nhà quan. Tài sản của các kẻ đó bị tịch thu.

Bộ luật Gia Long bảo vệ quyền hành tuyệt đối của nhà vua, đề cao địa vị của quan lại, trừng trị tàn bạo kẻ chống đối.

Năm 1802, Nguyễn Ánh lật đổ triều Tây Sơn, lập nên triều Nguyễn.

Các vua nhà Nguyễn dùng mọi biện pháp thu tóm quyền hành vào tay mình.

CÂU HỎI

1. Nhà Nguyễn ra đời trong hoàn cảnh nào ?
2. Những điều gì cho thấy các vua nhà Nguyễn không chịu chia sẻ quyền hành cho bất cứ ai để bảo vệ ngai vàng của mình ?

BÀI 28

KINH THÀNH HUẾ

Sau khi Nguyễn Ánh lật đổ triều đại Tây Sơn, Phú Xuân (Huế) được chọn làm kinh đô.

Nhà Nguyễn huy động hàng chục vạn dân và lính phục vụ việc xây kinh thành Huế. Các loại vật liệu như đá, gỗ, vôi, gạch, ngói từ mọi miền đất nước được đưa về đây. Sau mấy chục năm xây dựng và tu bổ nhiều lần, một toà thành rộng lớn, dài hơn 2km đã mọc lên bên bờ sông Hương. Đây là toà thành đồ sộ và đẹp nhất nước ta thời đó.

Thành có 10 cửa chính ra vào. Bên trên cửa thành xây các vọng gác có mái uốn cong hình chim phượng. Cửa Nam toà thành có cột cờ cao 37m. Từ đỉnh cột cờ có thể nhìn thấy cửa biển Thuận An.

Nằm giữa kinh thành Huế là Hoàng thành. Cửa chính vào Hoàng thành gọi là Ngọ Môn. Tiếp đến là hồ sen, ven hồ là hàng cây đại. Một chiếc cầu bắc qua hồ dẫn đến điện Thái Hoà nguy nga tráng lệ. Điện Thái Hoà là nơi

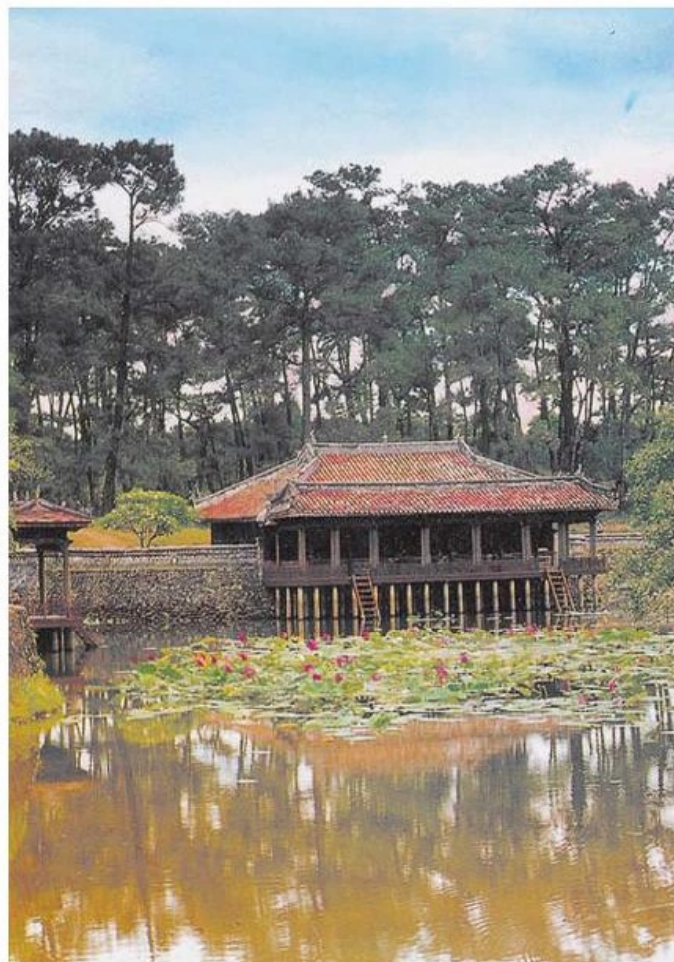


Hình 1. Ngọ Môn (Huế)

tổ chức các cuộc lễ lớn. Quanh điện Thái Hoà là hệ thống cung điện dành riêng cho vua và hoàng tộc.

Ở Huế, các vua nhà Nguyễn còn cho xây dựng rất nhiều lăng tẩm⁽¹⁾. Đó là những khuôn viên rộng, cây cối tươi xanh bao quanh các công trình kiến trúc.

Ngày nay, kinh thành Huế không được nguyên vẹn như xưa nhưng vẫn còn những dấu tích của một công trình lao động sáng tạo và tài hoa của nhân dân ta. Ngày 11 – 12 – 1993, quần thể di tích cố đô Huế được UNESCO công nhận là Di sản Văn hoá thế giới và đang được tu sửa, hoàn thiện.



Hình 2. Một góc lăng Tự Đức (Huế)

Kinh thành Huế là một quần thể các công trình kiến trúc và nghệ thuật tuyệt đẹp.

Đây là một di sản văn hoá chứng tỏ sự tài hoa và sáng tạo của nhân dân ta.

CÂU HỎI

1. Dựa vào nội dung của bài, em hãy mô tả kiến trúc độc đáo của quần thể kinh thành Huế.
2. Ngoài nội dung của bài, em biết thêm gì về Huế (về thiên nhiên, con người) ?

(1) *Lăng tẩm* : nơi chôn và thờ các vua đã mất.

BÀI 29

TỔNG KẾT

Các em đã tìm hiểu một số sự kiện, nhân vật lịch sử tiêu biểu từ buổi đầu dựng nước đến buổi đầu thời Nguyễn.

Qua đó, các em có thể rút ra được những điều sau :

1. Thời Văn Lang, Âu Lạc, ông cha ta đã tạo lập nên một đất nước riêng với những phong tục tập quán của mình. Nước Việt bước đầu đã được hình thành và xây dựng trong lao động, trong đấu tranh.

2. Trong hơn một nghìn năm dưới ách đô hộ của phong kiến phương Bắc, nhiều cuộc khởi nghĩa của nhân dân ta đã nổ ra. Cuối cùng, với chiến thắng Bạch Đằng, Ngô Quyền đã giành lại được độc lập cho dân tộc.

3. Sau ngày độc lập, nhà nước đầu tiên đã được xây dựng. Khi Ngô Quyền mất, đất nước lâm vào thời kì loạn 12 sứ quân. Đinh Bộ Lĩnh là người dẹp loạn, thống nhất lại đất nước. Nổi nghiệp nhà Đinh, Lê Hoàn cùng quân dân ta đánh tan cuộc xâm lược của nhà Tống.

4. Từ nhà Lý đến nhà Nguyễn, nước ta có lúc thịnh, lúc suy, song thời nào cũng có vua giỏi, người tài. Vua Lý dời đô ra Thăng Long lo kế xây dựng đất nước giàu mạnh lâu dài. Những người như Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông, Quang Trung v.v... đã làm rạng danh nước nhà.

– Từ hiểu biết của mình, em hãy lập bảng thống kê các sự kiện, nhân vật tiêu biểu của mỗi thời kì trong lịch sử Việt Nam từ buổi đầu dựng nước đến giữa thế kỉ XIX.

PHẦN ĐỊA LÍ

THIÊN NHIÊN VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT CỦA CON NGƯỜI Ở MIỀN NÚI VÀ TRUNG DU

BÀI 1

DÃY HOÀNG LIÊN SƠN

1. Hoàng Liên Sơn - dãy núi cao và đồ sộ nhất Việt Nam

- Quan sát hình 1, em hãy :
- + Kể tên những dãy núi chính ở Bắc Bộ.
- + Chỉ vị trí của dãy Hoàng Liên Sơn trên lược đồ.
- + Chỉ đỉnh núi Phan-xi-păng trên lược đồ và cho biết độ cao của nó.



Hình 1. Lược đồ các dãy núi chính ở Bắc Bộ



Hình 2. Đỉnh Phan-xi-păng

Hoàng Liên Sơn là một trong những dãy núi chính ở phía bắc của nước ta, chạy dài khoảng 180km và trải rộng gần 30km. Đây là dãy núi cao, đồ sộ, có nhiều đỉnh nhọn, sườn núi rất dốc, thung lũng⁽¹⁾ thường hẹp và sâu. Dãy Hoàng Liên Sơn có đỉnh Phan-xi-păng cao nhất nước ta và được gọi là “nóc nhà” của Tổ quốc.

2. Khí hậu ở những nơi cao lạnh quanh năm

Ở những nơi cao của Hoàng Liên Sơn khí hậu lạnh quanh năm, nhất là vào những tháng mùa đông, đôi khi có tuyết rơi. Từ độ cao 2000m đến 2500m thường mưa nhiều, rất lạnh. Từ độ cao 2500m trở lên, khí hậu càng lạnh hơn, gió thổi mạnh. Trên các đỉnh núi, mây mù hầu như bao phủ quanh năm.

– *Chỉ vị trí của Sa Pa trên hình 1.*

– *Dựa vào bảng số liệu sau, em hãy nhận xét về nhiệt độ của Sa Pa vào tháng 1 và tháng 7.*

(1) *Thung lũng* : những nơi đất thấp nằm giữa các sườn núi.

Địa điểm	Nhiệt độ (°C)	
	Tháng 1	Tháng 7
Sa Pa (1570m)	9	20

Bảng số liệu về nhiệt độ trung bình ở Sa Pa

Nhờ có khí hậu mát mẻ và phong cảnh đẹp nên Sa Pa đã trở thành nơi du lịch, nghỉ mát lí tưởng ở vùng núi phía bắc.

Dãy Hoàng Liên Sơn nằm giữa sông Hồng và sông Đà. Đây là dãy núi cao, đồ sộ nhất nước ta, có nhiều đỉnh nhọn, sườn dốc, thung lũng hẹp và sâu. Khí hậu ở những nơi cao lạnh quanh năm.

CÂU HỎI

1. Hãy chỉ vị trí dãy Hoàng Liên Sơn trên bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam và nêu đặc điểm của dãy núi này.
2. Những nơi cao của Hoàng Liên Sơn có khí hậu như thế nào ?
3. Chỉ và đọc tên những dãy núi khác trên bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam.

BÀI 2

MỘT SỐ DÂN TỘC Ở HOÀNG LIÊN SƠN

1. Hoàng Liên Sơn - nơi cư trú của một số dân tộc ít người

Hoàng Liên Sơn có dân cư thưa thớt. Ở đây có một số dân tộc ít người như Thái, Dao, Mông (H'mông),...

– Dựa vào bảng số liệu, hãy kể tên các dân tộc theo thứ tự địa bàn cư trú từ nơi thấp đến nơi cao.

Các dân tộc	Địa bàn cư trú (nơi sinh sống) theo độ cao
Dân tộc Dao	700m – 1000m
Dân tộc Mông	Trên 1000m
Dân tộc Thái	Dưới 700m

Bảng số liệu về địa bàn cư trú chủ yếu của một số dân tộc ở Hoàng Liên Sơn.

Ở những nơi núi cao đi lại khó khăn, đường giao thông chủ yếu là đường mòn, chỉ có thể đi bộ hoặc đi bằng ngựa.

2. Bản làng với nhà sàn



Hình 1. Bản người Mông

Các dân tộc ở Hoàng Liên Sơn thường sống tập trung thành bản và các bản nằm cách xa nhau. Ở sườn núi cao,



Hình 2. Nhà sàn ở Hoàng Liên Sơn

mỗi bản có khoảng mười nhà. Các bản ở dưới thung lũng thì đông hơn.

Nơi đây có một số dân tộc sống ở nhà sàn. Họ làm nhà sàn để tránh ẩm thấp và thú dữ. Nhà sàn được làm bằng các vật liệu tự nhiên như gỗ, tre, nứa,... Bếp được đặt ở giữa nhà không chỉ là nơi đun nấu mà còn để sưởi ấm khi mùa đông giá rét.

3. Chợ phiên, lễ hội, trang phục

Chợ phiên ở vùng núi Hoàng Liên Sơn họp vào những ngày nhất định. Vào ngày này, chợ thường rất đông vui. Đối với một số dân tộc, chợ phiên không chỉ là nơi mua bán, trao đổi hàng hoá mà còn là nơi giao lưu văn hoá và gặp gỡ, kết bạn của nam nữ thanh niên.



Hình 3. Cảnh chợ phiên ở vùng cao

– Dựa vào hình 3 và vốn hiểu biết, em hãy kể tên một số hàng hoá bán ở chợ.

Ở Hoàng Liên Sơn có những lễ hội như : hội chơi núi mùa xuân, hội xuống đồng,... Lễ hội của các dân tộc thường tổ chức vào mùa xuân với các hoạt động : thi hát, múa sạp, ném còn,...

Các dân tộc ít người thường tự may quần áo, khăn gói. Mỗi dân tộc có cách ăn mặc riêng. Trang phục của các dân tộc được may, thêu trang trí rất công phu và thường có màu sắc sặc sỡ.



Hình 4. Người Thái



Hình 5. Người Mông



Hình 6. Người Dao

– Em hãy nhận xét về trang phục truyền thống của các dân tộc trong các hình 4, 5, 6.

Hoàng Liên Sơn là nơi dân cư thưa thớt. Ở đây có các dân tộc ít người như : dân tộc Thái, dân tộc Dao, dân tộc Mông,... Dân cư thường sống tập trung thành bản và có nhiều lễ hội truyền thống. Một nét văn hoá đặc sắc ở đây là những phiên chợ vùng cao.

CÂU HỎI

1. Nêu tên một số dân tộc ít người ở Hoàng Liên Sơn. Kể về lễ hội, trang phục và chợ phiên của họ.
2. Mô tả nhà sàn và hãy giải thích tại sao người dân ở miền núi thường làm nhà sàn để ở.

BÀI 3

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT CỦA NGƯỜI DÂN Ở HOÀNG LIÊN SƠN

1. Trồng trọt trên đất dốc

– Quan sát hình 1, em hãy cho biết ruộng bậc thang thường được làm ở đâu (đỉnh núi, sườn núi hay thung lũng) ?

Người dân ở Hoàng Liên Sơn thường trồng lúa, ngô, chè trên nương rẫy, ruộng bậc thang. Ngoài ra, họ còn trồng lanh để dệt vải và trồng rau, cây ăn quả xứ lạnh như đào, mận, lê,... Để trồng lúa nước trên đất dốc, người dân xẻ sườn núi thành những bậc phẳng gọi là ruộng bậc thang.



Hình 1. Ruộng bậc thang ở Hoàng Liên Sơn

2. Nghề thủ công truyền thống

– *Quan sát hình 2, em hãy :*

- + *Kể tên một số mặt hàng thủ công chính của người dân ở Hoàng Liên Sơn.*
- + *Hàng thổ cẩm thường được dùng để làm gì ?*

Để phục vụ đời sống và sản xuất, người dân ở Hoàng Liên Sơn làm nhiều nghề thủ công như : dệt, may, thêu, đan lát, rèn, đúc,... tạo nên nhiều

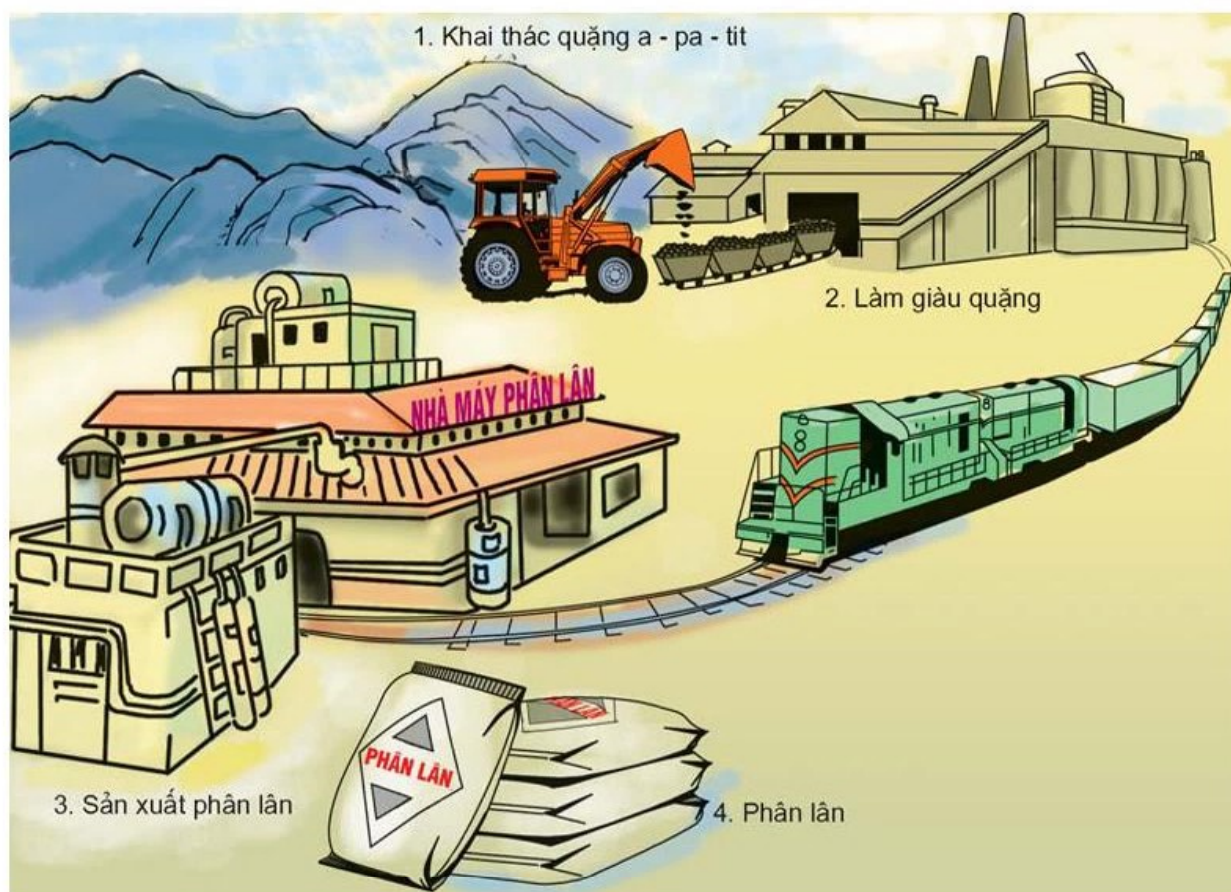


Hình 2. Một số mặt hàng thủ công truyền thống ở Hoàng Liên Sơn

sản phẩm đẹp, có giá trị. Ngày nay, khách du lịch trong nước và quốc tế đến đây thường thích mua những mặt hàng thổ cẩm như : khăn, mũ, túi, tấm thảm,... vì chúng có hoa văn độc đáo, màu sắc sặc sỡ, bền, đẹp.

3. Khai thác khoáng sản

Hoàng Liên Sơn có một số khoáng sản như : a-pa-tít, đồng, chì, kẽm,... Hiện nay, a-pa-tít là khoáng sản được khai thác nhiều nhất ở vùng này và là nguyên liệu để sản xuất phân lân.



Hình 3. Quy trình sản xuất phân lân

Khoáng sản được dùng làm nguyên liệu cho nhiều ngành công nghiệp. Vì vậy, chúng ta phải biết khai thác và sử dụng khoáng sản một cách hợp lí.

Cuộc sống của người dân miền núi còn gắn liền với việc khai thác gỗ, mây, nứa và các lâm sản quý khác như : măng, mộc nhĩ, nấm hương, quế, sa nhân,...

Nghề nông là nghề chính của người dân ở Hoàng Liên Sơn. Họ trồng lúa, ngô, chè, trồng rau và cây ăn quả,... trên nương rẫy, ruộng bậc thang. Ngoài ra, ở đây còn có các nghề thủ công (dệt, thêu, đan, rèn, đúc,...) và khai thác khoáng sản.

CÂU HỎI

1. Người dân ở Hoàng Liên Sơn làm những nghề gì ? Nghề nào là chính ?
2. Kể tên một số sản phẩm thủ công truyền thống ở Hoàng Liên Sơn.

BÀI 4

TRUNG DU BẮC BỘ

1. Vùng đồi với đỉnh tròn, sườn thoải

Nằm giữa miền núi và đồng bằng Bắc Bộ là một vùng đồi với các đỉnh tròn, sườn thoải, xếp cạnh nhau như bát úp. Nơi đó được gọi là vùng trung du. Thái Nguyên, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Bắc Giang là những tỉnh có vùng trung du.

Vùng trung du Bắc Bộ có nét riêng biệt, mang những dấu hiệu vừa của đồng bằng vừa của miền núi. Đây cũng là nơi tổ tiên ta định cư từ rất sớm.

2. Chè và cây ăn quả ở trung du

Vùng trung du có điều kiện thuận lợi cho việc phát triển cây ăn quả (cam, chanh, dứa, vải,...) và cây công nghiệp (nhất là chè). Rừng cọ, đồi chè từ lâu đã trở thành biểu tượng của vùng trung du Bắc Bộ. Trong những năm gần đây xuất hiện nhiều trang trại chuyên trồng cây ăn quả đạt hiệu quả kinh tế cao.

– Hình 1 và hình 2 cho biết loại cây trồng nào có ở Thái Nguyên và Bắc Giang? Xác định vị trí của hai địa phương này trên bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam.

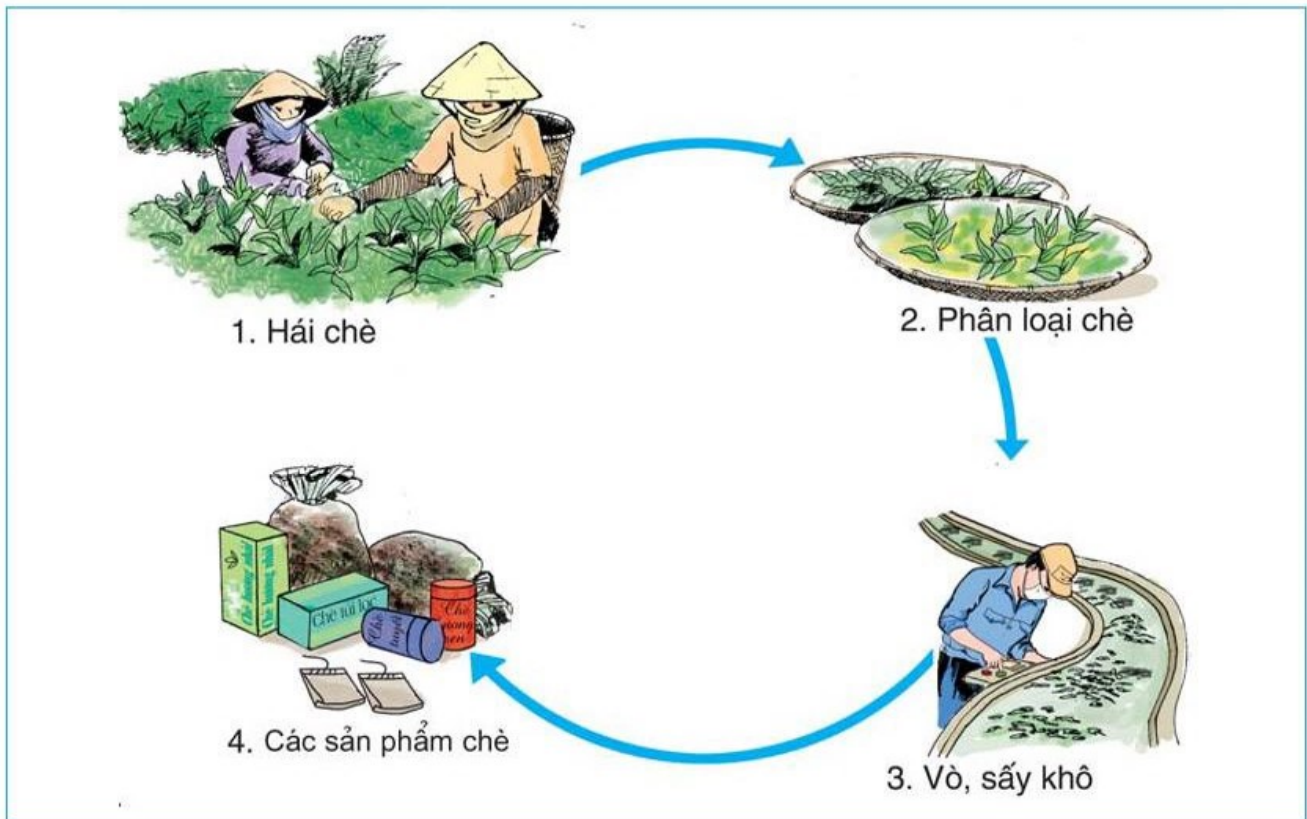


Hình 1. Đồi chè ở Thái Nguyên



Hình 2. Trang trại trồng vải ở Bắc Giang

Chè và cây ăn quả là một trong những thế mạnh của vùng trung du. Chè được trồng để phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Thái Nguyên là nơi nổi tiếng có chè thơm ngon.



Hình 3. Quy trình chế biến chè

– Quan sát hình 3, em hãy nêu quy trình chế biến chè.

3. Hoạt động trồng rừng và cây công nghiệp

Ở vùng trung du, có những nơi rừng đã bị khai thác cạn kiệt, làm cho diện tích đất trống, đồi trọc tăng lên.

Để che phủ đồi, ngăn cản tình trạng đất đang bị xấu đi, người dân ở đây đã tích cực trồng rừng, cây công nghiệp lâu năm (keo, trầu, sỏ,...) và cây ăn quả.



Hình 4. Trồng rừng phủ xanh đồi trọc

Năm	2001	2002	2003
Diện tích rừng trồng mới (ha) ⁽¹⁾	4600	5500	5700

Bảng số liệu về diện tích rừng trồng mới ở Phú Thọ

– Dựa vào bảng số liệu, hãy nhận xét về diện tích rừng được trồng mới ở Phú Thọ (tăng hay giảm?).

Trung du Bắc Bộ là vùng đồi với các đỉnh tròn, sườn thoải. Thế mạnh ở đây là trồng cây ăn quả và cây công nghiệp, đặc biệt là trồng chè. Đất trống, đồi trọc đang được phủ xanh bằng việc trồng rừng, trồng cây công nghiệp lâu năm và trồng cây ăn quả.

CÂU HỎI

1. Hãy mô tả vùng trung du Bắc Bộ.
2. Trung du Bắc Bộ thích hợp cho việc trồng những loại cây gì?
3. Nêu tác dụng của việc trồng rừng ở vùng trung du Bắc Bộ.

(1) ha : héc - ta, 1ha = 10 000 m²

BÀI 5

TÂY NGUYÊN

1. Tây Nguyên - xứ sở của các cao nguyên xếp tầng

Vùng đất Tây Nguyên cao, rộng lớn bao gồm các cao nguyên xếp tầng cao, thấp khác nhau.

– Quan sát hình 1, em hãy đọc tên các cao nguyên (theo hướng từ Bắc xuống Nam) và chỉ vị trí của chúng trên lược đồ.



Hình 1. Lược đồ các cao nguyên ở Tây Nguyên

– Dựa vào bảng số liệu, em hãy xếp các cao nguyên theo thứ tự từ thấp đến cao.

Cao nguyên	Độ cao trung bình
Kon Tum	500m
Đắk Lắk	400m
Lâm Viên	1500m
Di Linh	1000m

Bảng số liệu về độ cao của các cao nguyên

2. Tây Nguyên có hai mùa rõ rệt : mùa mưa và mùa khô

- Chỉ vị trí thành phố Buôn Ma Thuột trên hình 1.
- Dựa vào bảng số liệu, em hãy cho biết ở Buôn Ma Thuột :
 - + Mùa mưa vào những tháng nào ?
 - + Mùa khô vào những tháng nào ?

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa (mm)	4	6	22	97	226	241	266	293	298	205	93	22
Mùa												
	Mùa khô										Mùa mưa	

Bảng số liệu về lượng mưa trung bình tháng (mm) ở Buôn Ma Thuột

Khí hậu Tây Nguyên có hai mùa rõ rệt là mùa mưa và mùa khô. Mùa mưa thường có những ngày mưa kéo dài liên miên, cả rừng núi bị phủ một bức màn nước trắng xoá. Vào mùa khô, trời nắng gay gắt, đất khô vụn bở.

Tây Nguyên gồm các cao nguyên xếp tầng cao thấp khác nhau như cao nguyên Kon Tum, Đắk Lắk, Lâm Viên, Di Linh,... Ở đây khí hậu có hai mùa rõ rệt : mùa mưa và mùa khô.

CÂU HỎI

1. Tây Nguyên có những cao nguyên nào ? Hãy chỉ vị trí các cao nguyên đó trên bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam.
2. Khí hậu ở Tây Nguyên có mấy mùa ? Nêu đặc điểm của từng mùa.

BÀI 6

MỘT SỐ DÂN TỘC Ở TÂY NGUYÊN

1. Tây Nguyên - nơi có nhiều dân tộc chung sống

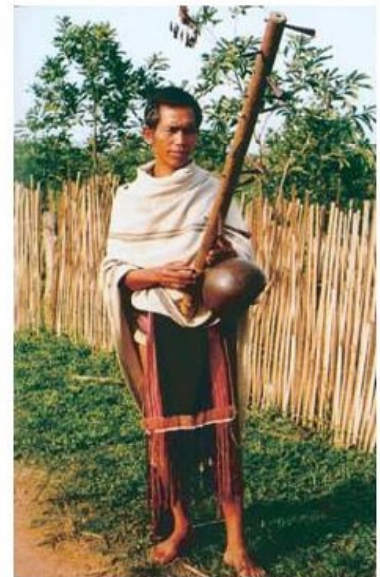
Tây Nguyên có nhiều dân tộc cùng chung sống, nhưng lại là nơi thưa dân nhất nước ta. Những dân tộc sống lâu đời ở đây là Gia-rai, Ê-đê, Ba-na, Xơ-đăng,... Một số dân tộc từ nơi khác đến xây dựng kinh tế như Kinh, Mông, Tày, Nùng,... Tuy mỗi dân tộc có tiếng nói, tập quán sinh hoạt riêng, nhưng đều chung sức xây dựng Tây Nguyên trở nên ngày càng giàu đẹp.



Hình 1. Người Gia-rai



Hình 2. Người Ê-đê



Hình 3. Người Xơ-đăng

2. Nhà rông ở Tây Nguyên

Các dân tộc ở Tây Nguyên thường sống tập trung thành buôn. Mỗi buôn thường có một nhà rông. Nhà rông của mỗi dân tộc có những nét riêng về hình dáng và cách trang trí. Nhà rông là ngôi nhà chung lớn nhất của buôn. Nhiều sinh hoạt tập thể như hội họp, tiếp khách của cả buôn,... được diễn ra ở đó. Nhà rông càng to đẹp thì chứng tỏ buôn càng giàu có, thịnh vượng.

– Quan sát hình 4, em hãy mô tả về nhà rông.



Hình 4. Nhà rông ở Tây Nguyên

3. Trang phục, lễ hội

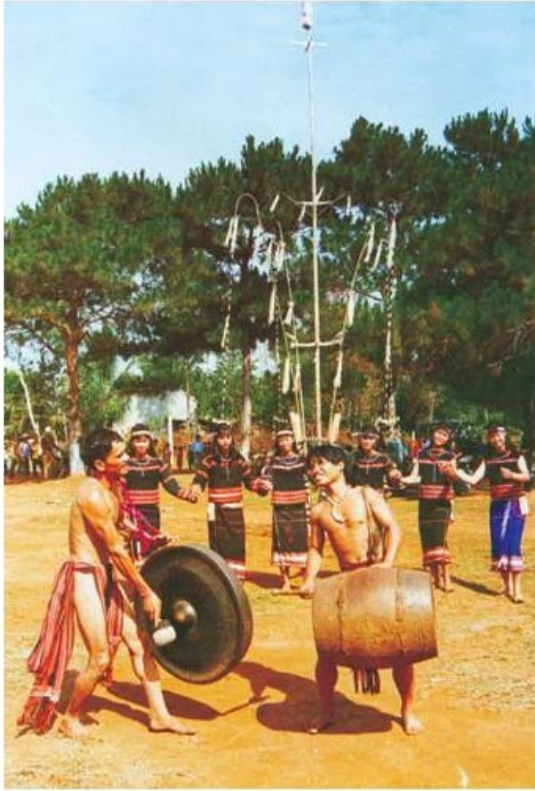
– Em hãy nhận xét về trang phục truyền thống của các dân tộc trong các hình 1, 2, 3, 5, 6.

Ở Tây Nguyên, nam thường đóng khố, nữ thường quần váy. Trang phục ngày hội được trang trí hoa văn nhiều màu sắc. Gái trai đều thích mang đồ trang sức bằng kim loại.

Vào mùa xuân hoặc sau mỗi vụ thu hoạch, người dân thường tổ chức lễ hội. Ở đây có những lễ hội đặc sắc như: lễ hội công chiêng, hội đua voi, hội xuân, lễ hội đâm trâu, lễ ăn cơm mới,...



Hình 5. Lễ hội công chiêng



Hình 6. Múa hát trong lễ hội

Người dân Tây Nguyên rất yêu thích nghệ thuật. Họ có nhiều nhạc cụ độc đáo như : đàn tơ-rưng, đàn krông-pút, công, chiêng,...

– Em hãy kể một số hoạt động trong lễ hội của người dân ở Tây Nguyên.

Tây Nguyên tuy có nhiều dân tộc cùng chung sống nhưng đây là nơi thưa dân nhất nước ta.

Các dân tộc Tây Nguyên sống tập trung thành các buôn, sinh hoạt tập thể ở nhà rông. Người dân nơi đây rất yêu thích nghệ thuật và sáng tạo ra nhiều loại nhạc cụ dân tộc độc đáo.

CÂU HỎI

1. Kể tên một số dân tộc đã sống lâu đời ở Tây Nguyên.
2. Nêu một số nét về trang phục và sinh hoạt của người dân Tây Nguyên.
3. Hãy mô tả nhà rông. Nhà rông dùng để làm gì ?

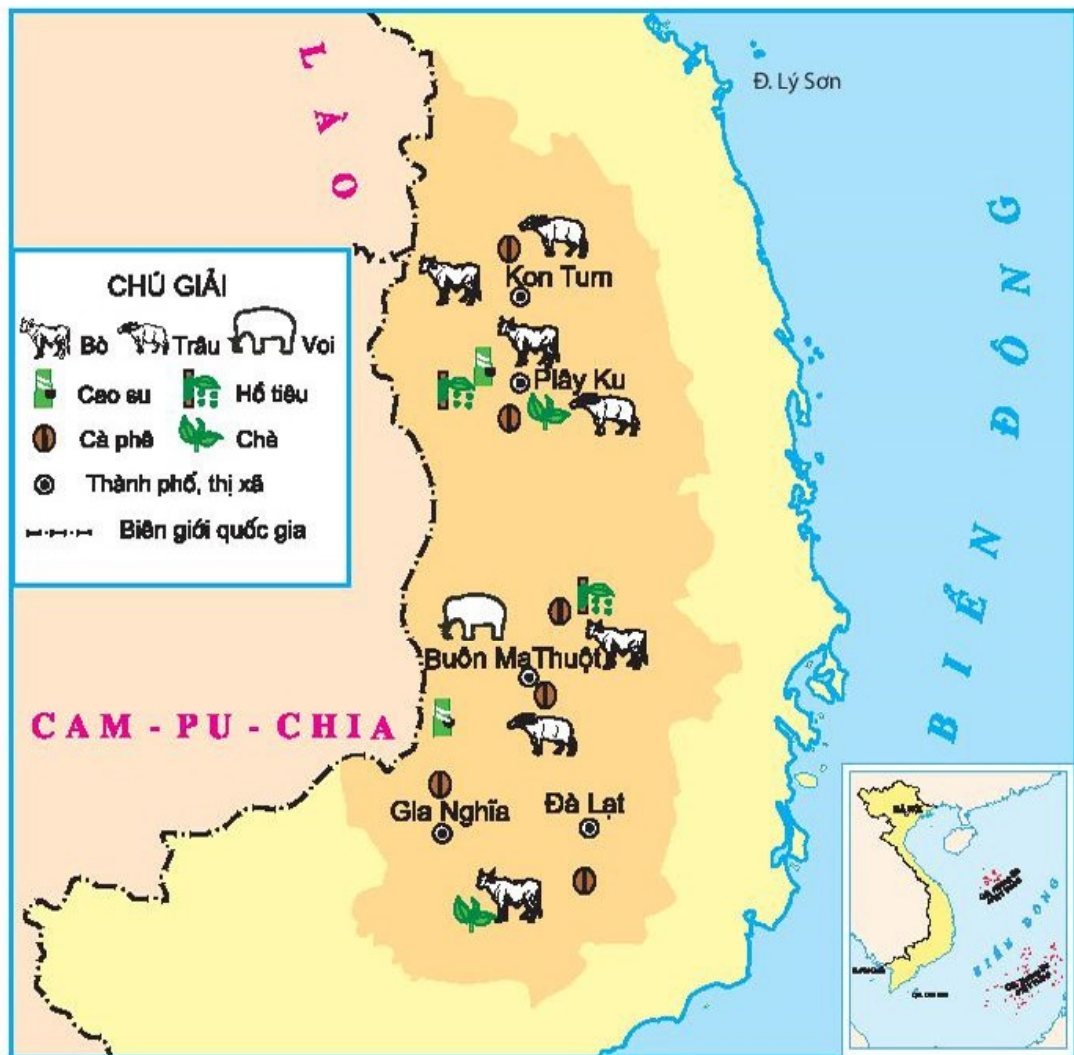
BÀI 7

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT CỦA NGƯỜI DÂN Ở TÂY NGUYÊN

1. Trồng cây công nghiệp trên đất ba dan

– Quan sát hình 1, kể tên những cây trồng chính ở Tây Nguyên.

Phần lớn các cao nguyên ở Tây Nguyên được phủ đất ba dan. Đất thường có màu nâu đỏ, tơi xốp, phì nhiêu, thuận lợi cho việc trồng cây công nghiệp lâu năm (cao su, cà phê, hồ tiêu, chè,...).



Hình 1. Lược đồ một số cây trồng và vật nuôi chính ở Tây Nguyên

– Dựa vào bảng số liệu, em hãy cho biết cây công nghiệp nào được trồng nhiều nhất ở Tây Nguyên ?

Cây công nghiệp	Diện tích (ha)
Cà phê	494 200
Cao su	97 200
Chè	22 358
Hồ tiêu	11 000

Bảng số liệu về diện tích trồng cây công nghiệp ở Tây Nguyên (năm 2001)

Hiện nay, Tây Nguyên có những vùng chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm như : cà phê, cao su, chè, hồ tiêu,... Đó là những cây trồng có giá trị xuất khẩu cao.



Hình 2. Cà phê ở Buon Ma Thuot

– Hình 2 cho biết loại cây trồng nào có ở Buon Ma Thuot? Tìm vị trí của địa phương này trên bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam.

Tây Nguyên là nơi trồng nhiều cà phê nhất nước ta. Cà phê Buon Ma Thuot thơm ngon, nổi tiếng không chỉ ở trong nước mà còn ở ngoài nước.

Vào mùa khô, khi nắng nóng kéo dài, nhiều nơi thiếu nước trầm trọng. Vì vậy, người dân phải dùng máy bơm hút nước ngầm lên để tưới cho cây.

2. Chăn nuôi trên đồng cỏ

– Quan sát hình 1, kể tên những vật nuôi chính ở Tây Nguyên.

– Dựa vào bảng số liệu, em hãy cho biết con vật nào được nuôi nhiều hơn ở Tây Nguyên ?

Vật nuôi	Số lượng (con)
Bò	476 000
Trâu	65 900

Bảng số liệu về vật nuôi ở Tây Nguyên (năm 2003)

Tây Nguyên có những đồng cỏ xanh tốt, thuận lợi để phát triển chăn nuôi trâu, bò.

Nuôi và thuần dưỡng voi là một nghề truyền thống ở Tây Nguyên.

– Ở Tây Nguyên, voi được nuôi để làm gì ?



Hình 3. Đàn voi ở Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk

Số lượng trâu, bò, voi là một biểu hiện về sự giàu có, sung túc của các gia đình ở Tây Nguyên.

Trên các cao nguyên ở Tây Nguyên có những vùng đất ba dan rộng lớn, được khai thác để trồng cây công nghiệp lâu năm như cà phê, cao su, hồ tiêu, chè và có nhiều đồng cỏ thuận lợi cho việc chăn nuôi trâu, bò.

CÂU HỎI

1. Kể tên những loại cây trồng và vật nuôi chính ở Tây Nguyên.
2. Dựa vào điều kiện đất đai và khí hậu, hãy cho biết việc trồng cây công nghiệp ở Tây Nguyên có thuận lợi và khó khăn gì.
3. Tây Nguyên có những thuận lợi nào để phát triển chăn nuôi trâu, bò ?

BÀI 8

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT CỦA NGƯỜI DÂN Ở TÂY NGUYÊN (Tiếp theo)

3. Khai thác sức nước

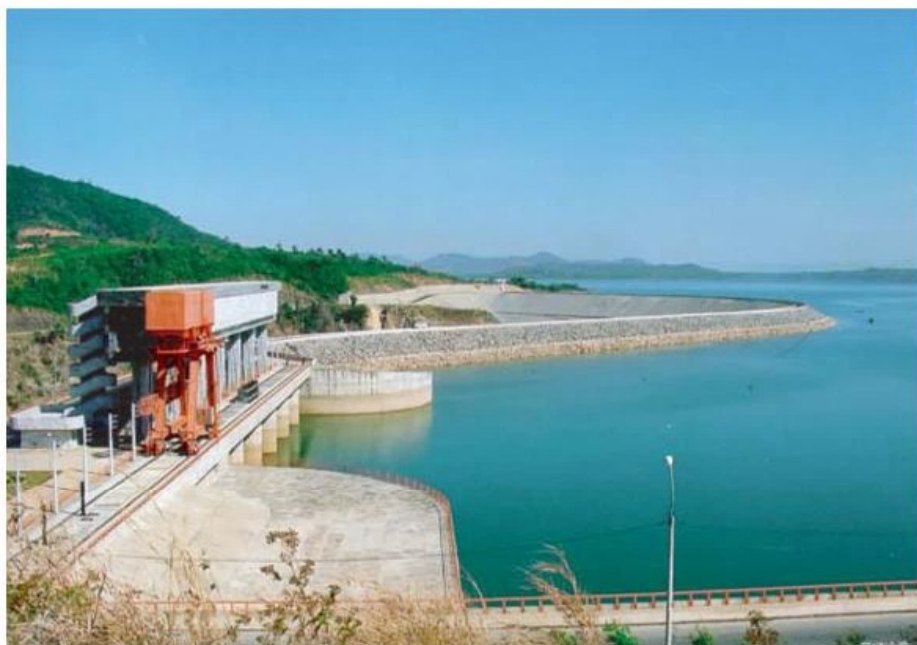
– Quan sát hình 4, hãy kể tên một số con sông bắt nguồn từ Tây Nguyên.

Tây Nguyên là nơi bắt nguồn của nhiều con sông. Các sông ở đây chảy qua nhiều vùng có độ cao khác nhau nên lòng sông lắm thác ghềnh. Người ta đã đắp đập, ngăn sông tạo thành hồ lớn và dùng sức nước chảy từ trên cao xuống để chạy tua-bin sản xuất ra điện. Các hồ chứa này còn có tác dụng giữ nước, hạn chế những cơn lũ bất thường.



Hình 4. Lược đồ các sông chính ở Tây Nguyên

– Chỉ vị trí nhà máy thủy điện Y-a-li trên hình 4 và cho biết nhà máy đó nằm trên dòng sông nào ?



Hình 5. Thủy điện Y-a-li

4. Rừng và khai thác rừng ở Tây Nguyên

Tây Nguyên có nhiều loại rừng. Nơi có lượng mưa nhiều thì rừng rậm nhiệt đới phát triển. Nơi mùa khô kéo dài thì xuất hiện loại rừng rụng lá mùa khô với cái tên khá đặc biệt là rừng khộp (hay khộc). Cảnh rừng khộp vào mùa khô trông xơ xác vì lá rụng gần hết.



Hình 6. Rừng rậm nhiệt đới



Hình 7. Rừng khộp

– Quan sát hình 6 và 7, em hãy mô tả rừng rậm nhiệt đới và rừng khộp.

Rừng Tây Nguyên cho ta nhiều sản vật, nhất là gỗ ; có những thứ gỗ quý như : cẩm lai, giáng hương, kền kền,... Ngoài gỗ, rừng còn có tre, nứa, mây, song và các loại cây làm thuốc như sa nhân, hà thủ ô,... Rừng Tây Nguyên là xứ sở của nhiều thú quý như voi, bò rừng, tê giác, gấu đen,...

Rừng đem lại nhiều lợi ích, vì vậy cần phải bảo vệ và khai thác hợp lí.



Hình 8. Vận chuyển gỗ



Hình 9. Xưởng cưa, xẻ gỗ



Hình 10. Xưởng mộc

– *Quan sát các hình trên và mô tả quy trình làm ra các sản phẩm đồ gỗ như bàn, ghế.*

Việc khai thác rừng bừa bãi, đốt phá rừng làm nương rẫy, mở rộng diện tích trồng cây công nghiệp một cách không hợp lí không chỉ làm mất rừng mà còn làm cho đất bị xói mòn, hạn hán và lũ lụt tăng, ảnh hưởng xấu đến môi trường và sinh hoạt của con người.

Một nguyên nhân nữa làm mất rừng là tập quán du canh, du cư. Nhà nước

đã và đang tạo mọi điều kiện để đồng bào định canh, định cư, ổn định cuộc sống và phát triển sản xuất.

Ở Tây Nguyên, sông thường nhiều thác ghềnh, là điều kiện thuận lợi cho việc sử dụng sức nước làm thủy điện. Rừng ở Tây Nguyên có nhiều gỗ và các lâm sản quý khác. Cần phải bảo vệ, khai thác rừng hợp lí và trồng lại rừng ở những nơi đất trống, đồi trọc.

CÂU HỎI

1. Nêu một số đặc điểm của sông ở Tây Nguyên và ích lợi của nó.
2. Mô tả rừng rậm nhiệt đới và rừng khộp ở Tây Nguyên.
3. Tại sao cần phải bảo vệ rừng và trồng lại rừng ?

BÀI 9

THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT

1. Thành phố nổi tiếng về rừng thông và thác nước

- Dựa vào hình 1 ở bài 5 và vốn hiểu biết, em hãy trả lời các câu hỏi sau :
- + Đà Lạt nằm trên cao nguyên nào ?
- + Đà Lạt ở độ cao khoảng bao nhiêu mét ?
- + Em thử đoán xem ở độ cao đó, Đà Lạt có khí hậu như thế nào ?



Hình 1. Hồ Xuân Hương



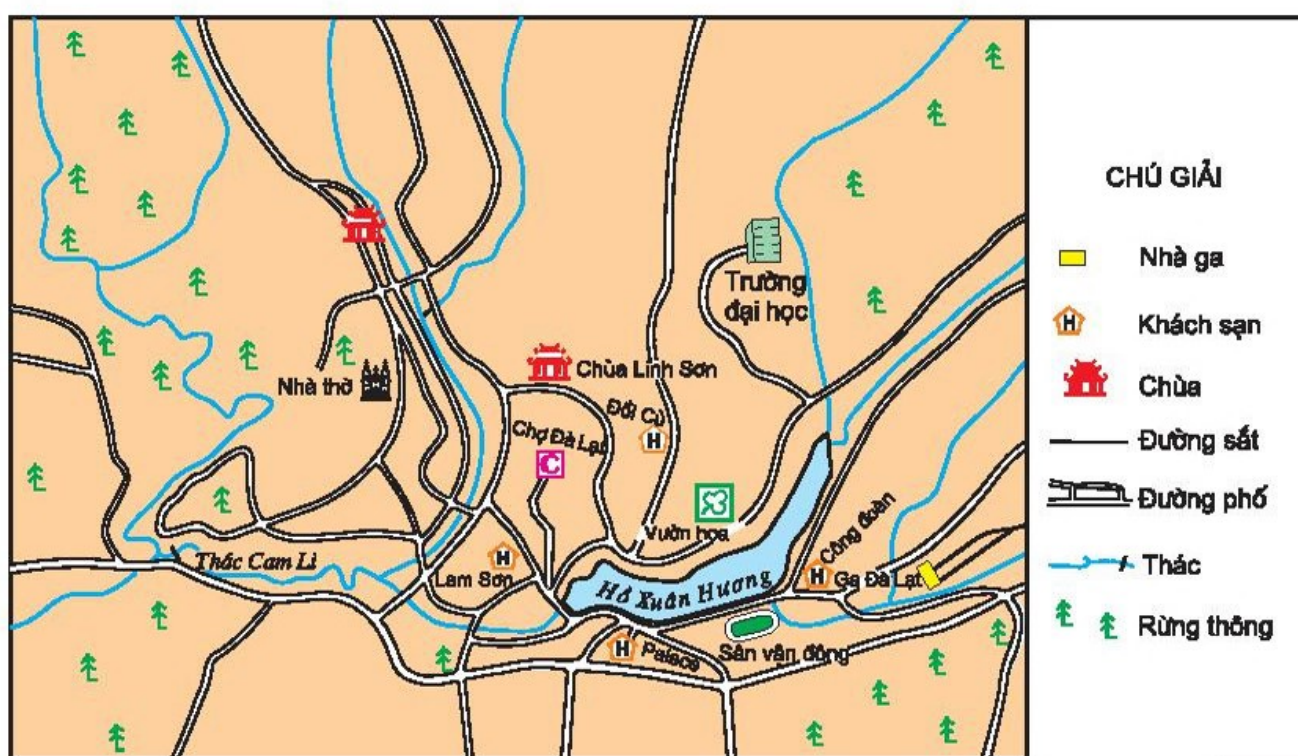
Hình 2. Thác Cam Ly

Đà Lạt có nhiều phong cảnh đẹp. Giữa thành phố là hồ Xuân Hương xinh xắn. Nơi đây có những vườn hoa và rừng thông xanh tốt quanh năm. Thông phủ kín sườn đồi, sườn núi và chạy dọc theo các con đường trong thành phố. Đà Lạt có nhiều thác nước đẹp, nổi tiếng như : thác Cam Ly, Pơ-ren,... Mỗi thác có một vẻ đẹp riêng, nhưng tất cả đều rất nên thơ và hấp dẫn.

2. Đà Lạt - thành phố du lịch và nghỉ mát

Nhờ có không khí trong lành mát mẻ, thiên nhiên tươi đẹp nên Đà Lạt đã là thành phố nghỉ mát, du lịch từ hơn một trăm năm nay. Nhiều công trình phục vụ cho việc nghỉ ngơi và du lịch đã được xây dựng như : khách sạn, sân gôn, biệt thự với nhiều kiểu kiến trúc khác nhau,... Đến Đà Lạt, du khách còn được bơi thuyền trên hồ Xuân Hương, ngồi trên những chiếc xe ngựa kiểu cổ dạo quanh thành phố ngắm cảnh cao nguyên, chơi thể thao, cưỡi ngựa,...

Tất cả những công trình ở đây đều hoà nhập với thiên nhiên, làm cho Đà Lạt trở thành thành phố du lịch, nghỉ mát nổi tiếng.



Hình 3. Lược đồ khu trung tâm thành phố Đà Lạt

- Chỉ vị trí hồ Xuân Hương và thác Cam Li trên hình 3.
- Quan sát hình 3, kể tên một số điểm du lịch ở Đà Lạt.

3. Hoa quả và rau xanh ở Đà Lạt

Đà Lạt có nhiều loại rau, quả xứ lạnh như : bắp cải, súp lơ, cà chua, dâu tây, đào,... Rau ở đây được trồng với diện tích lớn. Quanh năm rau Đà Lạt được chở đi cung cấp cho nhiều nơi ở miền Trung và Nam Bộ.

Đà Lạt còn là thiên đường của các loài hoa như : lan, hồng, cúc, lay-ơn, mi-mô-da, cẩm tú cầu,... Hoa Đà Lạt chủ yếu được tiêu thụ ở các thành phố lớn và xuất khẩu ra nước ngoài.

– *Quan sát hình 4, em hãy kể tên một số loại rau và hoa, quả ở Đà Lạt.*



Hình 4. Hoa quả và rau ở Đà Lạt

Đà Lạt nằm trên cao nguyên Lâm Viên, khí hậu quanh năm mát mẻ. Đà Lạt có nhiều hoa quả, rau xanh ; rừng thông, thác nước và biệt thự. Đà Lạt là thành phố du lịch, nghỉ mát nổi tiếng của nước ta.

CÂU HỎI

1. Chỉ vị trí Đà Lạt trên bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam.
2. Đà Lạt đã có những điều kiện thuận lợi nào để trở thành một thành phố du lịch và nghỉ mát ?
3. Tại sao ở Đà Lạt có nhiều hoa, quả, rau xứ lạnh ?

BÀI 10

ÔN TẬP

1. Chỉ : dãy Hoàng Liên Sơn, đỉnh Phan-xi-păng, các cao nguyên ở Tây Nguyên, thành phố Đà Lạt trên bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam.

2. Nêu đặc điểm thiên nhiên và hoạt động của con người ở Hoàng Liên Sơn và Tây Nguyên theo những gợi ý ở bảng sau :

Đặc điểm	Hoàng Liên Sơn	Tây Nguyên
Thiên nhiên	<ul style="list-style-type: none">– Địa hình– Khí hậu	<ul style="list-style-type: none">– Địa hình– Khí hậu
Con người và các hoạt động sinh hoạt, sản xuất	<ul style="list-style-type: none">– Dân tộc– Trang phục– Lễ hội+ Thời gian+ Tên một số lễ hội+ Hoạt động trong lễ hội– Trồng trọt– Nghề thủ công– Khai thác khoáng sản	<ul style="list-style-type: none">– Dân tộc– Trang phục– Lễ hội+ Thời gian+ Tên một số lễ hội+ Hoạt động trong lễ hội– Trồng trọt– Chăn nuôi– Khai thác sức nước và rừng

3. Nêu đặc điểm địa hình vùng trung du Bắc Bộ. Ở đây, người dân đã làm gì để phủ xanh đất trống, đồi trọc ?

THIÊN NHIÊN VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT CỦA CON NGƯỜI Ở MIỀN ĐỒNG BẰNG

BÀI 11

ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ

1. Đồng bằng lớn ở miền Bắc

Sông Hồng và sông Thái Bình là hai sông lớn nhất của miền Bắc. Khi đổ ra gần biển, nước sông chảy chậm đã làm cho phù sa lắng đọng thành các lớp dày. Qua hàng vạn năm, các lớp phù sa đó đã tạo nên đồng bằng châu thổ Bắc Bộ. Đây là đồng bằng lớn thứ hai của nước ta, có địa hình khá bằng phẳng và đang tiếp tục mở rộng ra biển. Diện tích của đồng bằng rộng khoảng 15 000km².

– Em hãy chỉ vị trí của đồng bằng Bắc Bộ trên bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam.



Hình 1. Lược đồ đồng bằng Bắc Bộ

2. Sông ngòi và hệ thống đê ngăn lũ

– Quan sát hình 1, em hãy tìm sông Hồng, sông Thái Bình và một số sông khác của đồng bằng Bắc Bộ trên lược đồ.

Vào mùa hạ mưa nhiều, nước các sông dâng cao thường gây ngập lụt ở đồng bằng. Để ngăn lũ lụt, người dân nơi đây đã đắp đê dọc hai bên bờ sông.

Cùng với thời gian, hệ thống đê ngày càng được đắp cao và vững chắc hơn. Tổng chiều dài hệ thống đê của đồng bằng này lên tới hàng nghìn km. Đó là một công trình vĩ đại của người dân đồng bằng Bắc Bộ.

– Em hãy cho biết đê có tác dụng gì ?



Hình 2. Cảnh đồng bằng Bắc Bộ



Hình 3. Một đoạn đê sông Hồng



Hình 4. Mương dẫn nước ở đồng bằng Bắc Bộ

Tuy nhiên, hệ thống đê đã làm cho phần lớn diện tích đồng bằng không được bồi đắp thêm phù sa hàng năm và tạo nên nhiều vùng đất trũng. Ở đây nhân dân còn đào nhiều kênh, mương để tưới, tiêu nước cho đồng ruộng.

Đồng bằng Bắc Bộ có dạng hình tam giác, với đỉnh ở Việt Trì, cạnh đáy là đường bờ biển. Đây là đồng bằng châu thổ lớn thứ hai của nước ta, do sông Hồng và sông Thái Bình bồi đắp nên. Đồng bằng có bề mặt khá bằng phẳng, nhiều sông ngòi ; ven các sông có đê để ngăn lũ.

CÂU HỎI

1. Đồng bằng Bắc Bộ do những sông nào bồi đắp nên ?
2. Trình bày đặc điểm địa hình và sông ngòi của đồng bằng Bắc Bộ.

BÀI 12

NGƯỜI DÂN Ở ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ

1. Chủ nhân của đồng bằng

Con người đã sinh sống ở đồng bằng Bắc Bộ từ lâu đời. Đây là vùng có dân cư tập trung đông đúc nhất cả nước.

Người dân ở đồng bằng Bắc Bộ chủ yếu là người Kinh sống thành từng làng với nhiều ngôi nhà quây quần bên nhau. Nhà được xây dựng chắc chắn, xung quanh có sân, vườn, ao,...

Làng Việt cổ thường có lũy tre xanh bao bọc. Mỗi làng có một ngôi đình thờ Thành hoàng. Thành hoàng làng là người có công với làng, với nước. Đình là nơi diễn ra các hoạt động chung của dân làng. Một số làng còn có các đền, chùa, miếu,...

Ngày nay, làng của người dân ở đồng bằng Bắc Bộ có nhiều thay đổi. Nhà ở và đồ dùng trong nhà ngày càng tiện nghi hơn.



Hình 1. Làng ở đồng bằng Bắc Bộ ngày nay

2. Trang phục và lễ hội

Một trong những hoạt động văn hoá đặc sắc của người dân đồng bằng Bắc Bộ là các lễ hội. Lễ hội thường được tổ chức vào mùa xuân và mùa thu để cầu cho một năm mới mạnh khoẻ, mùa màng bội thu,... Trong lễ hội, người dân mặc các trang phục truyền thống, tổ chức tế lễ và các hoạt động vui chơi, giải trí. Hội Lim, hội Chùa Hương, Hội Gióng,... là những lễ hội nổi tiếng ở đồng bằng Bắc Bộ.

– Dựa vào các hình 2, 3, 4 và vốn hiểu biết của mình, em hãy :

+ Mô tả về trang phục truyền thống của người dân ở đồng bằng Bắc Bộ.

+ Kể tên một số hoạt động trong lễ hội ở đồng bằng Bắc Bộ.



Hình 2. Lễ hội ở sân đình



Hình 3. Đấu cờ người



Hình 4. Thi nấu cơm

Người dân sống ở đồng bằng Bắc Bộ chủ yếu là người Kinh. Đây là vùng có dân cư tập trung đông đúc nhất nước ta. Làng ở đồng bằng Bắc Bộ có nhiều ngôi nhà quây quần bên nhau.

Hội Chùa Hương, Hội Lim, Hội Gióng,... là những lễ hội nổi tiếng ở đồng bằng Bắc Bộ.

CÂU HỎI

1. Em hãy kể về nhà ở và làng xóm của người dân ở đồng bằng Bắc Bộ.
2. Lễ hội ở đồng bằng Bắc Bộ được tổ chức vào các thời gian nào ? Để làm gì ? Trong lễ hội có những hoạt động nào ?
3. Kể tên những lễ hội nổi tiếng ở đồng bằng Bắc Bộ mà em biết.

BÀI 13

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT

CỦA NGƯỜI DÂN Ở ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ

1. Vụ lúa lớn thứ hai của cả nước

Nhờ có đất phù sa màu mỡ, nguồn nước dồi dào, người dân có nhiều kinh nghiệm trồng lúa nên đồng bằng Bắc Bộ đã trở thành vụ lúa lớn thứ hai của cả nước.

Để có được những hạt gạo ngon, người nông dân đã phải mất nhiều công sức trên đồng ruộng.

– *Quan sát các hình dưới đây, em hãy kể các công việc phải làm trong việc sản xuất lúa gạo.*

Ngoài lúa gạo, người dân nơi đây còn trồng ngô, khoai, cây ăn quả, nuôi gia súc, gia cầm, nuôi và đánh bắt cá, tôm. Đồng bằng Bắc Bộ là nơi nuôi lợn, gà, vịt vào loại nhiều nhất nước ta.



Hình 1. Làm đất



Hình 2. Gieo mạ



Hình 3. Nhổ mạ



Hình 4. Cấy lúa



Hình 5. Chăm sóc lúa



Hình 6. Gặt lúa



Hình 7. Tuốt lúa



Hình 8. Phơi thóc

2. Vùng trồng nhiều rau xứ lạnh

Đồng bằng Bắc Bộ có mùa đông lạnh kéo dài từ 3 đến 4 tháng. Trong thời gian này, nhiệt độ thường giảm nhanh mỗi khi có các đợt gió mùa đông bắc thổi về.

– Quan sát bảng số liệu dưới đây, em hãy cho biết Hà Nội có mấy tháng nhiệt độ trung bình dưới 20°C ? Đó là những tháng nào ?

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ ($^{\circ}\text{C}$)	17	17	20	24	27	28	29	28	27	25	21	18

Bảng số liệu về nhiệt độ trung bình tháng ở Hà Nội

Vào các tháng mùa đông, nhiệt độ hạ thấp tạo điều kiện thuận lợi cho việc trồng các loại rau xứ lạnh. Đồng bằng Bắc Bộ là vùng trồng nhiều rau xứ lạnh. Nhờ đó, nguồn thực phẩm của người dân thêm phong phú và mang lại giá trị kinh tế cao.

– Em hãy kể tên các loại rau xứ lạnh được trồng ở đồng bằng Bắc Bộ.

Nhờ có đất phù sa màu mỡ, nguồn nước dồi dào, người dân có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất nên đồng bằng Bắc Bộ đã trở thành vựa lúa lớn thứ hai của cả nước. Đây cũng là vùng trồng nhiều rau xứ lạnh, nuôi nhiều lợn và gia cầm.

CÂU HỎI

1. Kể tên một số cây trồng, vật nuôi chính của đồng bằng Bắc Bộ.
2. Vì sao lúa gạo được trồng nhiều ở đồng bằng Bắc Bộ ?
3. Em hãy nêu thứ tự các công việc trong quá trình sản xuất lúa gạo của người dân đồng bằng Bắc Bộ.

BÀI 14

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT CỦA NGƯỜI DÂN Ở ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ (Tiếp theo)

3. Nơi có hàng trăm nghề thủ công truyền thống

Người dân đồng bằng Bắc Bộ có tới hàng trăm nghề thủ công khác nhau, nhiều nghề đạt trình độ tinh xảo, tạo nên những sản phẩm nổi tiếng trong và ngoài nước như lụa Vạn Phúc, gốm sứ Bát Tràng, chiếu cói Kim Sơn, chạm bạc Đồng Xâm,...

Những nơi nghề thủ công phát triển mạnh tạo nên các làng nghề. Mỗi làng nghề thường chuyên làm một loại hàng thủ công. Ví dụ : làng Bát Tràng ở Hà Nội chuyên làm gốm, làng Vạn Phúc ở Hà Tây (nay thuộc Hà Nội) chuyên dệt lụa, làng Đồng Kỵ ở Bắc Ninh chuyên làm đồ gỗ,...

– Hãy kể tên các làng nghề và sản phẩm thủ công nổi tiếng của người dân đồng bằng Bắc Bộ mà em biết.

Để tạo nên một sản phẩm, những người thợ thủ công phải tiến hành nhiều công đoạn khác nhau. Người làm nghề thủ công giỏi được gọi là nghệ nhân.

– Quan sát các hình bên, em hãy nêu thứ tự các công đoạn tạo ra sản phẩm gốm.



Hình 9. Nhào đất và tạo dáng cho gốm



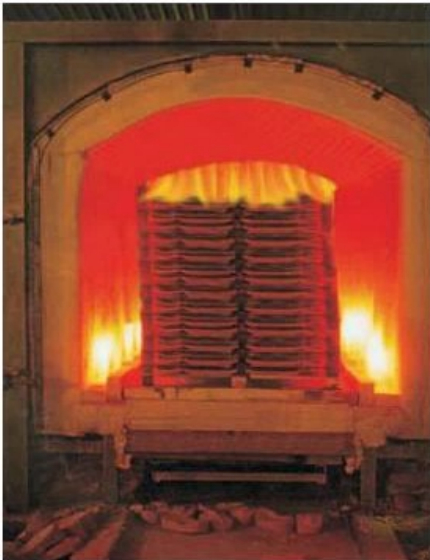
Hình 10. Phơi gốm



Hình 11. Vẽ hoa văn



Hình 12. Tráng men



Hình 13. Nung gốm



Hình 14. Các sản phẩm gốm

4. Chợ phiên

Mua, bán hàng hoá là hoạt động diễn ra tập nập nhất ở các chợ phiên. Hàng hoá bán ở chợ phần lớn là những sản phẩm sản xuất tại địa phương và một số mặt hàng đưa từ nơi khác đến phục vụ cho sản xuất và đời sống. Nhìn các hàng hoá bán ở chợ, ta có thể biết được người dân địa phương sống chủ yếu bằng những nghề gì.

Chợ phiên của các địa phương gần nhau thường không trùng nhau, nhằm thu hút được nhiều người dân đến chợ mua và bán.



*Hình 15. Cảnh chợ phiên ở làng quê đồng bằng Bắc Bộ
– Quan sát các hình trên, em hãy mô tả về cảnh chợ phiên.*

Người dân ở đồng bằng Bắc Bộ có hàng trăm nghề thủ công với nhiều sản phẩm nổi tiếng ở trong và ngoài nước. Nơi có nghề thủ công phát triển tạo nên làng nghề.

Chợ phiên ở đồng bằng Bắc Bộ là nơi diễn ra các hoạt động mua bán tập nập. Hàng hoá bán ở chợ phần lớn là các sản phẩm sản xuất tại địa phương.

CÂU HỎI

1. Kể tên một số nghề thủ công của người dân đồng bằng Bắc Bộ.
2. Em hãy kể tên các bước làm ra một sản phẩm gốm.
3. Chợ phiên ở đồng bằng Bắc Bộ có đặc điểm gì ?

BÀI 15

THỦ ĐÔ HÀ NỘI

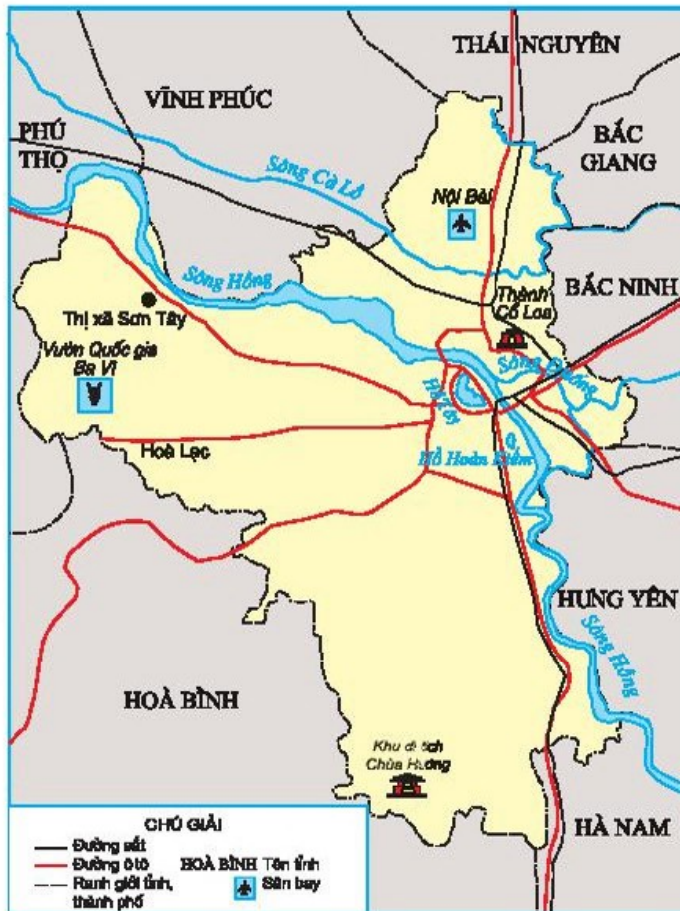
1. Thủ đô Hà Nội nằm ở trung tâm đồng bằng Bắc Bộ

– Quan sát hình 1, em hãy :
+ Chỉ vị trí của Hà Nội trên lược đồ và cho biết Hà Nội giáp những tỉnh nào ?

+ Cho biết từ Hà Nội có thể đi tới các tỉnh khác bằng các loại đường giao thông nào ?

2. Thành phố cổ đang ngày càng phát triển

– Dựa vào kiến thức lịch sử, hãy cho biết Hà Nội được chọn làm kinh đô của nước ta từ năm nào ? Khi đó, kinh đô được đặt tên là gì ?

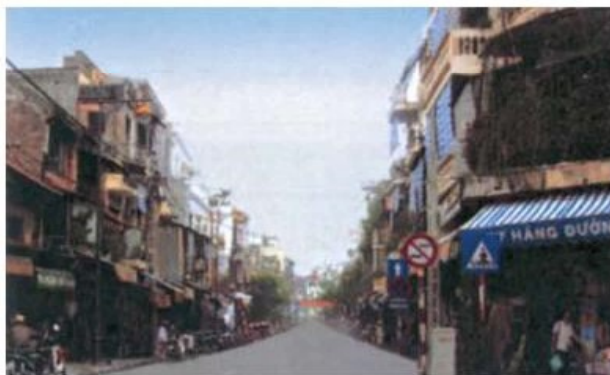


Hình 1. Lược đồ Thủ đô Hà Nội

Hà Nội cổ có các phố phường làm nghề thủ công và buôn bán ở gần hồ Hoàn Kiếm. Hiện nay, một số phố vẫn là nơi buôn bán tập nập và mang các tên gắn với những hoạt động sản xuất, buôn bán trước đây như Hàng Đào, Hàng Đường, Hàng Mã,... Cùng với thời gian, Hà Nội ngày càng được mở rộng và hiện đại hơn.



Hình 2. Hồ Hoàn Kiếm



Hình 3. Khu phố cổ



Hình 4. Khu phố mới

– Quan sát các hình 3, 4, em hãy cho biết khu phố cổ và khu phố mới có gì khác nhau (về nhà cửa, đường phố,...) ?

3. Hà Nội - trung tâm chính trị, văn hoá, khoa học và kinh tế lớn của cả nước

Hà Nội là thủ đô của nước ta. Đây là nơi làm việc của các cơ quan lãnh đạo cao nhất của đất nước.

Quốc Tử Giám ở Hà Nội là trường đại học đầu tiên của nước ta. Ngày nay, Hà Nội là nơi tập trung nhiều viện nghiên cứu, trường đại học, bảo tàng, thư viện hàng đầu của cả nước.

Hà Nội còn có các nhà máy, khu công nghệ cao, làng nghề,... làm ra nhiều sản phẩm phục vụ cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Nhiều trung tâm thương mại, giao dịch trong và ngoài nước đặt tại Hà Nội, như các chợ lớn, siêu thị, hệ thống ngân hàng, bưu điện,...

– *Quan sát các hình dưới đây, chỉ ra hình ảnh thể hiện Hà Nội là trung tâm chính trị, văn hoá, khoa học, kinh tế.*



Hình 5. Trụ sở Bộ Ngoại giao



Hình 6. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội



Hình 7. Bảo tàng Lịch sử quốc gia



Hình 8. Chợ Đồng Xuân



Hình 9. Khu công nghiệp Thăng Long



Hình 10. Làng lụa Vạn Phúc

– Hãy kể tên những danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử nổi tiếng của Hà Nội mà em biết.

Thủ đô Hà Nội nằm ở trung tâm đồng bằng Bắc Bộ, nơi có sông Hồng chảy qua, rất thuận lợi cho việc giao lưu với các địa phương trong nước và thế giới. Các phố cổ nằm ở gần hồ Hoàn Kiếm. Hà Nội đang ngày càng phát triển và hiện đại hơn.

Thủ đô Hà Nội là trung tâm chính trị của cả nước, trung tâm lớn về kinh tế, văn hoá, khoa học.

CÂU HỎI

1. Chỉ vị trí của thủ đô Hà Nội trên bản đồ hành chính Việt Nam.
2. Nêu những ví dụ cho thấy Hà Nội là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, khoa học lớn của nước ta.
3. Hãy nêu tên một số di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh của Hà Nội.
4. Suy tầm các tranh ảnh, bài viết về thủ đô Hà Nội.

BÀI 16

THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

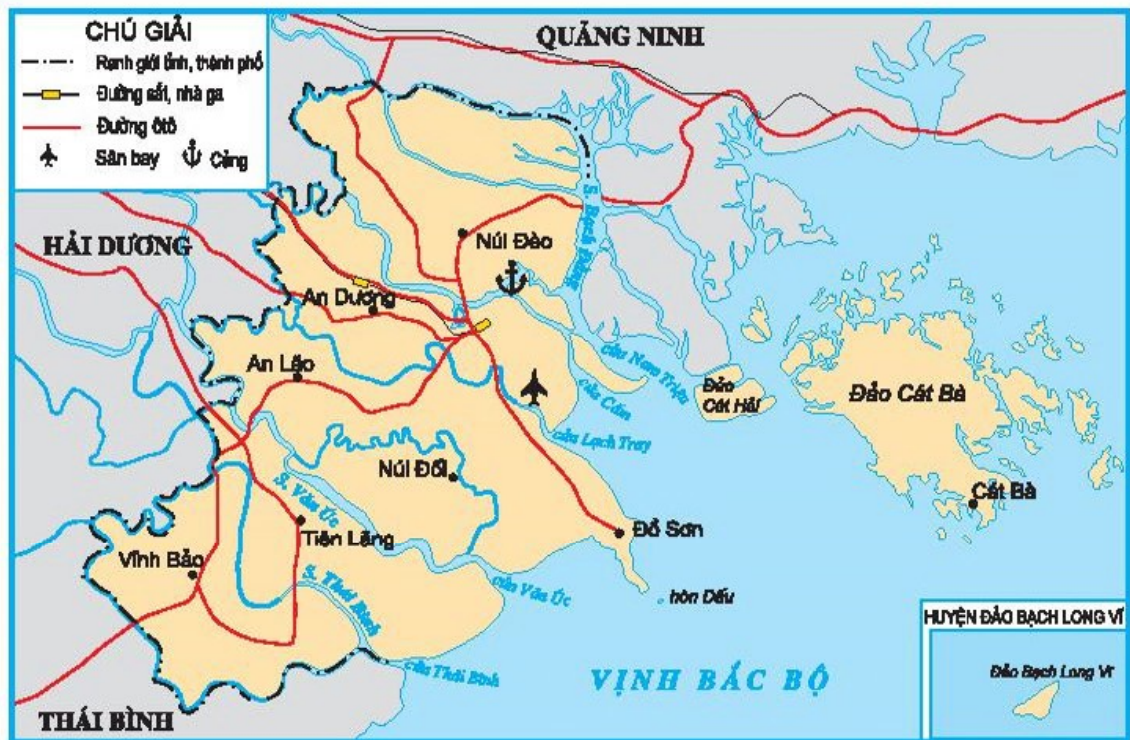
1. Hải Phòng - thành phố cảng

Từ Hà Nội, chúng ta có thể đi ô tô theo quốc lộ số 5, 5B hoặc tàu hoả tới Hải Phòng - thành phố cảng lớn của cả nước.

- *Quan sát hình 1, em hãy :*

+ *Chỉ vị trí Hải Phòng trên lược đồ và cho biết Hải Phòng giáp các tỉnh nào ?*

+ *Cho biết từ Hải Phòng có thể đi tới các tỉnh khác bằng các loại đường giao thông nào ?*



Hình 1. Lược đồ thành phố Hải Phòng

Cảng Hải Phòng nằm bên bờ sông Cấm, cách biển khoảng 20km, thuận tiện cho việc ra, vào và neo đậu của tàu biển. Nơi đây có những cầu tàu lớn để tàu cập bến, những bãi rộng và nhà kho để chứa hàng cùng nhiều phương tiện phục vụ cho việc bốc dỡ, chuyên chở hàng được dễ dàng, nhanh chóng.



Hình 2. Xếp dỡ hàng tại cảng Hải Phòng

Cảng Hải Phòng thường xuyên có nhiều tàu trong nước và ngoài nước cập bến. Hằng năm, cảng Hải Phòng đã tiếp nhận, vận chuyển một khối lượng lớn hàng hoá phục vụ cho công cuộc xây dựng đất nước.

2. Đóng tàu là ngành công nghiệp quan trọng của Hải Phòng



Hình 3. Tàu của nhà máy đóng tàu Bạch Đằng đang hạ thủy

Hải Phòng không chỉ là cảng biển mà còn là một trung tâm công nghiệp lớn. Nơi đây có nhiều ngành công nghiệp, trong đó quan trọng nhất là ngành đóng tàu. Các nhà máy đóng tàu Bạch Đằng, cơ khí Hạ Long, cơ khí Hải Phòng,... có khả năng đóng mới và sửa chữa các loại sà lan, ca nô,

tàu đánh cá, tàu du lịch, tàu chở khách trên sông và trên biển, tàu vận tải cỡ hàng vạn tấn.

3. Hải Phòng là trung tâm du lịch

Hải Phòng có nhiều điều kiện để phát triển ngành du lịch. Đó là bãi biển Đồ Sơn, đảo Cát Bà với nhiều cảnh đẹp và hang động kì thú ; các lễ hội như

lễ hội chọi trâu, hội đua thuyền truyền thống trên biển,...; những di tích lịch sử và thắng cảnh nổi tiếng cùng hệ thống khách sạn, nhà nghỉ đủ tiện nghi,... có sức hấp dẫn lớn đối với du khách. Hàng năm, Hải Phòng thu hút được rất nhiều khách du lịch trong và ngoài nước.



Hình 4. Đảo Cát Bà

Hải Phòng nằm ở đông bắc đồng bằng Bắc Bộ. Đây là một thành phố cảng, một trung tâm công nghiệp đóng tàu và trung tâm du lịch lớn của nước ta.

CÂU HỎI

1. Tìm và xác định vị trí thành phố Hải Phòng trên bản đồ hành chính Việt Nam.
2. Kể một số điều kiện để Hải Phòng trở thành một cảng biển, một trung tâm du lịch lớn của nước ta.
3. Nêu tên các sản phẩm của ngành công nghiệp đóng tàu ở Hải Phòng.

BÀI 17

ĐỒNG BẰNG NAM BỘ

1. Đồng bằng lớn nhất của nước ta

Đồng bằng Nam Bộ do phù sa của hệ thống sông Mê Công và sông Đồng Nai bồi đắp nên. Đây là đồng bằng lớn nhất cả nước, có diện tích lớn gấp hơn ba lần đồng bằng Bắc Bộ. Phần Tây Nam Bộ (còn gọi là đồng bằng sông Cửu Long) có nhiều vùng trũng dễ ngập nước như Đồng Tháp Mười, Kiên Giang, Cà Mau. Ngoài đất phù sa màu mỡ, đồng bằng còn có nhiều đất phèn, đất mặn cần phải cải tạo.



Hình 1. Đồng Tháp Mười

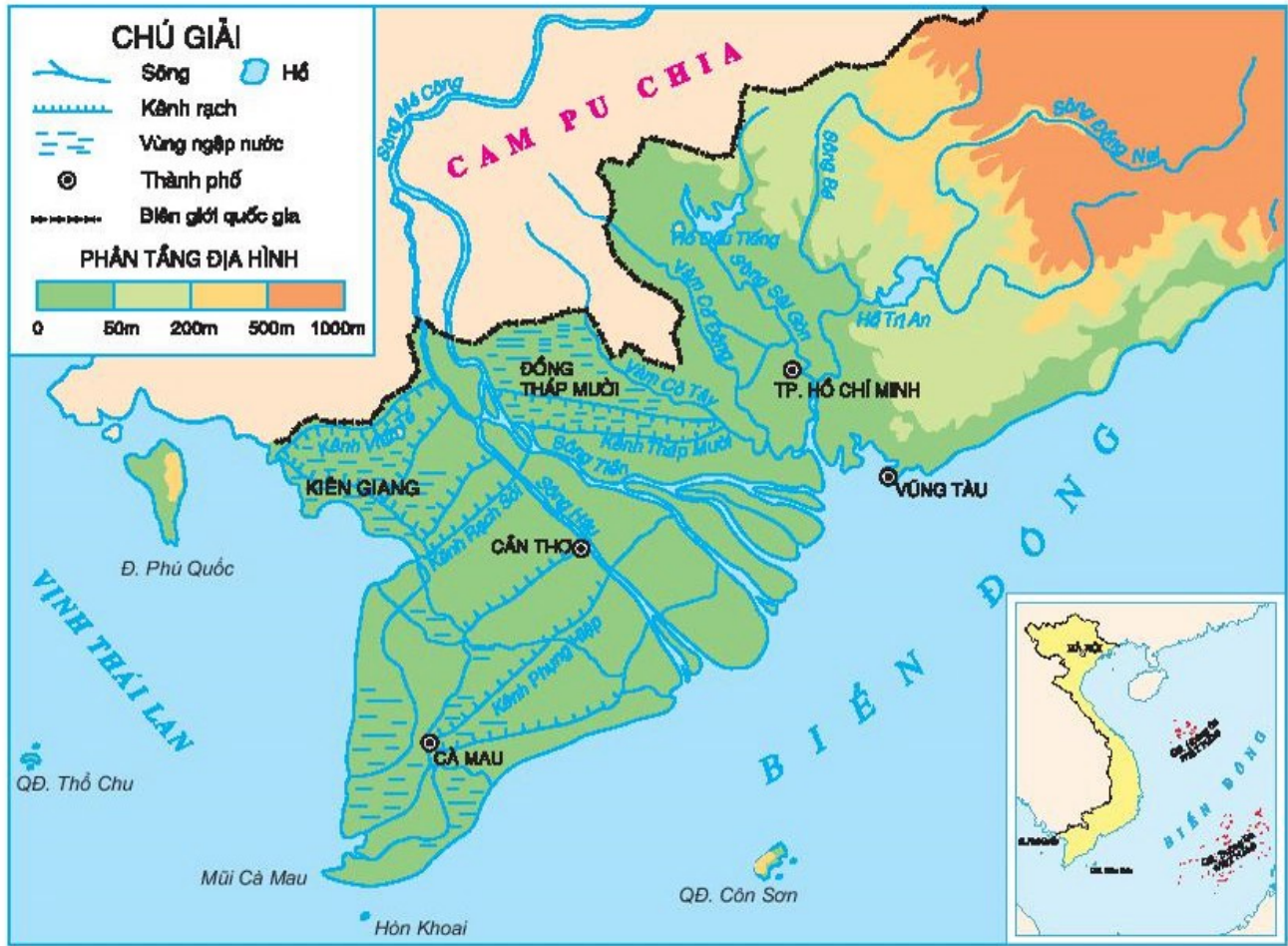
– *Quan sát hình 2, em hãy chỉ vị trí của đồng bằng Nam Bộ, Đồng Tháp Mười, Kiên Giang, Cà Mau.*

2. Mạng lưới sông ngòi, kênh rạch chằng chịt

– Quan sát hình 2 :

+ Tìm và kể tên một số sông lớn, kênh rạch của đồng bằng Nam Bộ.

+ Nêu nhận xét về mạng lưới sông ngòi, kênh rạch của đồng bằng Nam Bộ (nhiều hay ít sông ?).



Hình 2. Lược đồ tự nhiên đồng bằng Nam Bộ

Sông Mê Công là một trong những sông lớn trên thế giới, bắt nguồn từ Trung Quốc, chảy qua nhiều nước và đổ ra Biển Đông. Đoạn hạ lưu sông chảy trên đất Việt Nam chỉ dài trên 200km và chia thành hai nhánh : sông Tiền, sông Hậu. Do hai nhánh sông đổ ra biển bằng chín cửa nên có tên là Cửu Long (chín con rồng).

Ở Tây Nam Bộ, hằng năm vào mùa lũ, nước các sông dâng cao làm ngập một diện tích lớn. Người dân nơi đây không đắp đê ven sông để ngăn lũ như ở đồng bằng Bắc Bộ. Qua mùa lũ, đồng bằng được bồi thêm một lớp phù sa màu mỡ. Những tháng còn lại là mùa khô, mực nước sông hạ thấp. Vào mùa này, đồng bằng rất thiếu nước ngọt.

Ở Đông Nam Bộ, nhiều hồ lớn được xây dựng để cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt vào mùa khô như hồ Dầu Tiếng, hồ Trị An. Ở Tây Nam Bộ người dân đào rất nhiều kênh rạch nối các sông với nhau, làm cho đồng bằng có mạng lưới sông ngòi, kênh rạch chằng chịt.

Đồng bằng Nam Bộ nằm ở phía nam nước ta. Đây là đồng bằng lớn nhất của đất nước, do phù sa của hệ thống sông Mê Công và sông Đồng Nai bồi đắp. Đồng bằng có mạng lưới sông ngòi, kênh rạch chằng chịt. Ngoài đất phù sa màu mỡ, đồng bằng còn nhiều đất phèn, đất mặn cần phải cải tạo.

CÂU HỎI

1. Đồng bằng Nam Bộ nằm ở phía nào của nước ta ? Do phù sa của các sông nào bồi đắp nên ?
2. Nêu một số đặc điểm tự nhiên của đồng bằng Nam Bộ.
3. Chỉ trên bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam : sông Tiền, sông Hậu, sông Đồng Nai, sông Sài Gòn và các vùng : Đồng Tháp Mười, Kiên Giang, Cà Mau.

BÀI 18

NGƯỜI DÂN Ở ĐỒNG BẰNG NAM BỘ

1. Nhà ở của người dân



Hình 1. Cụm dân cư ven sông ở đồng bằng Nam Bộ



Hình 2. Một ngôi nhà mới ở nông thôn đồng bằng Nam Bộ

Các dân tộc sống ở đồng bằng Nam Bộ chủ yếu là : Kinh, Khơ-me, Chăm, Hoa. Họ cùng nhau lập ấp, khai khẩn đất đai.

– *Quan sát hình 1, em hãy cho biết nhà ở của người dân thường phân bố ở đâu ?*

Ở Tây Nam Bộ người dân thường làm nhà dọc theo các sông ngòi, kênh rạch, nhà cửa đơn sơ. Xuồng, ghe là phương tiện đi lại phổ biến của người dân nơi đây.

Ngày nay, diện mạo làng quê ở đồng bằng Nam Bộ đã có nhiều thay đổi. Nhiều ngôi nhà kiên cố, khang trang được xây dựng. Đời sống mọi mặt của người dân đang được nâng cao.

2. Trang phục và lễ hội



Hình 3. Chùa của người Khơ-me



Hình 4. Người Kinh ở Nam Bộ

Trước đây, trang phục phổ biến của người Nam Bộ là quần áo bà ba và chiếc khăn rằn. Người dân đồng bằng Nam Bộ thường tổ chức các lễ hội để cầu được mùa và những điều may mắn trong cuộc sống. Các lễ hội nổi tiếng là lễ hội Bà Chúa Xứ ở Châu Đốc (An Giang) ; hội xuân núi Bà (Tây Ninh) ; lễ cúng Trăng của đồng bào Khơ-me ; lễ tế thần cá Ông (cá voi) của các làng chài ven biển,...



Hình 5. Đua ghe Ngo trong lễ hội của đồng bào Khơ-me



Hình 6. Lễ hội Bà Chúa Xứ (An Giang)

Các dân tộc sống ở đồng bằng Nam Bộ chủ yếu là Kinh, Khơ-me, Chăm, Hoa. Người dân thường lập ấp, làm nhà ở ven sông, ngòi, kênh, rạch.

Lễ hội Bà Chúa Xứ, hội xuân núi Bà, lễ cúng Trăng,... là những lễ hội nổi tiếng của người dân ở đồng bằng Nam Bộ.

CÂU HỎI

1. Kể tên một số dân tộc và những lễ hội nổi tiếng ở đồng bằng Nam Bộ.
2. Nhà ở của người dân Nam Bộ có đặc điểm gì ?
3. Phương tiện đi lại phổ biến của người dân ở đồng bằng sông Cửu Long là gì ? Vì sao ?

BÀI 19

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT CỦA NGƯỜI DÂN Ở ĐỒNG BẰNG NAM BỘ

1. Vựa lúa, vựa trái cây lớn nhất cả nước

Nhờ có đất màu mỡ, khí hậu nóng ẩm, người dân cần cù lao động nên đồng bằng Nam Bộ đã trở thành vựa lúa, vựa trái cây lớn nhất cả nước. Lúa gạo, trái cây của đồng bằng đã cung cấp cho nhiều nơi trong nước và xuất khẩu. Phần lớn gạo xuất khẩu của nước ta là do đồng bằng Nam Bộ cung cấp.

– *Quan sát các hình dưới đây, kể tên theo thứ tự các công việc trong thu hoạch và chế biến gạo xuất khẩu ở đồng bằng Nam Bộ.*



a) Gặt lúa



b) Tuốt lúa



c) Phơi thóc



d) Xay xát gạo và đóng bao



e) Xếp gạo lên tàu để xuất khẩu

Hình 1. Quy trình thu hoạch và chế biến gạo xuất khẩu

– Quan sát hình dưới đây, kết hợp với vốn hiểu biết của mình, em hãy kể tên các trái cây ở đồng bằng Nam Bộ.



Hình 2. Một số trái cây ở đồng bằng Nam Bộ

2. Nơi nuôi và đánh bắt nhiều thủy sản nhất cả nước



Hình 3. Bè nuôi cá trên sông Hậu

Vùng biển có nhiều cá, tôm và các hải sản khác, mạng lưới sông ngòi dày đặc là điều kiện thuận lợi cho việc nuôi và đánh bắt thủy sản ở đồng bằng Nam Bộ. Đây là vùng có sản lượng thủy sản lớn nhất cả nước. Thủy sản của đồng bằng được tiêu thụ ở nhiều nơi trong nước và trên thế giới. Nhiều gia đình đã giàu lên từ nuôi và đánh bắt cá, tôm.

Nhờ có thiên nhiên ưu đãi, người dân cần cù lao động, đồng bằng Nam Bộ đã trở thành vùng sản xuất lúa gạo, trái cây, thủy sản lớn nhất cả nước. Các sản phẩm đó được đưa đi tiêu thụ ở nhiều nơi trong nước và xuất khẩu.

CÂU HỎI

1. Em hãy nêu những thuận lợi để đồng bằng Nam Bộ trở thành vùng sản xuất lúa gạo, trái cây và thủy sản lớn nhất cả nước.
2. Nêu những ví dụ cho thấy đồng bằng Nam Bộ là nơi sản xuất lúa gạo, trái cây, thủy sản lớn nhất nước ta.

BÀI 20

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT CỦA NGƯỜI DÂN Ở ĐỒNG BẰNG NAM BỘ (Tiếp theo)

3. Vùng công nghiệp phát triển mạnh nhất nước ta

Nhờ có nguồn nguyên liệu và lao động, lại được đầu tư xây dựng nhiều nhà máy nên đồng bằng Nam Bộ đã trở thành vùng có ngành công nghiệp



Hình 4. Sản xuất linh kiện máy tính điện tử



Hình 5. Dây chuyền sản xuất bột ngọt



Hình 6. Chế biến hạt điều xuất khẩu



Hình 7. Phân xưởng cán đồng

phát triển mạnh nhất nước ta. Hàng năm, đồng bằng Nam Bộ tạo ra được hơn một nửa giá trị sản xuất công nghiệp của cả nước. Các ngành công nghiệp nổi tiếng của vùng này là khai thác dầu khí, sản xuất điện, hoá chất, phân bón, cao su, chế biến lương thực thực phẩm, dệt, may mặc.



Hình 8. Nhà máy đạm Phú Mỹ

– *Quan sát các hình trên, kể tên các sản phẩm công nghiệp của đồng bằng Nam Bộ.*

4. Chợ nổi trên sông

Chợ nổi trên sông là nét độc đáo của đồng bằng sông Cửu Long, nổi tiếng ở đây là các chợ Cái Răng, Phong Điền (Cần Thơ), Phụng Hiệp (Hậu Giang).



Hình 9. Chợ nổi trên sông ở Cần Thơ

– *Quan sát hình 9, em hãy mô tả về chợ nổi trên sông.*

Chợ nổi thường họp ở những đoạn sông thuận tiện cho việc gặp gỡ của xuồng, ghe từ nhiều nơi đổ về. Ở các chợ nổi, ngay từ sáng sớm việc mua bán đã diễn ra tấp nập. Mọi thứ hàng hoá như rau quả, thịt, cá, quần áo,... đều có thể mua bán trên xuồng, ghe.

Đồng bằng Nam Bộ là nơi có công nghiệp phát triển nhất nước ta. Những ngành công nghiệp nổi tiếng là khai thác dầu khí, chế biến lương thực, thực phẩm, hoá chất, cơ khí, điện tử, dệt may. Chợ nổi trên sông là một nét độc đáo của đồng bằng sông Cửu Long.

CÂU HỎI

1. Nêu dẫn chứng cho thấy đồng bằng Nam Bộ có công nghiệp phát triển nhất nước ta.
2. Hãy mô tả chợ nổi trên sông ở đồng bằng Nam Bộ.
3. Sưu tầm tranh ảnh về sản xuất công nghiệp, chợ nổi trên sông ở đồng bằng Nam Bộ.

BÀI 21

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

1. Thành phố lớn nhất cả nước

Thành phố Hồ Chí Minh nằm bên sông Sài Gòn, có lịch sử trên 300 năm. Trải qua nhiều tên gọi khác nhau, từ năm 1976, thành phố được mang tên Thành phố Hồ Chí Minh.



Hình 1. Lược đồ Thành phố Hồ Chí Minh

– Quan sát hình 1, em hãy cho biết :

+ Chỉ vị trí của Thành phố Hồ Chí Minh trên lược đồ và cho biết thành phố tiếp giáp những tỉnh nào ?

+ Từ thành phố có thể đi tới các tỉnh khác bằng những loại đường giao thông nào ?

– Dựa vào bảng số liệu sau, em hãy so sánh về diện tích và số dân của Thành phố Hồ Chí Minh với các thành phố khác.

Thành phố	Diện tích (km ²)	Số dân năm 2004 (nghìn người)
Hà Nội	921	3083
Hải Phòng	1526	1771
Đà Nẵng	1256	765
Thành phố Hồ Chí Minh	2095	5731
Cần Thơ	1390	1123

Bảng số liệu về diện tích và dân số của một số thành phố

2. Trung tâm kinh tế, văn hoá, khoa học lớn

Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm công nghiệp lớn nhất cả nước. Các ngành công nghiệp của thành phố rất đa dạng, bao gồm : điện, luyện kim, cơ khí, điện tử, hoá chất, sản xuất vật liệu xây dựng, dệt may,... Hoạt động



Hình 2. Bảo tàng Lịch sử Việt Nam (Thành phố Hồ Chí Minh)



a) Dây chuyền lắp ráp tivi



b) Phân xưởng dệt

Hình 3. Một số hoạt động công nghiệp của Thành phố Hồ Chí Minh

thương mại của thành phố cũng rất phát triển với nhiều chợ và siêu thị lớn. Thành phố có sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất và cảng Sài Gòn là sân bay và cảng biển lớn bậc nhất cả nước.

– *Hãy kể tên các sản phẩm công nghiệp của Thành phố Hồ Chí Minh mà em biết.*

Thành phố Hồ Chí Minh có nhiều viện nghiên cứu, trường đại học,... Nơi đây cũng có nhiều rạp hát, rạp chiếu phim, các khu vui chơi giải trí hấp dẫn như Thảo Cầm Viên, Đầm Sen, Suối Tiên,...



Hình 4. Chợ Bến Thành



Hình 5. Nhà hoa ôn đới trong công viên Đầm Sen

Thành phố Hồ Chí Minh nằm bên sông Sài Gòn. Đây là thành phố và trung tâm công nghiệp lớn nhất của đất nước. Các sản phẩm công nghiệp của thành phố rất đa dạng, được tiêu thụ ở nhiều nơi trong nước và xuất khẩu.

CÂU HỎI

1. Chỉ vị trí, giới hạn của Thành phố Hồ Chí Minh trên bản đồ hành chính Việt Nam.
2. Em hãy kể tên một số ngành công nghiệp chính, một số nơi vui chơi, giải trí của Thành phố Hồ Chí Minh.

BÀI 22

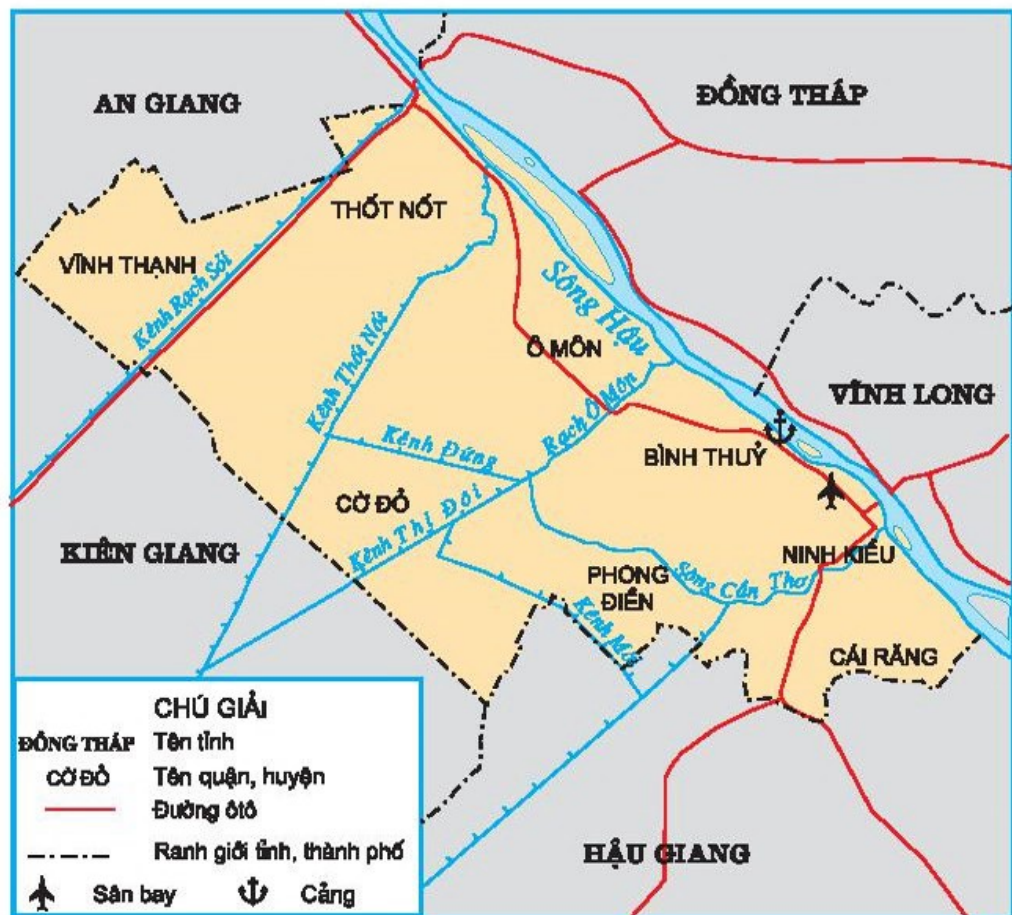
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

1. Thành phố ở trung tâm đồng bằng sông Cửu Long

– Dựa vào hình 1 em hãy :

+ Chỉ vị trí thành phố Cần Thơ trên lược đồ và cho biết thành phố Cần Thơ giáp những tỉnh nào ?

+ Cho biết từ thành phố này có thể đi các tỉnh khác bằng các loại đường giao thông nào ?



Hình 1. Lược đồ thành phố Cần Thơ

Thành phố Cần Thơ nằm bên sông Hậu. Với vị trí ở trung tâm đồng bằng sông Cửu Long, Cần Thơ có nhiều điều kiện thuận lợi trong việc giao lưu với các nơi khác ở trong nước và thế giới.

2. Trung tâm kinh tế, văn hoá và khoa học của đồng bằng sông Cửu Long

Thành phố Cần Thơ là trung tâm kinh tế quan trọng của đồng bằng sông Cửu Long. Đây là nơi tiếp nhận các hàng nông sản, thủy sản của vùng đồng bằng sông Cửu Long, rồi từ đó xuất đi các nơi khác ở trong nước và thế giới.

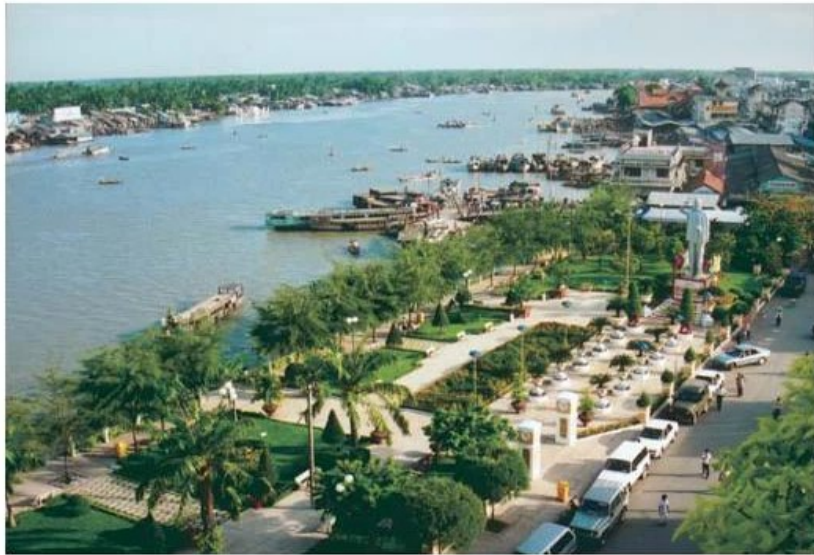
Để phục vụ cho sản xuất lương thực, thực phẩm, Cần Thơ còn là nơi sản xuất máy nông nghiệp, phân bón, thuốc trừ sâu. Nơi đây có Viện nghiên cứu lúa, tạo ra nhiều giống lúa mới cho đồng bằng sông Cửu Long.

Trường đại học Cần Thơ và các trường cao đẳng, các trung tâm dạy nghề đã và đang góp phần đào tạo cho đồng bằng nhiều cán bộ khoa học - kĩ thuật, nhiều lao động có chuyên môn giỏi.

Đến Cần Thơ, chúng ta còn được tham quan du lịch trong các khu vườn với nhiều loại cây trái của vùng nhiệt đới như nhãn, xoài, măng cụt, sầu riêng,... tham quan các chợ nổi trên sông và vườn cò Bằng Lăng.



Hình 2. Chợ thực phẩm, rau quả



Hình 3. Bến Ninh Kiều



Hình 4. Chế biến mực



Hình 5. Một góc vườn cò Bàng Lãng

Thành phố Cần Thơ nằm bên sông Hậu, ở trung tâm đồng bằng sông Cửu Long. Nhờ có vị trí địa lý thuận lợi, Cần Thơ đã trở thành trung tâm kinh tế, văn hoá, khoa học quan trọng. Đây là nơi tiếp nhận nhiều mặt hàng nông, thủy sản của đồng bằng sông Cửu Long để chế biến và xuất khẩu.

CÂU HỎI

1. Chỉ vị trí, giới hạn của thành phố Cần Thơ trên bản đồ hành chính Việt Nam.
2. Nêu những dẫn chứng cho thấy thành phố Cần Thơ là trung tâm kinh tế, văn hoá và khoa học quan trọng của đồng bằng sông Cửu Long.

BÀI 23

ÔN TẬP

1. Chỉ trên bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam, vị trí của :

- Đồng bằng Bắc Bộ, đồng bằng Nam Bộ.
- Sông Hồng, sông Thái Bình, sông Tiền, sông Hậu, sông Đồng Nai.

2. Nêu đặc điểm thiên nhiên của đồng bằng Bắc Bộ và đồng bằng Nam Bộ theo gợi ý sau :

Đặc điểm thiên nhiên	Đồng bằng Bắc Bộ	Đồng bằng Nam Bộ
<ul style="list-style-type: none">– Địa hình– Sông ngòi– Đất đai– Khí hậu		

3. Hãy đọc các câu sau và cho biết câu nào đúng, câu nào sai ? Vì sao ?

- Đồng bằng Bắc Bộ là nơi sản xuất nhiều lúa gạo nhất nước ta.
- Đồng bằng Nam Bộ là nơi sản xuất nhiều thủy sản nhất cả nước.
- Thành phố Hà Nội có diện tích lớn nhất và số dân đông nhất nước.
- Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm công nghiệp lớn nhất cả nước.

BÀI 24

ĐẢI ĐỒNG BẰNG DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG

1. Các đồng bằng nhỏ hẹp với nhiều cồn cát ven biển

– Quan sát hình 1, em hãy đọc tên các đồng bằng duyên hải miền Trung theo thứ tự từ Bắc vào Nam.



Hình 1. Lược đồ dải đồng bằng duyên hải miền Trung



Hình 2. Lược đồ đầm, phá ở Thừa Thiên - Huế



Hình 3. Phá Tam Giang

Các đồng bằng duyên hải miền Trung nhỏ, hẹp vì các dãy núi lan ra sát biển.

Ven biển thường có các cồn cát cao 20 - 30m. Nhân dân ở đây trồng phi lao để ngăn gió di chuyển các cồn cát vào sâu trong đất liền. Những vùng thấp trũng ở cửa sông, nơi có doi cát dài chắn phía biển thường tạo nên các đầm, phá.

– Quan sát hình 2, đọc tên các đầm, phá ở Thừa Thiên - Huế.

2. Khí hậu có sự khác biệt giữa khu vực phía bắc và phía nam

– Dựa vào hình 1, em hãy :

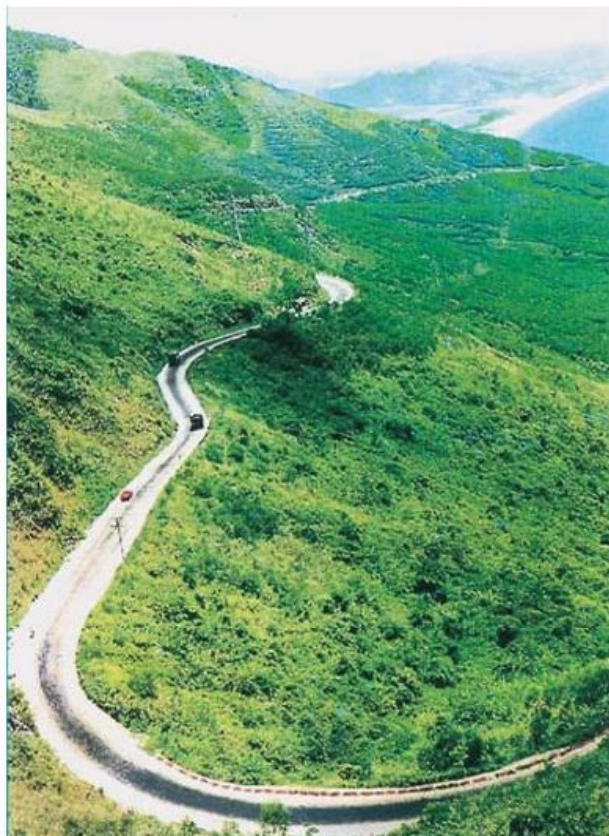
+ Chỉ dãy núi Bạch Mã, đèo Hải Vân.

+ Đọc tên hai thành phố ở phía bắc và nam dãy núi Bạch Mã.

Dãy núi Bạch Mã kéo dài ra đến biển, nằm giữa Huế và Đà Nẵng tạo thành bức tường chắn gió mùa đông bắc thổi đến, làm cho từ phía nam của núi này không có mùa đông lạnh. Để vượt dãy núi Bạch Mã, đường bộ phải qua đèo Hải Vân hiểm trở, nay có thêm đường hầm Hải Vân giúp cho giao thông được thuận tiện hơn.

– Quan sát hình 4, mô tả đoạn đường vượt núi trên đèo Hải Vân.

Vào mùa hạ, đồng bằng miền Trung mưa ít, không khí khô, nóng làm đồng ruộng nứt nẻ, sông hồ cạn nước. Trong khi đó, những tháng cuối năm thường có mưa lớn và bão. Mưa bão làm nước sông dâng lên đột ngột, đồng ruộng bị ngập lụt, nhà cửa, đường giao thông bị phá hoại, gây thiệt hại về người và của.



Hình 4. Đèo Hải Vân

Duyên hải miền Trung có nhiều đồng bằng nhỏ với những cồn cát và đầm, phá. Mùa hạ, tại đây thường khô, nóng và bị hạn hán. Cuối năm thường có mưa lớn và bão dễ gây ngập lụt. Khu vực phía bắc dãy Bạch Mã có mùa đông lạnh.

CÂU HỎI

1. Dựa vào hình 1, em hãy kể tên các đồng bằng theo thứ tự từ Nam ra Bắc.
2. Ghi vào vở rồi đánh dấu X vào ô ý em cho là đúng nhất : Đồng bằng duyên hải miền Trung nhỏ hẹp vì :
 - Đồng bằng nằm ở ven biển.
 - Đồng bằng có nhiều cồn cát.
 - Đồng bằng có nhiều đầm, phá.
 - Núi lan ra sát biển.
3. Nêu đặc điểm của khí hậu vùng đồng bằng duyên hải miền Trung.

BÀI 25

NGƯỜI DÂN VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT Ở ĐỒNG BẰNG DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG

1. Dân cư ở đồng bằng duyên hải

Đồng bằng duyên hải miền Trung tuy nhỏ hẹp, song có điều kiện tương đối thuận lợi cho sinh hoạt và sản xuất nên dân cư tập trung khá đông đúc. Ở đây, người Kinh, người Chăm và một số dân tộc ít người khác cùng sống bên nhau hoà thuận.

– *Quan sát hình 1 và 2, nhận xét trang phục của phụ nữ Chăm, phụ nữ Kinh.*



*Hình 1. Trang phục
của phụ nữ Chăm*

*Hình 2. Trang phục
của phụ nữ Kinh*

2. Hoạt động sản xuất của người dân

– Quan sát các hình sau, em hãy xếp các hình theo nhóm ngành sản xuất cho phù hợp : trồng trọt ; chăn nuôi ; nuôi trồng, đánh bắt thủy sản ; các ngành khác.



Hình 3. Đầm nuôi tôm công nghiệp



Hình 4. Cánh đồng mía



Hình 5. Cánh đồng lúa



Hình 6. Chăn nuôi gia súc



Hình 7. Cánh đồng muối



Hình 8. Làng chài

– Đọc bảng dưới đây, giải thích vì sao đồng bằng duyên hải miền Trung lại có các hoạt động sản xuất trên.

Tên hoạt động sản xuất	Một số điều kiện cần thiết để sản xuất
Trồng lúa	Đất phù sa tương đối màu mỡ, khí hậu nóng ẩm.
Trồng mía, lạc	Đất cát pha, khí hậu nóng.
Làm muối	– Nước biển mặn. – Nhiều nắng.
Nuôi, đánh bắt thủy sản	– Biển, đầm phá, sông. – Người dân có kinh nghiệm nuôi trồng, đánh bắt và chế biến thủy sản.

Ở đồng bằng duyên hải miền Trung dân cư tập trung khá đông đúc, chủ yếu là người Kinh và người Chăm. Nghề chính của họ là nghề nông, làm muối, đánh bắt, nuôi trồng và chế biến thủy sản.

CÂU HỎI

1. Kể tên một số dân tộc ở đồng bằng duyên hải miền Trung.
2. Giải thích vì sao người dân ở đồng bằng duyên hải miền Trung lại trồng lúa, lạc, mía và làm muối ?
3. Em hãy sưu tầm các ảnh về hoạt động sản xuất của người dân ở đồng bằng duyên hải miền Trung.

BÀI 26

NGƯỜI DÂN VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT Ở ĐỒNG BẰNG DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG

(Tiếp theo)

3. Hoạt động du lịch

Duyên hải miền Trung có nhiều bãi biển đẹp, bằng phẳng, phủ cát trắng rợp bóng dừa và phi lao, nước biển trong xanh. Đó là những địa điểm thuận lợi cho khách du lịch đến tham quan, tắm biển, nghỉ dưỡng như : Sầm Sơn (Thanh Hoá), Lăng Cô (Thừa Thiên - Huế), Mỹ Khê, Non Nước (Đà Nẵng), Nha Trang (Khánh Hoà), Mũi Né (Bình Thuận),... Ngoài ra còn có nhiều di sản văn hoá như cố đô Huế (Thừa Thiên - Huế), phố cổ Hội An, khu di tích Mỹ Sơn (Quảng Nam).



Hình 9. Bãi biển Nha Trang

Ở những nơi này, các hoạt động dịch vụ du lịch (điểm vui chơi, khách sạn,...) ngày càng nhiều, thu hút lao động của địa phương.

– *Hãy kể tên một số bãi biển nổi tiếng ở miền Trung mà em biết.*

4. Phát triển công nghiệp

Các nhà máy và khu công nghiệp xuất hiện ngày càng nhiều ở đồng bằng duyên hải miền Trung giúp người dân có thêm việc làm và thu nhập.

– *Dựa vào kiến thức đã học, em hãy cho biết vì sao có thể xây dựng nhà máy đường và nhà máy đóng mới, sửa chữa tàu thuyền ở duyên hải miền Trung ?*



Hình 10. Xưởng sửa chữa tàu thuyền

– *Dựa vào hình 11, em hãy cho biết một số công việc để sản xuất đường từ cây mía.*



a) Thu hoạch mía



b) Vận chuyển mía



c) Sản xuất đường thô



d) Sản xuất đường kết tinh



đ) Đóng gói sản phẩm

Hình 11. Quy trình sản xuất đường mía



Hình 12. Đê chắn sóng ở khu cảng Dung Quất

Tại tỉnh Quảng Ngãi đã hình thành khu kinh tế Dung Quất. Ở đây có nhà máy lọc dầu lớn đầu tiên của Việt Nam.



Hình 13. Tháp Bà ở Nha Trang

5. Lễ hội

Người dân ở đồng bằng duyên hải miền Trung thường tổ chức nhiều lễ hội như lễ rước cá Ông, lễ hội Ka-tê,...

Vào đầu mùa hạ, ở Nha Trang có lễ hội Tháp Bà của người Chàm. Người dân tập trung tại khu Tháp Bà để làm lễ ca ngợi công đức Nữ thần và cầu chúc một cuộc sống bình yên, ấm no, hạnh phúc. Sau đó là phân hội với các hoạt động văn nghệ, thể thao như múa, hát, bơi thuyền,... diễn ra rất sôi nổi.

Người dân ở đồng bằng duyên hải miền Trung ngày càng có thêm nhiều hoạt động kinh tế mới : phục vụ du lịch, làm việc trong các nhà máy đóng tàu, nhà máy đường,...

CÂU HỎI

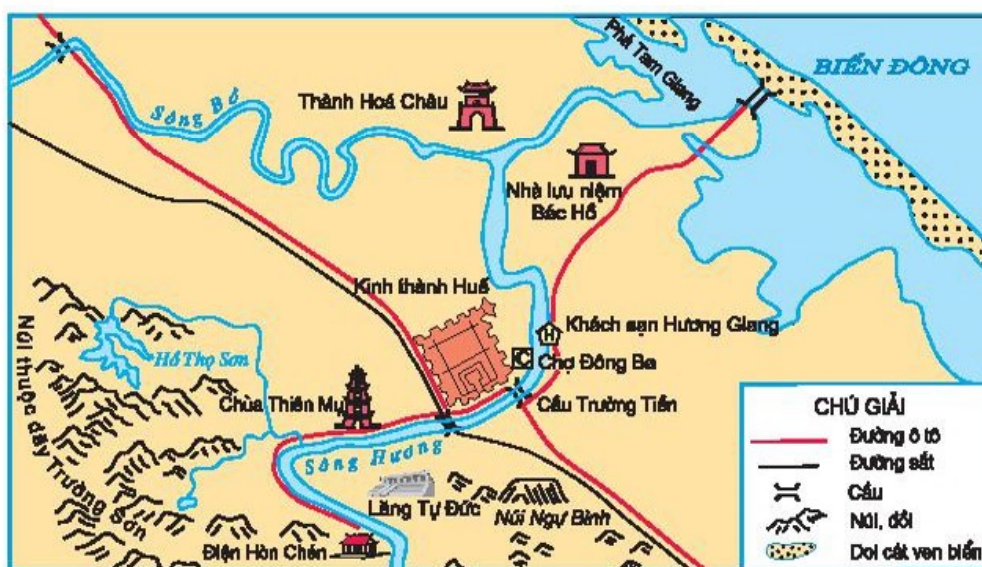
1. Vì sao ngày càng có nhiều khách du lịch đến tham quan miền Trung ?
2. Kể tên một số ngành công nghiệp có ở các tỉnh duyên hải miền Trung.
3. Nêu thứ tự các công việc trong sản xuất đường mía.

BÀI 27

THÀNH PHỐ HUẾ

1. Thiên nhiên đẹp với nhiều công trình kiến trúc cổ

– Quan sát bản đồ hành chính Việt Nam và lược đồ thành phố Huế, em hãy cho biết : thành phố Huế thuộc tỉnh nào ? Nêu tên dòng sông chảy qua thành phố Huế.



Hình 1. Lược đồ thành phố Huế

– Quan sát hình 1, các ảnh trong bài và với kiến thức của mình, em hãy kể tên các công trình kiến trúc cổ kính của Huế.

Tựa lưng vào dãy Trường Sơn, Huế nằm cách biển không xa, trên vùng chuyển tiếp từ đồi thấp sang đồng bằng. Cố đô Huế nổi tiếng với các kiến trúc cung đình, thành quách, đền miếu, lăng tẩm,... của các vua chúa triều Nguyễn và được công nhận là Di sản Văn hoá thế giới.

2. Huế - thành phố du lịch

– Quan sát hình 1, em hãy cho biết nếu đi thuyền trên sông Hương, chúng ta có thể đến thăm những địa điểm du lịch nào của thành phố Huế ?

– Quan sát các ảnh trong bài, em hãy mô tả một trong những cảnh đẹp của thành phố Huế.

Tới Huế, khách du lịch còn được đi thăm các nhà vườn, thưởng thức những món ăn đặc sản của địa phương. Du khách còn được đi thuyền trên sông Hương và thưởng thức các bài dân ca Huế.



Hình 2. Kinh thành Huế



Hình 3. Toàn cảnh chùa Thiên Mụ



Hình 4. Cầu Trường Tiền

Thành phố Huế được xây dựng cách đây trên 400 năm và đã từng là kinh đô của nước ta thời nhà Nguyễn. Huế có nhiều cảnh thiên nhiên đẹp, nhiều công trình kiến trúc cổ có giá trị nghệ thuật cao nên thu hút rất nhiều khách du lịch.

CÂU HỎI

1. Tìm vị trí thành phố Huế trên bản đồ hành chính Việt Nam.
2. Những địa danh nào dưới đây là của thành phố Huế : chợ Đông Ba, chợ Bến Thành, Ngọ Môn, lăng Tự Đức, sông Hồng, sông Hương, cầu Trường Tiền, hồ Hoàn Kiếm, núi Ngự Bình.
3. Vì sao Huế được gọi là thành phố du lịch ?
4. Sưu tầm tranh ảnh về Huế.

BÀI 28

THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

1. Đà Nẵng - thành phố cảng



Hình 1. Lược đồ thành phố Đà Nẵng

- Quan sát lược đồ trong bài và bản đồ hành chính Việt Nam, em hãy :
- + Cho biết vị trí của thành phố Đà Nẵng.
- + Cho biết những phương tiện giao thông nào có thể đến Đà Nẵng ?



Hình 2. Tàu ở bến cảng Tiên Sa

Đà Nẵng có cảng trên sông Hàn và cảng biển Tiên Sa thuận tiện cho tàu thuyền cập bến. Dọc các phố gần bến cảng, các ngân hàng, khách sạn, tiệm ăn,... mọc lên san sát.

2. Đà Nẵng - trung tâm công nghiệp

– Dựa vào bảng dưới đây, em hãy kể tên một số loại hàng hoá được đưa đến Đà Nẵng và hàng từ Đà Nẵng đưa đi các nơi khác bằng tàu biển.

Một số hàng đưa đến	Một số hàng đưa đi nơi khác
– Ô tô, máy móc, thiết bị	– Vật liệu xây dựng, đá mi nghệ
– Hàng may mặc	– Vải may quần áo
– Đồ dùng sinh hoạt	– Hải sản (đông lạnh, khô)

Hàng chuyên chở bằng tàu biển ở Đà Nẵng

Đà Nẵng có các cơ sở sản xuất hàng tiêu dùng, dệt, chế biến thực phẩm, đóng tàu, sản xuất vật liệu xây dựng.

3. Đà Nẵng – địa điểm du lịch

– Quan sát hình 1, em hãy cho biết những nơi nào của Đà Nẵng thu hút nhiều khách du lịch ?

Đà Nẵng hấp dẫn khách du lịch bởi có nhiều bãi biển đẹp liền kề núi Non Nước (còn gọi là Ngũ Hành Sơn), có bảo tàng Chăm với những hiện vật của người Chăm cổ xưa.

Đà Nẵng là thành phố cảng lớn, đầu mối của nhiều tuyến đường giao thông ở đồng bằng duyên hải miền Trung. Đà Nẵng còn là trung tâm công nghiệp và là nơi hấp dẫn khách du lịch.

Vùng biển nước ta có diện tích rộng và là một bộ phận của Biển Đông : phía bắc có vịnh Bắc Bộ, phía nam có vịnh Thái Lan. Biển Đông là kho muối vô tận, đồng thời có nhiều khoáng sản, hải sản quý và có vai trò điều hoà khí hậu. Ven bờ có nhiều bãi biển đẹp, nhiều vũng, vịnh thuận lợi cho việc phát triển du lịch và xây dựng các cảng biển.

– *Quan sát hình 1 :*

+ *Cho biết Biển Đông bao bọc các phía nào của phần đất liền nước ta ?*

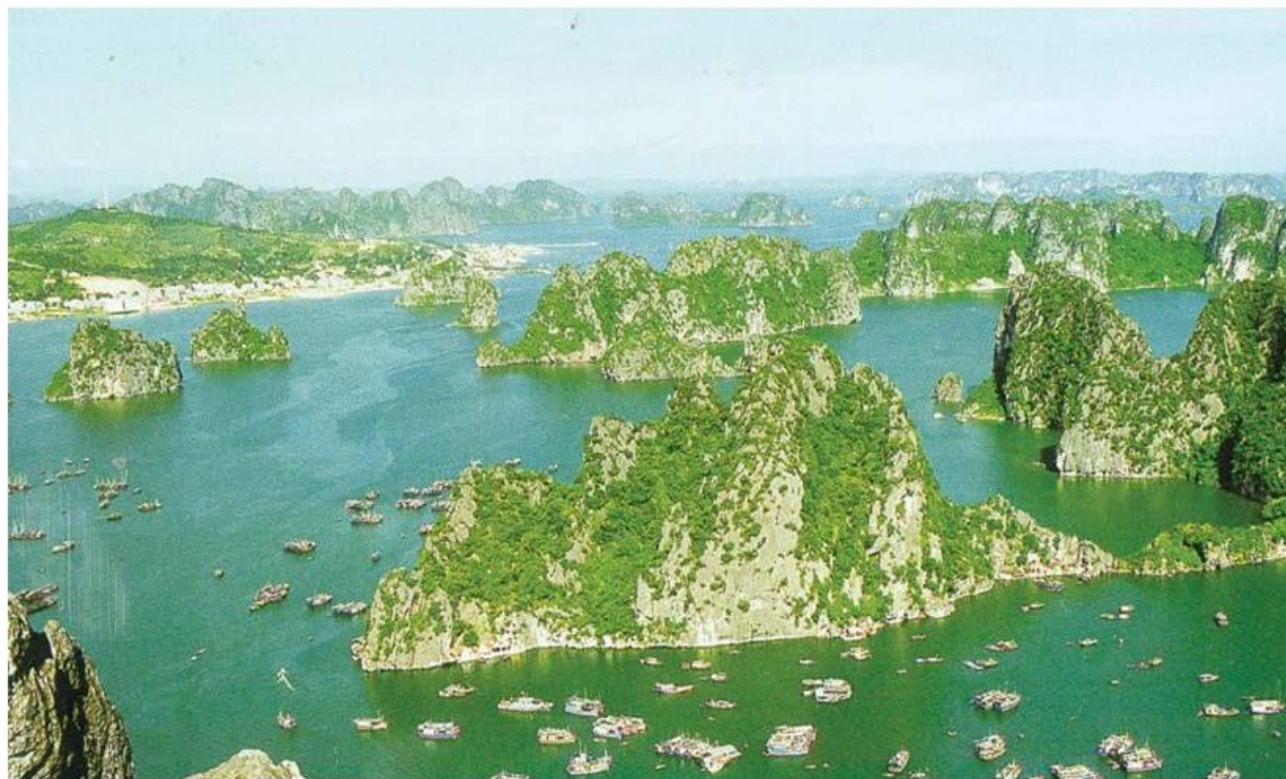
+ *Chỉ vịnh Bắc Bộ, vịnh Thái Lan trên lược đồ.*

+ *Tìm trên lược đồ nơi có các mỏ dầu của nước ta.*

2. Đảo và quần đảo

Vùng biển của nước ta có nhiều đảo và quần đảo. Đảo là bộ phận đất nổi, nhỏ hơn lục địa⁽¹⁾, xung quanh có nước biển và đại dương bao bọc. Nơi tập trung nhiều đảo gọi là quần đảo.

– *Hãy tìm trên bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam các đảo và quần đảo chính của nước ta.*



Hình 2. *Vịnh Hạ Long*

(1) *Lục địa* : là khối đất liền lớn, xung quanh có biển và đại dương bao bọc. Trên thế giới có 6 lục địa là : Á - Âu, Phi, Bắc Mĩ, Nam Mĩ, Úc và Nam Cực.

Vùng biển phía bắc có vịnh Bắc Bộ, nơi có nhiều đảo nhất của cả nước. Các đảo lớn như Cái Bầu, Cát Bà có dân cư đông đúc, nghề đánh cá khá phát triển. Vịnh Hạ Long là một thắng cảnh nổi tiếng đã được công nhận là Di sản Thiên nhiên thế giới.

Ngoài khơi biển miền Trung nước ta có hai quần đảo lớn là Hoàng Sa và Trường Sa.

– Em hãy cho biết các quần đảo này thuộc tỉnh (thành phố) nào ?

Ven biển có một số đảo nhỏ như : Lý Sơn (Quảng Ngãi), Phú Quý (Bình Thuận). Một số đảo đá có chim yến làm tổ. Tổ yến là món ăn quý hiếm, bổ dưỡng.

Biển phía nam và tây nam có một số đảo, lớn hơn cả là Phú Quốc và Côn Đảo. Người dân trên đảo làm nghề trồng trọt, đánh bắt và chế biến hải sản, dịch vụ du lịch. Phú Quốc nổi tiếng về hồ tiêu và nước mắm ngon.



Hình 3. Vườn hồ tiêu trên đảo Phú Quốc

Nước ta có vùng biển rộng với nhiều đảo và quần đảo. Biển, đảo và quần đảo của nước ta có nhiều tài nguyên quý cần được bảo vệ và khai thác hợp lí.

CÂU HỎI

1. Chỉ trên bản đồ và mô tả về vùng biển của nước ta.
2. Nêu vai trò của biển, đảo và quần đảo đối với nước ta.
3. Sưu tầm tranh ảnh và các tư liệu về biển, đảo và quần đảo của nước ta.

BÀI 30

KHAI THÁC KHOÁNG SẢN VÀ HẢI SẢN Ở VÙNG BIỂN VIỆT NAM

1. Khai thác khoáng sản

Tài nguyên khoáng sản quan trọng nhất của thêm lục địa nước ta là dầu mỏ và khí đốt. Nước ta đã khai thác được hơn một trăm triệu tấn dầu và hàng tỉ mét khối khí, phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu.



Hình 1. Khai thác dầu khí trên biển

– Dầu khí khai thác ở nước ta được dùng để làm gì ?

Ngoài dầu khí, nước ta còn khai thác cát trắng để làm nguyên liệu cho công nghiệp thủy tinh ở ven biển Khánh Hoà, Quảng Ninh ; sản xuất muối phục vụ cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu.



Hình 2. Đường ống dẫn vào kho chứa dầu khí

2. Đánh bắt và nuôi trồng hải sản

Vùng biển nước ta rất giàu hải sản. Riêng cá cũng có tới hàng nghìn loài, trong đó có những loài cá ngon nổi tiếng như cá chim, cá thu, cá nhụ, cá hồng, cá song,... Biển nước ta có hơn 100 loài tôm, trong đó có một số loại có giá trị như tôm hùm, tôm he,... Ngoài ra còn có nhiều loài hải sản quý khác như hải sâm, bào ngư, đồi mồi, sò huyết, ốc hương,...

Hoạt động đánh bắt hải sản diễn ra khắp vùng biển từ Bắc vào Nam. Những nơi đánh bắt nhiều hải sản nhất là các tỉnh ven biển từ Quảng Ngãi đến Kiên Giang. Tuy nhiên, do đánh bắt bừa bãi nên nhiều vùng biển ven bờ đã có nguy cơ cạn kiệt các loài hải sản.



Hình 3. Khai thác cá biển



Hình 5. Đóng gói cá đã chế biến



Hình 6. Chuyên chở sản phẩm



Hình 4. Chế biến cá đông lạnh



Hình 7. Đưa sản phẩm lên tàu xuất khẩu

– *Quan sát các hình trên, nêu thứ tự các công việc từ đánh bắt đến tiêu thụ hải sản.*

Bên cạnh việc đánh bắt, nhiều vùng ven biển còn nuôi các loại cá, tôm và các hải sản khác như đồi mồi, trai ngọc,...

Nước ta đang khai thác dầu khí ở vùng biển phía Nam. Dầu khí là mặt hàng xuất khẩu có giá trị, là nhiên liệu để sản xuất điện và là nguyên liệu tạo ra các sản phẩm khác.

Vùng biển nước ta có nhiều hải sản quý. Ngành đánh bắt và nuôi trồng hải sản phát triển khắp các vùng biển. Nơi đánh bắt nhiều hải sản nhất là các tỉnh ven biển từ Quảng Ngãi tới Kiên Giang.

CÂU HỎI

1. Nêu những dẫn chứng cho thấy biển của nước ta rất phong phú về hải sản.
2. Chỉ trên bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam nơi khai thác dầu khí, vùng đánh bắt nhiều hải sản của nước ta.
3. Nêu một số nguyên nhân dẫn tới cạn kiệt nguồn hải sản ven bờ.

BÀI 31 - 32

ÔN TẬP

1. Chỉ trên bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam :

– Dãy núi Hoàng Liên Sơn, đỉnh Phan-xi-păng ; đồng bằng Bắc Bộ, đồng bằng Nam Bộ và các đồng bằng duyên hải miền Trung ; các cao nguyên ở Tây Nguyên.

– Các thành phố lớn : Hà Nội, Hải Phòng, Huế, Đà Nẵng, Đà Lạt, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ.

– Biển Đông ; quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa ; các đảo Cát Bà, Côn Đảo, Phú Quốc.

2. Nêu một số đặc điểm tiêu biểu của Hà Nội, Hải Phòng, Huế, Đà Nẵng, Đà Lạt, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ.

3. Hãy kể tên một số dân tộc sống ở :

a) Dãy núi Hoàng Liên Sơn.

b) Tây Nguyên.

c) Đồng bằng Bắc Bộ.

d) Đồng bằng Nam Bộ.

đ) Các đồng bằng duyên hải miền Trung.

4. Chọn ý em cho là đúng :

* Dãy núi Hoàng Liên Sơn là dãy núi :

a) Cao nhất, có đỉnh tròn, sườn thoải.

b) Cao nhất nước ta, có đỉnh tròn, sườn dốc.

c) Cao thứ hai, có đỉnh nhọn, sườn dốc.

d) Cao nhất nước ta, có nhiều đỉnh nhọn, sườn dốc.

* Tây Nguyên là xứ sở của :

- a) Các cao nguyên có độ cao sần sần bằng nhau.
- b) Các cao nguyên xếp tầng cao, thấp khác nhau.
- c) Các cao nguyên có nhiều núi cao, khe sâu.

* Đồng bằng lớn nhất nước ta là :

- a) Đồng bằng Bắc Bộ.
- b) Đồng bằng Nam Bộ.
- c) Các đồng bằng duyên hải miền Trung.

* Nơi có nhiều đất mặn, đất phèn nhất là :

- a) Đồng bằng Bắc Bộ.
- b) Đồng bằng Nam Bộ.
- c) Các đồng bằng duyên hải miền Trung.

5. Đọc và ghép các ý ở cột A với các ý ở cột B sao cho phù hợp :

A	B
1. Tây Nguyên	a) Sản xuất nhiều lúa gạo, trái cây, thủy sản nhất cả nước.
2. Đồng bằng Bắc Bộ	b) Nhiều đất đỏ ba dan, trồng nhiều cà phê nhất nước ta.
3. Đồng bằng Nam Bộ	c) Vừa lúa lớn thứ hai, trồng nhiều rau xứ lạnh.
4. Các đồng bằng duyên hải miền Trung	d) Nghề đánh bắt hải sản, làm muối phát triển.
5. Hoàng Liên Sơn	đ) Trồng rừng để phủ xanh đất trống, đồi trọc ; có nhiều chè nổi tiếng ở nước ta.
6. Trung du Bắc Bộ	e) Trồng lúa nước trên ruộng bậc thang, cung cấp quặng a-pa-tít để làm phân bón.

6. Em hãy kể một số hoạt động khai thác tài nguyên biển ở nước ta.

MỤC LỤC

Trang

Phần Mở đầu

Bài 1. Môn Lịch sử và Địa lí	3
Bài 2. Làm quen với bản đồ	4
Bài 3. Làm quen với bản đồ (tiếp theo)	7

Phần Lịch sử

BUỔI ĐẦU DỰNG NƯỚC VÀ GIỮ NƯỚC

(Khoảng 700 năm TCN đến năm 179 TCN)

Bài 1. Nước Văn Lang	11
Bài 2. Nước Âu Lạc	15

HƠN MỘT NGHÌN NĂM ĐẤU TRANH GIÀNH LẠI ĐỘC LẬP

(Từ năm 179 TCN đến năm 938)

Bài 3. Nước ta dưới ách đô hộ của các triều đại phong kiến phương Bắc	17
Bài 4. Khởi nghĩa Hai Bà Trưng (Năm 40)	19
Bài 5. Chiến thắng Bạch Đằng do Ngô Quyền lãnh đạo (Năm 938)	21
Bài 6. Ôn tập	24

BUỔI ĐẦU ĐỘC LẬP

(Từ năm 938 đến năm 1009)

Bài 7. Đinh Bộ Lĩnh dẹp loạn 12 sứ quân	25
Bài 8. Cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược lần thứ nhất (Năm 981)	27

NƯỚC ĐẠI VIỆT THỜI LÝ

(Từ năm 1009 đến năm 1226)

Bài 9. Nhà Lý dời đô ra Thăng Long	30
Bài 10. Chùa thời Lý	32
Bài 11. Cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược lần thứ hai (1075 - 1077)	34

NƯỚC ĐẠI VIỆT THỜI TRẦN

(Từ năm 1226 đến năm 1400)

Bài 12. Nhà Trần thành lập	37
Bài 13. Nhà Trần và việc đắp đê	39
Bài 14. Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên	40
Bài 15. Nước ta cuối thời Trần	42

NƯỚC ĐẠI VIỆT BUỔI ĐẦU THỜI HẬU LÊ

(Thế kỉ XV)

Bài 16. Chiến thắng Chi Lăng	44
Bài 17. Nhà Hậu Lê và việc tổ chức quản lí đất nước	47
Bài 18. Trường học thời Hậu Lê	49
Bài 19. Văn học và khoa học thời Hậu Lê	51
Bài 20. Ôn tập	53

NƯỚC ĐẠI VIỆT THẾ KỈ XVI - XVIII

Bài 21. Trịnh - Nguyễn phân tranh	53
Bài 22. Cuộc khản hoang ở Đàng Trong	55
Bài 23. Thành thị ở thế kỉ XVI - XVII	57
Bài 24. Nghĩa quân Tây Sơn tiến ra Thăng Long (Năm 1786)	59
Bài 25. Quang Trung đại phá quân Thanh (Năm 1789)	60
Bài 26. Những chính sách về kinh tế và văn hoá của vua Quang Trung	63

BUỔI ĐẦU THỜI NGUYỄN

(Từ năm 1802 đến năm 1858)

Bài 27. Nhà Nguyễn thành lập	65
Bài 28. Kinh thành Huế	67
Bài 29. Tổng kết	69

Phần Địa lí

**THIÊN NHIÊN VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT
CỦA CON NGƯỜI Ở MIỀN NÚI VÀ TRUNG DU**

Bài 1.	Dãy Hoàng Liên Sơn	70
Bài 2.	Một số dân tộc ở Hoàng Liên Sơn	73
Bài 3.	Hoạt động sản xuất của người dân ở Hoàng Liên Sơn	76
Bài 4.	Trung du Bắc Bộ	79
Bài 5.	Tây Nguyên	82
Bài 6.	Một số dân tộc ở Tây Nguyên	84
Bài 7-8.	Hoạt động sản xuất của người dân ở Tây Nguyên	87
Bài 9.	Thành phố Đà Lạt	93
Bài 10.	Ôn tập	97

**THIÊN NHIÊN VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT CỦA CON NGƯỜI
Ở MIỀN ĐỒNG BẰNG**

Bài 11.	Đồng bằng Bắc Bộ	98
Bài 12.	Người dân ở đồng bằng Bắc Bộ	100
Bài 13-14.	Hoạt động sản xuất của người dân ở đồng bằng Bắc Bộ	103
Bài 15.	Thủ đô Hà Nội	109
Bài 16.	Thành phố Hải Phòng	113
Bài 17.	Đồng bằng Nam Bộ	116
Bài 18.	Người dân ở đồng bằng Nam Bộ	119
Bài 19-20.	Hoạt động sản xuất của người dân ở đồng bằng Nam Bộ	121
Bài 21.	Thành phố Hồ Chí Minh	127
Bài 22.	Thành phố Cần Thơ	131
Bài 23.	Ôn tập	134
Bài 24.	Dải đồng bằng duyên hải miền Trung	135
Bài 25-26.	Người dân và hoạt động sản xuất ở đồng bằng duyên hải miền Trung	138
Bài 27.	Thành phố Huế	145
Bài 28.	Thành phố Đà Nẵng	147

VÙNG BIỂN VIỆT NAM

Bài 29.	Biển, đảo và quần đảo	149
Bài 30.	Khai thác khoáng sản và hải sản ở vùng biển Việt Nam	152
Bài 31-32.	Ôn tập	155
		159

Chịu trách nhiệm xuất bản : Chủ tịch Hội đồng Thành viên **NGUYỄN ĐỨC THÁI**

Tổng Giám đốc **HOÀNG LÊ BÁCH**

Chịu trách nhiệm nội dung : Tổng biên tập **PHAN XUÂN THÀNH**

Biên tập lần đầu : **NGUYỄN MY LÊ**

NGUYỄN HỒNG LIÊN - TRẦN NGỌC ĐIỆP

Biên tập tái bản : **ĐẶNG THỊ HUYỀN TRANG - LÊ ANH TUẤN**

Thiết kế sách : **TÀO THU HƯƠNG**

Trình bày bìa và biên tập mỹ thuật : **TÀO THU HƯƠNG**

Sửa bản in : **PHÒNG SỬA BẢN IN (NXB GIÁO DỤC TẠI HÀ NỘI)**

Chế bản : **CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG**

Một số thông tin, số liệu kinh tế, xã hội trong SGK này đã được cập nhật trong “Tài liệu cập nhật một số thông tin, số liệu trong sách giáo khoa môn Địa lí” và được cung cấp miễn phí tại địa chỉ internet <http://www.nxbgd.vn>.

Trong sách có sử dụng một số lô liệu ảnh của Thông tấn xã Việt Nam.

LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4

Mã số : 1H405T1

In bản (QĐ), khổ 17x24 cm

Đơn vị in :

Địa chỉ :

Cơ sở in :

Số ĐK xuất bản : 01-2021/CXBIPH/96-1559/GD

Số QĐXB :/QĐ-GD ngàytháng năm 2021

In xong và nộp lưu chiểu tháng năm 2021.

Mã ISBN: 978-604-0-23342-4